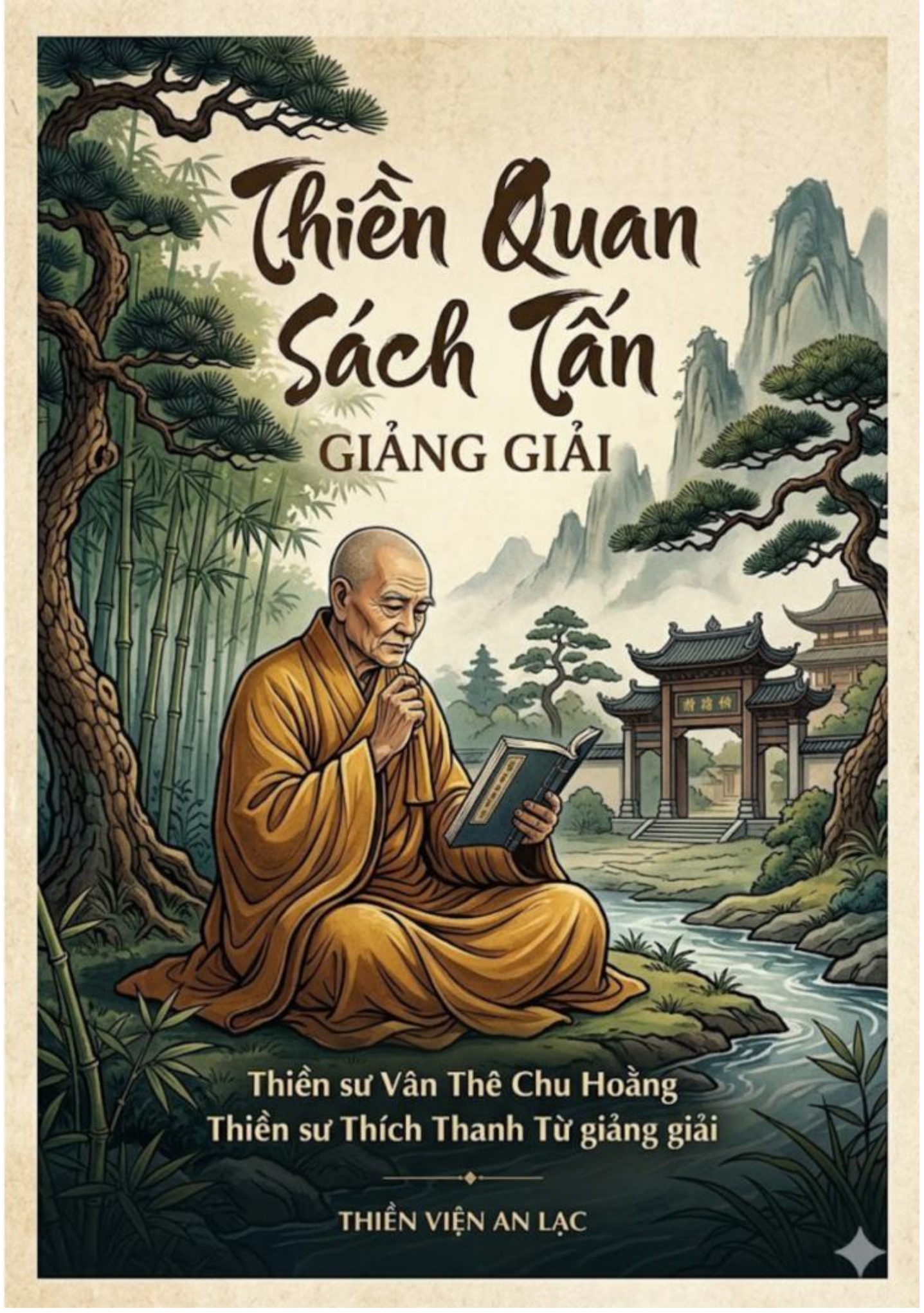




Thiền Quan Sách Tấn

GIẢNG GIẢI

Thiền sư Vân Thê Chu Hoàng
Thiền sư Thích Thanh Từ giảng giải

THIỀN VIỆN AN LẠC

MỤC LỤC:

LỜI ĐẦU SÁCH	5
TỰA	9
PHẦN GIẢNG GIẢI.....	13
RÚT GỌN LỜI DẠY CHƯ TỔ	13
1. THIỀN SƯ HOÀNG BÁ VẬN DẠY CHÚNG	13
2. THIỀN SƯ TRIỆU CHÂU THẨM DẠY CHÚNG	17
3. THIỀN SƯ HUYỀN SA BỊ DẠY CHÚNG.....	18
4. THIỀN SƯ ĐẠI NGHĨA RẰN DẠY.....	19
5. THIỀN SƯ VĨNH MINH THỌ RẰN DẠY.....	21
6. THIỀN SƯ TỬ TÂM TÂN TIỂU THAM	23
7. THIỀN SƯ DIỄN ĐÔNG SƠN TIẾN ĐỆ TỬ ĐI HÀNH CƯỚC.....	25
8. THIỀN SƯ DI AM CHÂN DẠY CHÚNG	28
9. THIỀN SƯ ĐẠI HUỆ CẢO ĐÁP LỜI HỎI.....	29
10. THIỀN SƯ MÔNG SƠN DỊ DẠY CHÚNG	31
11. ĐẠI SĨ TỔ AM ĐIỀN DẠY CHÚNG	39
12. THIỀN SƯ VÔ LƯỢNG THƯƠNG DẠY.....	40
13. THIỀN SƯ DỤNG CƯƠNG NHUYỄN ĐÁP THƯ NGƯỜI.....	41
14. THIỀN SƯ TUYẾT NHAM KHÂM DẠY	41
15. THIỀN SƯ CAO PHONG DIỆU DẠY CHÚNG	49
16. THIỀN SƯ THIẾT SƠN ÁI DẠY.....	57
17. THIỀN SƯ ĐOẠN NHAİ NGHĨA DẠY CHÚNG.....	65
18. THIỀN SƯ TRUNG PHONG BỒN DẠY CHÚNG	66
19. THIỀN SƯ THIÊN NHƯ TẮC DẠY.....	71

20. THIỀN SƯ TRÍ TRIỆT BÀN VỀ TỊNH ĐỘ HUYỀN MÔN	77
21. THIỀN SƯ VÔ VĂN THÔNG DẠY	78
22. HÒA THƯỢNG ĐỘC PHONG DẠY CHÚNG	82
23. HÒA THƯỢNG BÁT NHÃ DẠY CHÚNG.....	83
24. HÒA THƯỢNG TUYẾT ĐÌNH DẠY CHÚNG	87
25. THIỀN SƯ CỔ MAI HỮU DẠY CHÚNG.....	88
26. THIỀN SƯ KIỆT PHONG NGU DẠY GIẢNG SƯ NGŨ ĐÀI.....	90
27. THIỀN SƯ HẠT ĐƯỜNG ĐÁP LỜI VUA HỎI.....	91
28. HÒA THƯỢNG ĐOẠN NGẠN DẠY CHÚNG.....	92
29. THIỀN SƯ CỔ CHUYẾT DẠY CHÚNG	94
30. THIỀN SƯ THÁI HƯ DẠY CHÚNG	96
31. THIỀN SƯ SỞ THẠCH KỲ DẠY CHÚNG.....	97
32. THIỀN SƯ PHỔ TẾ ĐÁP THƯ LÝ TƯỚNG QUỐC	100
33. THIỀN SƯ SỞ SƠN KỲ GIẢI CHẾ.....	101
34. THIỀN SƯ ĐỘC PHONG THIỆN DẠY CHÚNG ...	102
35. THIỀN SƯ KHÔNG CỐC LONG DẠY CHÚNG.....	103
36. HÒA THƯỢNG THIÊN KỲ DẠY CHÚNG	104
37. THIỀN SƯ CỔ ÂM CẦM DẠY CHÚNG.....	106
38. THIỀN SƯ DỊ NHAM ĐĂNG GIẢI THÍCH NGHI..	108
39. HÒA THƯỢNG NGUYỆT TÂM DẠY CHÚNG.....	108
SỰ KHỔ CÔNG TU TẬP CỦA CHƯ TỔ.....	110
1. MỘT MÌNH NGÔI TRONG TỊNH THẤT	110
2. NGÔI TRÊN CÂY DỰA MÉ HỐ.....	110
3. ĂN RAU NGŨ DƯỚI GỐC CÂY.....	111

4. KHÔNG GIẢI Y	112
5. LẤY DÙI CHÍCH VÀO MÌNH.....	112
6. TRONG THẤT TỐI KHÔNG QUÊN	113
7. CHIỀU VỀ RƠI NƯỚC MẮT.....	114
8. BA NĂM NỖ LỰC TU HÀNH	115
9. ĐÁNH THỨC BẰNG CÁCH KÊ ĐẦU GỐI TRÒN ...	116
10. BỊ MƯA KHÔNG HAY	117
11. THỀ KHÔNG XỎ MÈN	118
12. NÉM THƯ KHÔNG XEM.....	118
13. DO KIÊN THỆ ĐƯỢC GIÁC NGỘ.....	119
14. KHÔNG LÚC NÀO DUYÊN CẢNH KHÁC	119
15. LÚC VỘI VÀNG VẪN KHÔNG QUÊN.....	120
16. QUÊN ĐÒ ĐẾN BẾN.....	120
17. QUÊN CẢ ĂN NGỦ	121
18. THÂN MIỆNG ĐỀU QUÊN	122
19. BỎ HẾT MUÔN VIỆC	122
20. BẾ CỬA NỖ LỰC THAM CỨU	124
21. ĐỤNG ĐẦU VÀO CỘT	124
22. TRONG THẤT KHẮC KHỔ.....	125
23. QUÊN NẪM	127
24. GIỮ ĐỘN CÔNG PHU.....	128
DẪN CÁC KINH	130
1. IM LẶNG CHUYÊN CẦN TU TẬP	130
2. KHÔNG THẤY ĐẠO THỀ KHÔNG NẪM NGHỈ	130
3. VÌ CHUYÊN CẦN CAM CHỊU MỌI KHÓ KHỔ	131
4. HÔNG KHÔNG BÉN CHIẾU	131

LỜI ĐẦU SÁCH

Thiền Quan Sách Tấn được xem như quyển sách gối đầu nằm của hành giả chuyên tu thiền. Hành giả khi giải đãi thối chí, mở ra đọc sẽ thấy một nguồn sức mạnh thúc đẩy chúng ta tiến tới, vượt qua những chướng ngại về thân tâm. Thiền Quan Sách Tấn vốn là quyển sách bất ly thân của ngài Châu Hoàng. Ngài đi đến đâu, trụ nơi nào cũng không rời, đủ thấy sự thiết yếu và giá trị tinh thần của quyển sách đối với chư thiền giả ngày xưa và người học đạo hôm nay.

Nội dung bao gồm ba phần:

- Phần đầu trích dẫn những lời dạy thiết thực của chư tổ, các vị thiền sư.

- Phần hai, gương hạnh của chư thiền đức tiến đạo nghiêm thân.

- Phần ba, lời Phật dạy và các tích truyện trong kinh, mục đích thúc liễm thân tâm người tu đạo.

Ngài Châu Hoàng ở đời Minh chịu ảnh hưởng chủ yếu từ dòng thiền Lâm Tế, nhất là khán thoại đầu. Do vậy, hai phần đầu ngài trích dẫn lời chỉ dạy và công hạnh các thiền sư chuyên khán thoại đầu.

Tuy vậy, dù khán thoại đầu, niệm Phật, trì chú hay tu thiền bằng cách dứt trừ vọng tưởng như chúng ta, cũng phải công phu đầy đủ viên mãn. Nếu nói tu không cần dụng công là sai lầm. Bất cứ một pháp môn nào cũng phải hết sức cố gắng, nỗ lực, miên mật thì sự tu mới đến nơi đến chốn.

“Không có Di-lặc trời sanh cũng không có Thích-ca tự nhiên thành.”

Dụng công có hai lối: Hướng nội nghĩa là gạn lọc bên trong và hướng ngoại tức là dùng trí tuệ nhìn ra ngoài nhưng đừng cho nhiệm trước. Hai phương pháp đều đòi hỏi phải khéo léo khi dụng công. Ngài Lâm Tế từng dạy: “Có khi đoạt cảnh chẳng đoạt nhân. Có khi đoạt nhân chẳng đoạt cảnh. Có khi nhân cảnh đều đoạt. Có khi nhân cảnh đều chẳng đoạt.” Hướng ngoại để phá tất cả những vọng chấp. Bên ngoài không chấp thì nội tâm cũng tự lặng. Xoay vào trong dùng bật mọi vọng tưởng, lúc đó bên ngoài cũng tự lặng. Dù phóng ra ngoài hay hướng vào trong đều là một không khác.

Hành giả thường mắc phải lỗi, do không có thiện tri thức hướng dẫn cặn kẽ, nên vừa được một chút sáng liên tưởng đã đạt đạo, không biết đó chỉ là một giai đoạn gia tâm, chưa phải cứu cánh. Nếu không thâm hiểu sẽ hài lòng, thỏa mãn với chỗ sở đắc. Nhà thiền có câu “gia tâm ngộ thiết”, cần phải nhiều phen nghiên tâm mới có được chỗ ngộ chân thiết. Ở đây, ngài Châu Hoàng thu thập những chỉ dạy, chứng nghiệm của chư vị thiền đức để chúng ta lấy làm bản đồ dẫn đường cho từng giai đoạn tu hành. Đó là điểm thiết yếu của quyển sách này.

Tuyển giả Sa-môn Châu Hoàng họ Trầm, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, quê ở Hàng Châu, huyện Nhân Hòa nay thuộc Triết Giang. Ngài sanh vào ngày 14 tháng 7 niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh năm thứ 14 (1535 TL). Thuở nhỏ Sư theo Nho học, đến mười bảy tuổi được đi tham học. Với bản tính diêm

đạm, không thích danh lợi, tư cách siêu quần bạt tụy, đức độ của ngài được mọi người tôn kính.

Đến niên hiệu Gia Tĩnh thứ 45, ngài về quê giở phần mộ mẹ. Khi lấy cốt, ngài cảm động nói: “Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng. Con nhớ ơn cha mẹ thì cha mẹ đã mất.” Ngài quyết định bỏ việc học hành, danh lợi thế gian, lên núi Ngũ Đài Sơn lễ hòa thượng Tánh Thiên Thiên Lý xin xuất gia. Năm đó ngài ba mươi mốt tuổi.

Sau khi thọ giới Cụ túc tại chùa Chiêu Khánh, Sư phát tâm đến Linh Sơn và các ngôi cổ tự đánh lễ. Khi đến kinh sư, yết kiến hai vị đại lão hòa thượng Biện Dung và Tiểu Nham, Sư được đại ngộ làm bài kệ:

*Nhị thập niên tiên sự khả nghi,
Tam thiên lý ngoại ngộ hà kỳ,
Phân hương trịch kích hồn như mộng,
Ma Phật không tranh thị dữ phi.*

Bài kệ mô tả lại sự kiện ngài ngộ đạo nơi hai vị trưởng lão. *Nhị thập niên tiên sự khả nghi*, nghĩa là hai mươi năm về trước việc đó đáng nghi. *Tam thiên lý ngoại ngộ hà kỳ*, nghĩa là ngoài ba ngàn dặm chợt gặp thật là việc lạ kỳ. *Phân hương trịch kích hồn như mộng*, thấp hương khấn nguyện hay phóng kích giữa trận đều như trong giấc mộng. Tới đây *ma Phật không tranh thị dữ phi*, không còn phân biệt ma hay Phật, quấy hay phải.

Niên hiệu Long Khánh thứ 5 (1571 TL) Sư trở về Hàng Châu ở tại núi Vân Thê, sáng lập thiên lâm. Người học các

nơi tìm đến tham học khiến tông phong ngày càng thịnh hành, trở thành một đại tông lâm.

Sa-môn Châu Hoàng chủ trương gìn giữ giới luật cẩn mật. Ngài trước tác bộ kinh A-di-đà Số Sao, ý chỉ đem Tịnh độ về Thiên, chủ trương Thiên Tịnh dung hợp. Ngài trích tuyển bộ Thiên Quan Sách Tấn để chỉ dạy những điều quyết thật tham, thật cứu cho người học. Ngoài ra còn trích tuyển ba bộ: Sa-di Yếu Lược, Cụ Giới Tiệm Mông, Kinh Phạm Võng Giới Số Phát Ân v.v... đều là các quy phạm về luật.

Đạo phong của ngài rất được triều đình kính trọng. Hoàng thái hậu Từ Thánh đã thỉnh Sư vào cung truyền giới. Vua Minh Thần Tông lại ban tặng tử y và kim quan tức là áo ca-sa màu tía và mào vàng.

Đến tháng 6 niên hiệu Vạn Lịch thứ 43, tức năm 1615, ngài có chút ít bệnh nên di chúc cho môn đồ. Đến ngày 4 tháng 7 ngài viên tịch, thọ 80 tuổi, hạ lạp 49 năm. Những trước tác của hòa thượng Châu Hoàng được kết tập thành Vân Thê Pháp Vựng trong đó có Vãng Sanh Tập, Lăng-nghiêm Kinh Mô Tượng Ký, Hoa

Nghiêm Kinh Cảm Ứng Lược Ký, Thủy Lục Nghi Văn, Du-già Diệm Khẩu Pháp, Giới Sát Phóng Sanh Văn, v.v... tất cả là 34 bộ, hơn 40 quyển.

Ngài Châu Hoàng về sau chủ trương Thiên Tịnh dung hợp, vì quán thoại đầu của tông Lâm Tế cũng gần với câu niệm Phật của Tịnh độ nên hai bên dễ dung hợp thành một. Đây là một vài nét sơ lược tiểu sử tuyển giả.

THÍCH THANH TỪ

TỰA

Trong bốn chữ Thiên Quan Sách Tấn, tuyển giả Châu Hoàng chú trọng chữ “quan”. Quan có nghĩa là cửa, cũng có nghĩa là cổng. Nói cửa tam quan là cổng bên ngoài, khác với chữ “môn” là cửa vào trong nhà. Hai chữ đều có nghĩa là cửa, nhưng khác nhau ở vị trí, nằm trong nhà gọi là môn, ngoài cổng là quan.

Thiên lại có cửa (quan) sao? Đạo vốn không có trong ngoài, ra vào; nhưng người hành đạo bởi có mê ngộ nên bậc đại thiện tri thức giữ cửa không thể không có khi mở đóng.

Đúng ra vào đạo không có cửa vì đó là chỗ đại từ bi, rộng rang, thanh thoát không có gì ngăn trở, nhưng vì hành đạo có kẻ mê, người ngộ nên tạm mở cửa phương tiện. Với người ngộ, cửa lúc nào cũng sẵn mở, song đối với kẻ mê, thân tuy hành đạo nhưng tâm miệng không có đạo, tâm nghĩ xằng, miệng nói bậy. Những người đó nếu không ngăn rào, chẳng lẽ để họ làm loạn trong đạo hay sao? Cho nên đối với kẻ mê phải có cửa.

Các ngài giữ khóa chốt kỹ càng, tra hỏi nghiêm ngặt, khiến những kẻ loạn ngôn tà ý muốn vượt qua bị cửa ngăn cản không thể thực hiện được mưu gian, và từ lâu rồi cửa ải này không dễ gì vượt qua.

Những kẻ loạn ngôn tu chưa ra gì lại dám tự xưng hiền thánh. Tà ý tức là đến với đạo vì mong cầu danh lợi v.v... Những người đó đến cửa thiên đều bị ngăn cản không cho thực hiện mưu gian. Nếu không như thế họ sẽ hủy nhục đạo

pháp, chứ không phải đạo khó khăn. Ngài Châu Hoàng giải thích lý do *thiền* tại sao lại có *quan*, đó là kể gìn giữ đạo lâu dài.

Tôi khi mới xuất gia được gặp một pho sách để trong phòng tên Thiền Môn Phật Tổ Cương Mục. Trong ấy ghi chép những lời tường thuật của các vị tôn túc về sự tham học, tu chứng của mình. Nào lúc mới tham học khó khăn thấu hiểu, lúc thực hành công phu nhọc nhằn khổ sở, đến sau cùng bỗng nhiên thấu ngộ. Tôi đọc qua, lòng rất kính mộ, nguyện học theo gương các ngài. Bộ sách này các nơi khác không thấy có. Kể tôi đọc bộ Ngũ Đăng, chư ngữ lục, tạp truyện, không luận những vị xuất gia hay tại gia có thật tham, thật ngộ, tôi đều góp nhặt thêm vào phần trước pho sách.

Tôi chọn rút những chuyện cốt yếu, xếp theo loại, biên thành tập lấy tên là Thiền Quan Sách Tấn. Ở nơi nào thì tôi để nó trên bàn, đi đâu thì mang theo trong bị, mỗi lần đọc cảm thấy khích lệ tâm chí, tinh thần phấn phát, như có một sức mạnh vô hình thúc đẩy gắng tiến.

Có người nói quyển sách này rất cần thiết đối với người chưa vượt qua khỏi cửa, nếu với kẻ vượt khỏi cửa đã xa thì đâu còn cần dùng?

Tuy nhiên, ngoài cửa này còn lớp cửa khác.

Có người nói giá trị của quyển sách này, rất cần cho người vào đạo, đặc biệt những người chưa qua khỏi cửa, chưa ngộ. Nếu người đã ngộ, đã qua khỏi cửa thì đâu cần dùng đến cửa phương tiện. Tuy nhiên trong cửa tu chứng không phải chỉ có một mà nhiều lớp cửa. Chúng ta thường tưởng vào cửa là xong việc, nhưng không phải, còn tới ba bốn cửa. Qua lớp rào này còn lớp rào khác, như nói được vô tâm tưởng là đạo nhưng không ngộ vô tâm còn cách một lớp rào.

Chẳng qua giả mượn tiếng gà, tạm rời miệng cọp.

Như người muốn qua cửa ải mà trời chưa sáng, nên giả tiếng gà gáy để quan giữ cửa tưởng trời gần sáng ra lệnh mở cửa ải. Đây gọi là giả mượn tiếng gà để qua miệng cọp. Ý nói người tu vượt được lớp cửa đầu, cũng chỉ mới tạm khỏi một chút nguy hiểm, chưa phải là xong.

Được ít cho là đủ là người tăng thượng mạn. Sông chưa cùng, núi chưa tốt vẫn phải gắng tiến.

Trên đường tu, chưa đến chỗ cùng tốt vẫn gắng tiến, dù được gì cũng phải tiến. Đừng nói tôi đã đắc cái này, cái kia rồi dừng lại, như vậy không phải. Sông chưa cùng, núi chưa tốt thì cứ tiến, tiến hoài, tiến chừng nào sông cùng núi tốt mới dừng.

Chạy mau, đi mãi bao giờ vượt khỏi cái cửa đen tối sau cùng, chừng ấy sẽ chậm rãi nghỉ ngơi chưa muộn.

Niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 28, đầu mùa xuân

Chùa Vân Thê

Sa-môn Châu Hoàng

Kính ghi

Cửa đen tối sau cùng là gì? Là cửa sanh tử. Qua khỏi cửa sanh tử, nghĩa là hoàn toàn giải thoát chùng đó mới chậm rãi nghỉ ngơi. Chưa giải thoát rốt ráo lại cho là xong thì chưa đúng.

Ngài viết lời tựa quyển sách này nhằm đầu mùa xuân niên hiệu Vạn Lịch năm thứ 28.



PHẦN GIẢNG GIẢI

RÚT GỌN LỜI DẠY CHƯ TỔ

Phần này, tôi không biên những lời cao siêu của chư tổ, chỉ rút những chỗ thực hành công phu khẩn thiết. Lại rút gọn những chuyện cốt yếu cho tiện hằng ngày đọc qua để khích lệ thân tâm.

1. THIÊN SƯ HOÀNG BÁ VẬN DẠY CHÚNG

Về trước tu tập nếu chưa thấu triệt, một phen lười hái tử thân kẻ cổ, sẽ thấy trăm mối rối ren.

Chúng ta xuất gia để cầu cái gì? Cầu giải thoát sanh tử. Nếu chưa đạt được mục đích thì ngủ không yên, ăn cũng không ngon. Như vậy mới đúng tinh thần của người xuất gia cầu đạo. Nếu đi tu để có ăn, có mặc cho sung sướng rồi tu hành lơ lơ là là, đi đâu cũng xưng Tỷ-kheo... rồi cuộc chuyện của mình không làm, bốn phận không biết. Nên tổ Hoàng Bá quả: *Tu tập nếu chưa thấu triệt, một phen lười hái tử thân kẻ cổ*, chừng đó mới hoảng hốt, thật là không xứng đáng. Cho nên người tu hành chưa giải quyết được vấn đề sanh tử thì phải nỗ lực không được chần chừ. Mỗi người phải thường cố gắng không nên bê trễ.

Thế mà, có một bọn ngoại đạo vừa thấy người hạ thủ công phu, bèn cười lạt, bảo rằng: “Còn có cái ấy nữa.”

Nếu người tu nào khi thấy người khác hạ thủ công phu cầu giải thoát sanh tử, liền cười lạt bảo rằng: “Còn có cái ấy nữa! Tôi tu thông thả ngao du trời đất, sao anh phải khổ sở vậy?” Những người đó thiên sư Hoàng Bá quơ thẳng tay là bọn ngoại đạo.

Ta thử hỏi ông: Nếu khi thần chết đến, ông lấy cái gì để chống cự lại? Vậy lúc rảnh rang lo giải quyết cho xong, đến khi gấp rút ít phí sức biết bao.

Chớ đợi khát nước mới lo đào giếng, khi tay chân co rút, đường trước mặt mờ, trần trở rối loạn. Khổ thay! Khổ thay!

Ngài hỏi ngoại đạo nếu không có sức mạnh hạ thủ công phu, khi thần chết tới làm sao chống cự. Cho nên lúc còn khỏe mạnh phải cố giải quyết cho xong, để đến khi hấp hối khổ sở vẫn làm chủ được mình. Ngao du trời đất không lo tu, tâm hồn bị dao động, tới chừng gần tắt thở, khổ sở ép bức vô cùng vô tận. Nếu sức định kém không thể làm chủ nổi thì đường trước mờ mờ mịt mịt. Chừng đó mới thật là đại khổ, kêu trời kêu đất cũng không thể được.

Bình nhật chỉ học tam-muội ngoài môi. Nói thiên, nói đạo, trách Phật, chê tổ, đến lúc này tất cả buông xuôi. Chỉ tưởng dối người, đâu ngờ ngày nay dối mình.

Bình nhật chỉ học tam-muội ngoài môi là lúc bình thường nói thiên, nói định ngoài miệng nhưng thật sự trong tâm loạn động. Tưởng đâu như vậy sẽ được thiên hạ nể phục, đâu ngờ chính việc nói dối đó tới khi sắp chết không có một chút sức lực kháng cự với tử thần. Chừng ấy mới thấy rõ ràng ngày

trước đối người bây giờ trở lại đối mình. Chúng ta tự lừa dối để rồi buông xuôi bao nhiêu công phu, buông xuôi một đời tu học. Cho nên tổ Hoàng Bá quả trách rất nặng nề. Đây là linh dược khổ khẩu. Thiên Quan Sách Tấn là thuốc đắng, quý vị ráng uống mới hết bệnh.

Tôi khuyên hết thầy huynh đệ, lúc thân thể còn tráng kiện nên chọn lấy những điều mình đã hiểu, làm động cơ tu tiến thì rất dễ dàng. Tự các ông không chịu lập chí quyết chết thực tập công phu, chỉ nghĩ là khó thì lại càng thấy khó.

Ở trên ngài quả, dưới này ngài khuyên. Nhận được, hiểu được chỗ nào phải nắm lấy làm động cơ để tu. Trong lúc sức còn mạnh, thân thể còn tráng kiện cố gắng tiến tu. Không có gì khó hết, cứ gắng tiến thì sẽ dễ dàng.

Tu là phải quyết chết. “Quyết chết” thật là quan trọng đối với người tu. Lập chí quyết tử thực tập công phu thì mới tiến. Bằng ngược lại cứ nghĩ: “Chà! Tu như vậy coi bộ khó quá!” lại càng thấy khó, không bao giờ tiến nổi. Cho nên đừng nghĩ khó, chết thì thôi, không sợ khó. Chính cái không sợ đó giúp chúng ta không còn thấy khó nữa.

Nếu là bậc trượng phu hãy khán công án. Có vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: “Con chó có Phật tánh không?” Ngài Triệu Châu đáp: “Không.” Suốt mười hai thời (hai mươi bốn tiếng đồng hồ) khán một chữ Không. Ngày tham đêm tham, đi đứng ngồi nằm, mặc áo ăn cơm, đại tiểu tiện v.v... đều dồn hết tinh thần khán một chữ Không. Lâu ngày chày tháng kết thành

một khối, bỗng nhiên tâm hoa khai phát, ngộ được cơ nhiệm mầu của Phật tổ, sẽ không còn ngờ vực câu nói của Lão hòa thượng, thấu triệt đại ngộ.

Những người mạnh mẽ thì khán công án. Công án là những câu bí mật do các lão hòa thượng nói, để người nghe dồn khối nghi vào đó, không còn nghĩ tưởng việc khác. Chừng nào vỡ khối nghi thì tâm hoa khai phát, nghĩa là ngộ đạo.

Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ đến, không gió đã làm dậy sóng.

Câu này ca ngợi Thiên tông của tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền vào Trung Hoa mang một sinh lực mạnh mẽ, dồi dào. Ngài đến Trung Hoa làm cho nơi đây không gió mà nổi sóng.

Đức Thế Tôn đưa cành hoa cả hội đều ngơ ngác. Đến chỗ này nói gì là lão Diêm-la, đến ngàn thánh còn chẳng bì được người.

Đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên trong hội Linh Sơn, cả hội ngơ ngác, chỉ có tôn giả Đại Ca-diếp ngộ đạo.

Nếu ngộ được chỗ này tức là ngộ được chỗ tổ Đạt-ma truyền, chỗ đức Thế Tôn đưa cành hoa, thì Diêm vương không còn quyền lực gì đối với mình nữa. Đến chỗ này rồi, ngàn vị thánh cũng không qua được.

Không tin nói thẳng có sự kỳ đặc này, vì sao như thế? Việc này chỉ ngại người hữu tâm.

Không chỉ ngài Hoàng Bá mà tất cả những bậc kỳ đặc như thiên sư Hy Thiên, Đơn Hà hay Mã Tổ, Nam Nhạc, Nam Tuyên, cho đến Lâm Tế đều đã được như thế.

Hữu tâm là ngược lại với vô tâm. Vô tâm thì không khó còn hữu tâm lại khó. Người tu nếu muốn đạt đến chỗ cứu cánh thì phải vô tâm, còn hữu tâm là còn chướng ngại.

Tổ Hoàng Bá quả trách: Tất cả người tu hành đạt đạo đều nhờ công phu, vậy mà có một bọn thấy người hạ thủ công phu lại chê cười, khinh bỉ. Bọn ấy đợi gần chết mới hối hận. Ngài khuyên phải quyết chết, tu cho đến nơi đến chốn, không được nửa chừng bỏ cuộc. Nếu thấu đạt lý của Phật tổ dạy, dù cho Diêm vương có đến cũng không làm gì được mình. Chẳng những vậy, ngàn thánh cũng không hơn mình. Đến đó mới thấy là cao tốt, quý báu không cùng. Phải hiểu cho thấu đáo, tu cho đến cùng, đừng hiểu một cách lơ mờ rất uống.



2. THIÊN SƯ TRIỆU CHÂU THẨM DẠY CHÚNG

Các ông chỉ thấu đạt lý tọa thiền, chuyên khán hai ba mươi năm. Nếu không hội chặt đầu Lão tăng đi.

Thấu đạt tức là hiểu rõ được lý tọa thiền. Nếu người nhận được lý thiền, cầm đầu tu hai ba chục năm mà không ngộ thì chặt đầu ông già Triệu Châu đi. Lời này không còn giá trị với chúng ta bây giờ, ngài đâu còn nữa mà chặt. Thí dụ nếu tôi nói thì có giá trị: “Nếu quý vị chuyên tâm khán hai ba mươi năm mà không ngộ thì chặt đầu tôi đi.”

Lão tăng ngót bốn mươi năm chuyên khán không dụng tâm tạp loạn, trừ hai thời cơm và cháo mới tạp dụng tâm.

Ngài Triệu Châu dẫn chứng việc dụng công của bản thân bốn chục năm chuyên một bề tu theo thiên định. Chỉ trừ hai thời cơm và cháo phải phục nguyên cho đàn-na thí chủ mới tạp dụng tâm, còn lại bao nhiêu thì giờ đi đứng nằm ngồi, ngủ thức ngài đều một bề chuyên khán.

Người xưa dụng tâm như vậy mới ngộ đạo, còn mình bây giờ lơ lửng. Chúng ta so sánh với người xưa đúng là một trời một vực. So với người phóng túng thì thấy chúng ta khá hơn một chút, nhưng nhìn lại gương cổ đức thì mình thật chưa ra gì. Thiền sư Triệu Châu suốt bốn mươi năm chưa hề dụng tâm tạp loạn, trừ hai thời cơm cháo vì phục nguyên cho thí chủ, chứ không phải tạp loạn là nghĩ danh, nghĩ lợi như mình. Vì vậy các ngài ngộ là đúng rồi.

Chúng ta bây giờ tu lơ mơ, còn nói: “Tôi tu mấy năm rồi sao không thấy gì hết.” Mấy năm nhưng không quyết chiến năm nào, làm sao thấy? Phải nỗ lực bao nhiêu lần mới được, đừng có lơ mơ.



3. THIỀN SƯ HUYỀN SA BỊ DẠY CHÚNG

Phàm Bồ-tát học Bát-nhã phải đủ đại căn cơ, đại trí tuệ mới được.

Huyền Sa là một vị thiền sư nổi danh vào đời Đường. Ngài nói Bồ-tát học Bát-nhã là học về đại giác ngộ, đại trí tuệ của Bồ-tát, nên phải là bậc thượng căn có đại căn cơ, đại trí tuệ.

Nếu căn cơ trì độn, phải chuyên cần khổ nhọc, nhẩn nại đêm ngày quên mệt, giống như người đưa đám ma mẹ, cấp bách như thế lại được người phụ lực. Ghi tạc trong lòng chuyên tâm thật cứu, ắt có ngày hội được.

Nếu cảm thấy mình căn cơ trì độn, nghĩa là chậm lụt thì phải cố gắng *chuyên cần khổ nhọc, nhẩn nại đêm ngày quên mệt, giống như người đưa đám ma mẹ*. Người đưa đám ma mẹ dù đi tới chỗ lầy, cũng không dám để quan tài bị chinh nghiêng. Dù khổ nhọc cách mấy vẫn phải ráng vượt qua, cũng không còn tâm trí vui vẻ, cười đùa. Quý vị nhìn thấy gương mặt những người đưa đám ma mẹ ra sao? Họ sần héo, bơ phờ, không còn nghĩ danh, nghĩ lợi, không nghĩ gì hết. Chỉ buồn bã thương xót mẹ mà thôi.

Người tu cũng vậy, phải cần cù đêm ngày, dồn hết tâm trí vào việc tu. Chính do sự cấp thiết như thế lại *có người phụ lực* tức là có thiện tri thức giúp cho một câu, hay một phương tiện để ta cố gắng thì phải ghi tạc trong xương, thật tâm nghiên cứu ắt có ngày được hội. Người chần chừ không bao giờ được.



4. THIỀN SƯ ĐẠI NGHĨA RĂN DẠY

Chớ chỉ quên mình với tử tâm,

Bệnh nan y này thật quá thâm.

Mau mau đề khởi gươm tuệ bén,

Cần rõ Tổ sư nghĩa nhiệm mầu.

Mở mắt to chừ nhướng đôi mày,

Xem xét tới lui, y là ai?

Nếu chẳng dụng công, ngồi lạng lẽ,

Bao giờ mới được ngộ tâm không?

Thiền sư Đại Nghĩa dạy có hai bệnh người tu phải tránh: quên mình và tử tâm. Quên mình là sao?

Có người ngồi coi như chết không biết gì. Ai lôi kéo đi đâu cũng không hay, cho đó là đại định. Nhưng ở đây các tổ quả, ngồi mà không biết gì, thân mình không biết, cái gì cũng không biết, sống mà coi như chết. Đó là bệnh quên mình.

Tử tâm là sao? Là kìm tâm cho chết ngột. Tức là ngồi cứ kìm kìm, ém ém cho tâm dừng dấy khởi gì cả, không để cái biết quán chiếu sáng suốt. Đó gọi là tử tâm.

Bệnh nan y này thật quá thâm, những người ngồi tới quên mình rồi thì trị khó lắm vì họ tưởng là định sâu nên cố giữ như thế. Do vậy, thiền sư Đại Nghĩa nói đây là bệnh rất khó trị. Gặp hai bệnh này phải làm sao? *Mau mau đề khởi gươm tuệ bén*, tức là phải dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu.

Cần rõ Tổ sư nghĩa nhiệm mầu, thiền là để thấu triệt nghĩa Tổ sư, không phải ngồi như xác chết. Nếu ngồi như chết sẽ không có trí tuệ, mà không có trí tuệ làm sao ngộ đạo? Cho nên người nào tới chỗ đó phải cố gắng vượt qua. Ngồi mà không còn biết gì liên phải đề khởi quán chiếu. Người tu về thoại đầu đề khởi câu thoại đầu, nếu tu thiền buông vọng tưởng như chúng ta phải dùng trí Bát-nhã quán. Quán thân,

quán cảnh tất cả đều huyền hóa để phát ra trí tuệ, đừng để cho chìm mất.

Mở mắt to chừ nhướng đôi mày, lúc đó phải mở mắt cho lớn, đừng buông xuôi hoặc chỉ nhướng nhướng, một hồi gục mắt. Gục được rồi có trón gục hoài. Xem xét tới lui, y là ai? Ở đây ngài dạy khi lỡ buồn ngủ phải dùng quán. Nếu lạng lẽ là chỉ, chỉ thì dễ gục, cho nên phải dùng quán. Quán tới quán lui, xét qua xét lại coi cái gì là bản thể chân tâm, bản lai diện mục của mình.

Nếu chẳng dụng công ngồi lạng lẽ, bao giờ mới được ngộ tâm không? Cứ ngồi lạng lẽ thì không biết chừng nào mới ngộ. Dụng công thế nào? Khi thấy tâm mình chết đi, phải dùng trí quán cho nó sống lại. Nếu ngủ gục thì phải trợn mắt, phải quán chiếu để phá. Luôn luôn làm chủ, điều khiển tâm chứ không được buông xuôi cho nó làm sao thì làm, ngồi hết giờ rồi thôi.



5. THIỀN SƯ VĨNH MINH THỌ RẪN DẠY

Cửa học đạo không có gì kỳ đặc. Chỉ cần gột sạch căn, trần và những chủng tử nghiệp thức từ vô lượng kiếp đến giờ.

Thật ra học đạo khi hiểu rồi không có gì lạ, rất bình dị, dễ dàng. Nhiều khi trong sinh hoạt bình thường thấy như căn trần không dính nhiễm, nhưng bắt chân lên bồ đoàn thì những chuyện quá khứ sống dậy. Đó là chủng tử nghiệp thức. Hành giả chịu khó mỗi ngày bỏ một ít, lâu ngày nó mòn dần. Nói bỏ chứ sự thật không có gì để bỏ, chỉ là biết nó không

theo, nó tự lặn đi. Nhiều người nói tại sao hồi chưa tu ít vọng, nay tu vọng tưởng nổi liên miên. Thật sự không phải vậy. Vì khi chưa tu không biết cái gì là vọng tưởng, nó đầy trong bụng nhưng không thấy. Bây giờ tu mới biết nó là vọng, nhìn thấy rồi than phiền vọng nhiều.

Như vậy tu hai phần: một là giữ cho sáu căn tiếp xúc với sáu trần đừng bị nhiễm, đó là tu ngay trong nhân hiện tại. Hai là chủng tử thời quá khứ đã tạo, bây giờ gỡ bỏ lần lần, đó là diệt trừ những nghiệp nhân trong quá khứ.

Các ông nếu tiêu trừ hết tình niệm, đoạn dứt vọng duyên, đối với tất cả thứ ái dục ở thế gian tâm không động nhiễm như cây đá, dù đạo nhân chưa sáng, tự nhiên thân tâm an tịnh.

Tu làm sao để tất cả tình niệm hiện tại tiêu trừ, vọng duyên đều dứt sạch, đối với ái dục của thế gian tâm không động nhiễm, được vậy dù chưa đắc đạo nhân, tâm vẫn an nhiên thanh tịnh. Cố gắng như thế là rất tốt rồi.

Nếu gặp bậc đạo sư chân chánh phải thiết tha thân cận, giả sử tham chưa thấu triệt, học chưa thành tài, một phen tai nghe đạo vị tạo thành chủng tử đạo trong tàng thức, kiếp kiếp không sa vào ác thú, đời đời không mất thân người, vừa sanh ra một nghe ngàn ngộ.

Sở dĩ có người nghe ít ngộ nhiều là do sự huân tập từ nhiều đời. Hiện thời chúng ta tu chưa đến nơi đến chốn nhưng gần gũi thiện hữu tri thức, được nghe đạo vị tạo thành chủng tử. Như thế sau này không bị mất thân người, sanh ra gặp Phật pháp nghe được liền ngộ mau chóng.

Như vậy, ngài chỉ hai hạng người, khá thì phải ráng tiêu trừ tất cả những vọng duyên, tình niệm đừng để ô nhiễm, dù chưa ngộ đạo tâm vẫn thanh tịnh.

Người hơi dở hơn một chút, nếu hiện đời chưa được gì nhưng gần thầy tốt bạn lành, nghe đạo lý phát khởi những chủng tử tốt khởi rơi vào ác thú, được làm người. Đời sau nghe Phật pháp liền hiểu, liền tu. Như vậy cũng là quý. Thành ra trường hợp nào cũng tốt, đừng có than thở: “Tôi tu không ngộ gì hết, thôi buông xuôi cho rồi.” Phải nghĩ rằng dù cho hiện đời làm chưa được nhưng cố gắng huân vào, đời sau tiến tu cũng được mau chóng.



6. THIÊN SƯ TỬ TÂM TÂN TIỂU THAM

Chư thượng tọa! Thân này khó được, Phật pháp khó nghe, chính đời này không lo độ, mong đời nào độ thân này?

Ngài tên Tân, người đời Tống. Do ngài tu hành quyết liệt như khắc chữ Tử trên trán, nên về sau ngộ đạo người đời gọi là thiên sư Tử Tâm Tân.

Ngài dạy chúng ta cốt yếu phải giải quyết việc sanh tử ngay trong hiện đời, không nên nói đời này tu chưa xong đời sau tu tiếp. Phải xong việc ngay trong một đời này.

Các ông thích tham thiên ư? Phải buông bỏ hết. Buông bỏ cái gì? Buông bỏ tứ đại, ngũ uẩn, buông bỏ những nghiệp thức từ vô lượng kiếp đến nay.

Tham thiền thì phải buông bỏ. *Buông bỏ cái gì? Buông bỏ tứ đại, ngũ uẩn*, biết rõ thân chỉ là trò ảo mộng, không nghĩa lý gì. Ai còn trọng thân tứ đại, ngũ uẩn là chưa biết tu thiền. Tu thiền phải dám buông bỏ thân, đồng thời buông bỏ những nghiệp thức, loạn tưởng từ vô thủy tới nay. Phải buông hết, buông sạch.

Nhìn xuống gót chân mình suy cùng xét tận xem nó là cái gì?

Tại sao ngài dạy như vậy? Nhìn xuống gót chân mình kiểm cái gì? Ý ngài là bản lai diện mục không rời mình mà có, đừng tìm đâu xa. Vì vậy, thiền sư nói nhìn xuống gót chân suy cùng xét tận coi nó là cái gì. Đây là lối noi của pháp tu khán thoại đầu.

Xét qua xét lại, bỗng nhiên tâm hoa phát sáng, chiếu khắp cõi nước mười phương. Có thể nói được tại tâm, nắm trong tay, mới hay biến quả đất thành vàng ròng, khuấy nước sông làm tô lạc, thật khoái chí thay!

Khi tâm hoa phát sáng soi khắp mười phương sẽ có công dụng *có thể nói được tại tâm, nắm trong tay*. Như vậy mới thấy nó rõ ràng ngay tâm mình chứ không đâu xa. Việc đó coi như nắm chắc trong tay không còn nghi ngờ.

Chừng đó *mới hay biến quả đất thành vàng ròng, khuấy nước sông làm tô lạc, thật khoái chí thay!* Tức là diệu dụng vô cùng vô tận. Chỉ chịu khó quay lại mình, tìm tâm của mình, ngày nào bừng ngộ sẽ thấy khuấy nước biển Nam Hải thành tô lạc, biến quả đất thành vàng ròng, đại dụng không

lượng. Lúc đó mới thật là khoái chí, còn tu chưa đến chỗ đó thì không có gì sung sướng hết.

Chớ nên cắm đầu trên sách vở, xét lời bàn chữ, nói thiên luận đạo, thiên đạo không có ở trên sách vở.

Tới đây ngài khuyên dạy chúng ta chớ nên cắm đầu trên sách vở, xét lời bàn chữ, nói thiên luận đạo. Nghĩa là đừng mắc kẹt ở trong chữ nghĩa vì thiên đạo không có ở trên sách vở. Căn bản là phải thu nhiếp lại ngay gót chân mình.

Dù nhớ hết Đại tạng kinh, thuộc lòng Bách gia chư tử, cũng chỉ là luận bàn suông chơi, đến khi chết trọn không lợi ích gì.

Nhớ nhiều, học giỏi nhưng không chịu tu, rốt cuộc chết không làm chủ được. Muốn làm chủ phải quay lại mình, làm sao tự mình nắm chắc chỗ đó một cách rõ ràng như nắm món đồ trong tay. Chừng đó mới thấy được diệu dụng, mới thật đạt sở nguyện.



7. THIÊN SƯ DIỄN ĐÔNG SƠN TIỄN ĐỆ TỬ ĐI HÀNH CƯỚC¹

Ông nên ghi hai chữ sanh tử trên trán, xét nét tìm hiểu.

1. Hành cước: Đi khắp nơi tìm thầy, tìm bạn học hỏi, cốt yếu không ở lâu một chỗ để dứt tâm quyến luyến nhiệm trước.

Học đạo để giải quyết vấn đề sanh tử, nên hai chữ đó phải ghi trên trán để xét nét tìm hiểu, không được tu lơ thôi.

Chớ có kết bè, hợp bọn cười giỡn qua ngày. Lúc Diêm vương đến không thể đem cơm tiền đút lót được. Chớ bảo rằng ta chưa từng nhắc ông.

Cát chùa to, sắm đồ nhiều, *kết bè, hợp bọn cười giỡn qua ngày*. Đến khi Diêm vương tới, nói: “Tôi cho cái ti-vi, ông hoãn lại khoan đến tìm tôi, có được không?” Không thể nào được. Biết rõ không thể dùng cơm tiền đút lót Diêm vương, vậy thì bây giờ tạo những sự nghiệp đó làm gì? Phai giải quyết vấn đề sanh tử.

Nếu thực tập công phu, phải luôn luôn kiểm điểm thường thường xét nét, thế này là chỗ đắc lực, thế kia là chỗ không đắc lực, thế này là chỗ được, thế kia là chỗ mất.

Khi ngồi tham thiền, quý vị có thấy chỗ nào đắc lực, chỗ nào không đắc lực hay không? Ngồi cả buổi phải biết bữa nay đắc lực, bữa khác không đắc lực. Vì vậy giờ nào tỉnh táo sáng suốt, giờ nào gục, hôn trầm, giờ nào tán loạn mình biết. Phải luôn luôn kiểm điểm xét nét như vậy chứ đừng ngồi trong vô sự, ra sao thì ra, cứ ý ra cho đến hết giờ thì không được.

Có một bọn vừa lên bồ đoàn² liền ngủ gật, đến lúc tỉnh thì tâm tưởng lăng xăng, vừa xuống bồ đoàn là nói chuyện vang rân.

2. Bồ đoàn: Đồ lót ngồi trong lúc tọa thiền.

Biện đạo như thế đến đức Phật Di-lặc ra đời cũng chưa kết quả. Phải sáng suốt, mạnh mẽ đề khởi câu thoại đầu, sáng tham tối tham cùng với thù miên, loạn tưởng chống nhau, không nên ngồi trong vô sự.

Hôn trầm và vọng tưởng là hai bệnh phổ thông của hành giả tu thiền, nhiều người mắc phải lắm. Hết trường hợp thứ nhất là ngủ gật, qua trường hợp thứ hai là loạn tưởng. Trường hợp thứ ba là bước xuống bồ đoàn, nắm tay nhau nói chuyện vang rân. Ngài nói tu hành như vậy đến đức Phật Di-lặc ra đời cũng chưa kết quả. Cho nên phải cố gắng làm chủ, đừng để trôi mất ngày giờ trong vọng tưởng và ngủ nghỉ.

Lại không nên trên bồ đoàn ngồi như chết. Nếu tạp niệm dấy khởi, càng tranh đấu càng nhiều, chi bằng nhẹ nhàng buông xả, bước xuống đất đi một vòng.

Đây là nói trường hợp nhập thất. Khi nhập thất ở một mình, ngồi lên bồ đoàn tu mới thấy tạp niệm dấy khởi nhiều. Càng tranh đấu, nó càng dấy lên liên miên, chi bằng lúc đó buông xả hết, nhẹ nhẹ bước xuống đi một vòng rồi trở lại ngồi.

Lại lên bồ đoàn mở mắt, để hai bàn tay ngón cái gối đầu nhau, xương sống thẳng lên, y như trước đề khởi thoại đầu, liền có cảm giác mát mẻ, in như chảo nước sôi vừa đổ vào một gáo nước lạnh. Thực tập công phu như vậy, quyết định có ngày đạt đạo.

Hành giả ngồi cố kìm quá thường hay bị nóng, càng tranh đấu càng nóng. Nóng chừng nào loạn chừng nấy, nên đi một chút trở lại sẽ thấy mát mẻ, khỏe hơn. Quý vị ở trong

thất tu cả ngày cả đêm nên dễ đi tới tình trạng quá sức. Riêng những người lâu lâu ngồi hơn một giờ thì đau hoặc nóng là chuyện bình thường, không có gì quan trọng, không nên ngồi một chút lại bung chân ra đi.



8. THIÊN SƯ DI AM CHÂN DẠY CHÚNG

Tin có mười phần, nghi cũng có mười phần; nghi mười phần, ngộ cũng mười phần.

Đây là các vị thiên sư từ đời Tống, các ngài thường nặng về câu thoại đầu.

Tin, nghi, ngộ ba việc như nhau.

Hãy đem những cái đã nghe, đã thấy, biết quấy, hiểu lầm, câu hay, lời diệu, thiên đạo, Phật pháp, tâm cống cao ngã mạn... trong lúc bình sanh trút đổ triệt để. Chỉ để lại công án còn chưa minh liễu, an định tại gót chân, ngồi thẳng xương sống, không phân biệt ngày đêm, liền được quên lửng đông tây nam bắc tự hồ như người chết.

Bình sanh có gì đem trút sạch. Những hiểu biết, thấy nghe cho tới lời hay đạo diệu, tâm cống cao ngã mạn... tất cả đều đem đổ xuống sông xuống biển, không giữ lại. Chỉ để lại công án đang tham. *An định tại gót chân* tức là khi ngồi thiền để công án ngay gót chân của mình.

Tâm tùy cảnh hóa, tự nhiên bên trong quên suy nghĩ, bật tâm thức, chợt phá vỡ đầu lâu, xưa nay không phải do ai mà được. Bấy giờ đâu không thỏa chí bình sanh sao!

Khi bừng ngộ mới thấy cái mình được chính từ nơi mình, chứ không ở đâu đem lại. Vì vậy đừng nên bám vào bên ngoài. Được việc rồi mới thỏa chí nguyện.



9. THIỀN SƯ ĐẠI HUỆ CẢO ĐÁP LỜI HỎI

Thời nay có những kẻ tự mắt chưa sáng, chỉ biết dạy người tu tâm như ngậy, như chết là hết việc.

Ngài Đại Huệ ở đời Tống. *Mắt chưa sáng* là chưa ngộ đạo. *Tu tâm như ngậy* tức là ở trong chết khô.

Hoặc dạy người tùy duyên quán xét, mang vọng tình lạng lẽ chiếu soi. Hoặc dạy người việc ấy chớ soi xét. Các bệnh như thế, dụng công phu rất uổng không bao giờ liễu ngộ. Chỉ cần an tâm một chỗ, không việc gì chẳng được, một khi thời tiết nhân duyên đến, tự nhiên xúc chạm liền thấy khắp nơi đều bừng sáng.

Gặp cái gì quán cái ấy, gặp cái gì xét cái ấy là vọng tình hay còn gọi là vọng thức, không bao giờ ngộ đạo, nhưng không soi xét cũng không được. Cần biết an tâm một chỗ, tâm được định thì phút giây nào đó gặp nhân duyên đến liền bừng sáng.

Đem tâm thức duyên việc thế gian trần tục của mình, xoay lại để trên lầu Bát-nhã.

Nghĩa là tâm thức không cho chạy theo trần tục nữa, chỉ một bề xoay trở lại với trí tuệ, biết tất cả pháp là huyễn mộng không thật. Biết đó tức là Bát-nhã.

Thiền sư Đại Huệ Cảo nói *xoay lại để trên lầu Bát-nhã* tức là để chỗ trí tuệ Bát-nhã, chỗ tâm bất sanh bất diệt.

Dù đời này chưa triệt ngộ, nhưng khi chết nhất định không bị ác nghiệp kéo lùi.

Nếu đã xoay được trí thế tục trở về trí Bát-nhã tức là trí tuệ biết tất cả pháp huyễn hóa không thật. Như vậy tuy đời này chưa triệt ngộ, cũng không bị nghiệp ác kéo lùi.

Kiếp sau vừa ra đời là được ở trong nhà Bát-nhã, thấy nghe liền được thọ dụng. Việc này quyết định như vậy không thể nghi ngờ.

Thấy nghe liền được thọ dụng tức là thấy vật này, nghe tiếng kia liền được liễu ngộ. Việc này quyết định như vậy, không nghi ngờ.

Chỉ phải tự luôn luôn đề khởi thoát đầu, khi vọng niệm dấy khởi không cần dụng tâm đàn áp, nên khán câu thoát đầu.

Tu thiền khán thoát đầu, khi vọng niệm dấy lên không cần dẹp vọng niệm mà cần phải khán thoát đầu. Còn như chúng ta vọng niệm dấy lên thì phải làm sao?

Cũng không cần dẹp, chỉ cần biết vọng niệm không theo là được rồi.

Đi cũng đề khởi, ngồi cũng đề khởi, đề khởi qua, đề khởi lại, không cần xét ý nghĩa, nơi nào cũng là chỗ tốt, không nên phóng xả.

Có người nói rằng phải đi đến những chỗ thanh tịnh tu mới được, còn ở những nơi bẩn thỉu không nên tu, sợ tội. Ngài nói nơi nào tu cũng tốt, không nên ở chỗ sạch sẽ mới tu, chỗ khác thì phóng xả. Đi đại tiện, tiểu tiện đều có thể tu được hết. Ở đây chúng ta không dùng thoại đầu thì đi đứng nằm ngồi ở nơi nào, lúc nào cũng đều biết, vọng dấy lên liền biết. Không đợi đến khi ngồi thiền mới biết.

Bồ đề tâm hoa khai phát chiếu soi khắp mười phương cõi nước, hay ở trong đầu mày lông hiện các cõi Phật, ngồi trong hạt bụi chuyển đại pháp luân.

Ngài Đại Huệ Cảo nói công dụng tương tự như thiên sư Tử Tâm Tân có thể *khuấy nước sông làm tô lặc, biến quả đất thành vàng ròng*. Đó là đại công dụng sau khi ngộ được tâm.



10. THIÊN SƯ MÔNG SƠN DẠY CHÚNG

Tôi năm hai mươi tuổi mới hiểu đạo, đến năm ba mươi hai tuổi đi thừa hỏi mười bảy, mười tám vị trưởng lão, thực hành công phu thế nào, đều không ai chỉ ra manh mối. Sau đến tham học với trưởng lão Hoàng Sơn, dạy khán chữ Không. Suốt cả ngày đêm chăm chăm khán nó như mèo rình chuột, như gà ấp trứng, không cho gián đoạn. Khi chưa thấu triệt phải như chuột khoét rương chưa thủng thì không dời chỗ khác. Thực hành công phu như vậy nhất định có ngay phát minh. Tôi y lời dạy, ngày đêm chăm chăm thể cứu traỉ mười tám hôm, sau khi uống trà, chợt ngộ “đức

Thế Tôn đưa cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười”, vui mừng vô hạn. Đi cầu xin bốn năm vị trưởng lão quyết nghị, các ngài đều không dạy một lời. Hoặc bảo dùng Hải ấn tam-muội, nhất ấn mà ấn định, ngoài ra chớ để lòng. Tôi tin lời này hơn hai năm.

Ngài Mông Sơn Dị công phu như vậy mới xứng đáng. Chúng ta uể oải, hơi nhúc nhích đầu một chút là đã muốn nghỉ tu. Người xưa công phu miệt mài, miên mật như *chuột khoét rường, chưa thủng thì không dời chỗ khác* mới có thể đạt đạo.

Ban đầu ngài còn làm cư sĩ đi hỏi đạo, được trưởng lão Hoàng Sơn dạy khán chữ Không, ngài y lời đó quán suốt mười tám hôm thì chợt ngộ được câu chuyện đức Thế Tôn đưa cành hoa, tôn giả Ca-diếp mỉm cười. Ngài vui mừng vô hạn, nhưng đi cầu xin các vị trưởng lão ấn chứng thì được bảo hãy dùng Hải ấn tam-muội tự ấn chứng. Hải ấn tam-muội là tâm chánh định, tức là lấy tâm lặng lẽ tự ấn chứng cho mình.

Tháng 6 vào năm Cảnh Định thứ 5, tại Tứ Xuyên phủ Trùng Khánh, tôi bị bệnh kiệt nặng, ngày đêm đi cả trăm lần, nguy kịch sắp chết. Tất cả công phu đều không đắc lực, đến Hải ấn tam-muội cũng không dùng được. Những điều hiểu ngộ ngày trước dùng cũng không được, có miệng không thể nói ra lời, có thân không thể cử động, chỉ chờ chết mà thôi. Cảnh giới nghiệp duyên đồng thời hiện ra trước mắt, sợ hãi kinh hoàng các khổ bức bách. Tôi cố sức gắng gượng làm chủ, dạn dò hậu sự, bước lên bồ đoàn, sửa soạn một lò

trầm, chậm rãi ngồi định. Thầm khẩn: “Tam bảo long thiên chứng giám, con xin sám hối các nghiệp ác về trước. Nếu đại hạn con đã đến, nguyện nương sức Bát-nhã chánh niệm thác sanh, sớm được xuất gia. Nếu bệnh được lành, con xin xả tục làm Tăng, mau được giác ngộ, rộng độ những kẻ sau.” Khởi nguyện này rồi, tôi đề khởi chữ Không hồi quang tự khán, không bao lâu nghe trong tạng phủ động ba bốn lần, không quan tâm đến nó, chập lâu mí mắt không động. Lại giây lâu không thấy có thân, chỉ có thoại đầu thâm thâm liên tục. Đến chiều mới xuất định, bệnh bớt được phân nửa. Lại tọa thiền đến cuối canh ba, các bệnh đều dứt, thân tâm nhẹ nhàng. Đến tháng tám tôi sang Giang Lăng xuất gia.

Ngài qua Tứ Xuyên, phủ Trùng Khánh, bị bệnh kiệt năng, ngày đêm đi cả trăm lần, sức lực không còn. Bệnh nặng quá, nói không ra hơi, thân thể cử động không được, tất cả những chỗ liễu ngộ trước đó đều không dùng được, nhưng ngài vẫn cố gắng gượng làm chủ lên bồ đoàn ngồi.

Ngài xin sám hối những nghiệp trước, nếu có chết nguyện nương sức Bát-nhã sanh vào nơi đâu, mau được xuất gia, nếu còn sống vượt qua cơn bệnh thì xuất gia liền. Ngài ngồi khán chữ Không nghe trong bụng nổ lụp bụp, cơn đau từ từ giảm bớt, đến cuối canh ba bệnh hết.

Ngài Mông Sơn Dị ngồi thiền trị bệnh, liều chết nên vượt qua thân bệnh. Chúng ta thấy bệnh nặng như vậy nhưng

ngài vẫn nỗ lực dụng công thành tựu. Thật đáng cho chúng ta nỗ lực noi theo.

Qua một năm, tôi rời đây đi hành cước, giữa đường dừng lại thối cơm, ngộ được công phu phải một mạch liên tục không gián đoạn. Đến Hoàng Long vào tạm trú. Một hôm, đang tọa thiền ma ngủ đến, liền tại tòa chấn chỉnh tinh thần, ma ngủ nhẹ nhẹ rút lui. Lần thứ hai, ma ngủ lại đến, cũng làm như lần trước chúng thối lui. Lần thứ ba, ma ngủ rất trầm trọng, bèn bước xuống tòa đi lễ Phật, chúng liền tiêu tán. Lại lên bồ đoàn ngồi, y như nghi thức đã định trước, tinh tấn mãnh liệt đuổi bọn ma ngủ đi mất. Ban đầu dùng gối ngủ một giấc ngắn, sau dùng cánh tay gối đầu, sau nữa giữ không nằm xuống. Qua hai ba đêm, ngày đêm đều nhọc nhằn mỗi m刻, cảm giác dưới chân bênh bồng, bồng nhiên trước mắt như mây mù tan, tự thân như tắm mới ra nhẹ nhàng mát mẻ. Trong tâm nghi tình càng mạnh, không cần dụng công mà thâm thâm hiện tiền. Tất cả thanh sắc, ngũ dục, bát phong đều không thể xâm nhập, trong sạch tợ như chén bạc đựng tuyết, như bầu trời trong tạnh buổi sáng mùa thu. Tự suy nghĩ công phu tuy khả quan, nhưng không thể quyết trạch. Tôi liền từ giả đi Chiết Giang.

Qua tới giai đoạn sau, ở Hoàng Long, Sư ngồi thiền bị ma ngủ tới xâm phạm. Hai lần đầu chấn chỉnh nó rút lui, lần thứ ba trầm trọng quá, ngài phải bước xuống đi lễ Phật.

Ban đầu Sư còn dùng gối ngủ chút ít, sau dùng cánh tay kê đầu để khi tay tê mỗi thì giật mình thức dậy tu. Không như chúng ta ngủ thẳng tới sáng, còn sợ thiếu. Trong ngũ dục, người tu thường bị thù miên lôi kéo nhất, thật quá dở. Tiếp đến, ngài giữ thân không nằm. Dụng công như ngài Mông Sơn Dị nên thành Tổ là phải.

Qua mấy đêm mỗi một, dưới chân cảm giác bênh bồng, bồng nhiên Sư cảm thấy *trước mắt như mây mù tan, tự thân như tấm vải ra nhẹ nhàng mát mẻ*. Chính nhờ cố gắng nên ngài vượt qua khó khăn do ma ngủ gây ra. Cho nên người nào dám chết mới được sống, còn những kẻ sợ chết là những người chết trước khi chết. Càng sợ chết, sợ bệnh chùng nào thì người đó càng bệnh càng chết. Không thêm sợ thì người đó không chết. Bởi vậy, người tu phải gan lỳ. Nhưng trong thời này người gan lỳ ít quá, hơi thở có chút ít khó chịu đã chạy đi bác sĩ, nằm ngủ hơi đau mình đã cạo gió. Không làm chủ chút nào hết.

Tới đây, ngài thấy công phu không cần dụng công mà thâm thâm hiện, *thanh sắc, ngũ dục, bát phong đều không xâm nhập*, tâm trong sạch *như chén bạc đựng tuyết*. Sư tự biết công phu đã khả quan nhưng vẫn chưa tới chỗ cùng tột nên tiếp tục lên đường hành cước.

Dọc đường quá nhọc nhằn nên công phu thoái thất. Đến Thừa Thiên, chỗ hòa thượng Cô Thiêm tạm dừng. Tự thệ: “Nếu không được ngộ, quyết không đi đâu.” Hơn một tháng công phu phục hồi như cũ. Bấy giờ khắp mình sanh ghẻ lở, tuy thế không để ý đến, quyết

tâm liêu chết sấn suốt công phu, tự nhiên được đắc lực. Thế là, thực hành được công phu trong lúc bệnh.

Tối chỗ hòa thượng Cô Thiêm, ngài càng quyết chí tu và lập thệ: Nếu không được ngộ, quyết không đi đâu. Tối đây, Sư mắc thêm bệnh, khắp mình bị ghẻ lở, tuy thế không để ý đến, quyết tâm liêu chết sấn suốt công phu, tự nhiên được đắc lực. Chúng ta bây giờ bị ghẻ một chút thì sao? Chà, gãi chịu không nổi, ngồi sợ nóng bệnh nhiều hơn, thành ra không dám ngồi. Do vậy không bao giờ lẩn lướt qua được.

Người xưa đâu phải luôn gặp dễ dàng trong khi tu, cũng trải qua bao nhiêu khó khăn, nhưng các ngài quyết chết vượt qua. Chính khi bị bệnh ghẻ lở ngài Mông Sơn Di vẫn không thối thất nên công phu trở thành đắc lực. Đó là thực hành công phu trong lúc bệnh.

Một hôm nhân đi thọ trai, vừa ra khỏi cửa đề khởi thoại đầu, đi mà không hay mình đi, cho đến quá nhà trai chủ. Lại thực hành được công phu trong lúc động. Công phu đến chỗ này như trăng hoa dưới đáy nước, tuy sóng gió âm âm ở trên mà vẫn không tan, không mất, hoạt bát linh động.

Sư thực hành công phu được trong lúc đi đường. Tối đây ngài thấy công phu đến chỗ như trăng dưới đáy nước, tuy trên mặt nước sóng âm âm, mặt trăng ở dưới vẫn lặng yên. Chúng ta công phu làm sao để khi đi đâu, làm chuyện gì, ai nói gì, làm gì, tâm mình vẫn như như, giống như trăng dưới đáy nước. Được như vậy công phu mới đạt đến chỗ bất động.

Ngày mừng 6 tháng 3, trong khi tọa thiền tôi đề khởi chữ Không, bỗng ngài Thủ tọa vào thiền đường thắp hương đựng hộp nhang khua lên tiếng, hốt nhiên “ồ” một tiếng, chợt ngộ được chính mình, thấu đạt được ý ngài Triệu Châu. Liên tụng:

Một hưng lộ đầu cùng,

Đạp phiên ba thị thủy.

Siêu quần lão Triệu Châu,

Diện mục chỉ như thử.

Dịch:

Bế tắc tới đường cùng,

Giẫm ngược sóng là nước.

Lão Triệu Châu siêu quần,

Diện mục chỉ như thế.

Bế tắc tới đường cùng, không ngờ giẫm ngược sóng là nước, nghĩa là đạp ngược sóng trở lại thì thấy sóng là nước. Bao nhiêu niệm ngài khán thoại đầu hay trong trường hợp chúng ta hằng ngày tri vọng, đảo ngược lại liền thấy chân tánh. Bản lai diện mục, chân tâm thật tánh ngay đó chứ không đâu khác. Lão Triệu Châu siêu quần, diện mục chỉ như thế, nghĩa là mặt mày Triệu Châu cũng chỉ vậy thôi. Đến đây, tưởng ngài đã triệt ngộ rồi nhưng cũng chưa xong.

Khoảng mùa thu đến yết kiến các vị đại lão: An Kiến, Tuyết Nham, Thối Tỉnh, Thạch Khanh, Hư Chu.

Hư Chu khuyên trở về Hoàng Sơn. Tôi y lời trở về Hoàng Sơn.

Vừa vào chùa gặp Hoàng Sơn trưởng lão hỏi: “Quang minh tịch chiếu biến hà sa, đâu không phải lời của tú tài Trương Chuyết?” Tôi vừa mở miệng, ngài nạt một tiếng, rồi đi. Từ đây, đi, ngồi, ăn uống đều không còn ý tứ, trải qua sáu tháng. Đến năm sau vào mùa xuân, nhân ra ngoài thành trở về, lên bậc thang đá, bỗng nhiên nghi ngại trong lòng đều tiêu tan, không còn biết có thân đi trên đường. Tôi vào yết kiến Hoàng Sơn. Ngài hỏi lại câu trước. Tôi bèn lật ngược thiền sàng. Những công án bí hiểm từ trước giờ này mỗi mỗi đều minh liễu.

Ngài Mông Sơn Di đến yết kiến các vị đại lão thiền sư xin quyết nghị, xem đã đạt được đến chỗ cuối cùng chưa và được khuyên trở về với trưởng lão Hoàng Sơn. Trưởng lão đưa cho một câu: *Quang minh tịch chiếu biến hà sa, đâu không phải lời của tú tài Trương Chuyết?* Tức là dẫn một câu thơ của tú tài Trương Chuyết ra hỏi. Sư vừa mở miệng chưa kịp trả lời, trưởng lão nạt một tiếng rồi bỏ đi. Sự việc đó tạo một cái nghi và ngài ôm nó suốt sáu tháng. Chợt một hôm nhân đi ra ngoài trở về, bước lên bậc thang, bỗng nhiên nghi đó tiêu tan, ngài trở vào yết kiến thiền sư Hoàng Sơn. Được hỏi lại câu đó, ngài không nói gì mà lại lật ngược thiền sàng. Tối đó mới là xong.

Chúng ta thấy thiền sư trải qua rất nhiều cửa chứ không phải chỉ một cửa. Cho nên nói thiền có nhiều cửa là vậy.

Chúng ta không biết, mới được một chút cho là xong việc, đó là lỗi lớn.

Chư nhân giả! Tham thiền rất là tinh mật, tôi nếu không bị bệnh nặng ở Trùng Khánh có thể một đời đã trôi xuôi. Cần thiết phải gặp bậc thầy thấy biết chân chánh. Cho nên, cổ nhân sáng tham học, chiều thưa hỏi để quyet trạch thân tâm, chăm chăm khẩn thiết tham cứu cho thấu đáo việc này.

Kết lại, ngài Mông Sơn Dị khuyên, *tham thiền rất là tinh mật, tôi nếu không bị bệnh nặng ở Trùng Khánh có thể một đời đã trôi xuôi.* Nếu không bị bệnh nặng chắc ngài vẫn cứ sống bình thường, chính nhờ cơn bạo bệnh nên phát nguyện xuất gia, cố gắng tu hành.

Cần thiết phải gặp bậc thầy thấy biết chân chánh. Cho nên, cổ nhân sáng tham học, chiều thưa hỏi để quyet trạch thân tâm, chăm chăm khẩn thiết tham cứu cho thấu đáo việc này. Vì vậy, người học đạo phải cẩn thận, phải cố gắng chứ không dễ dàng quá được.



11. ĐẠI SĨ TỔ AM ĐIỀN DẠY CHÚNG

Gần đây những người dốc chí tham thiền rất ít, vừa tham câu thoại đầu liền bị ma hôn trầm, tán loạn trôi buộc. Không biết rằng hôn trầm, tán loạn với nghi tình chính là đối trị nhau. Tín tâm nặng thì nghi tình nhiều, nghi tình nhiều thì hôn trầm, tán loạn tự mất.

Đại sĩ Tố Am Điền dạy, sở dĩ chúng ta tham thiền bị hôn trầm, tán loạn nhiều vì niềm tin không đủ mạnh. Niềm tin mãnh liệt sẽ đuổi ma hôn trầm, tán loạn chạy mất. Nếu niềm tin yếu ớt sẽ bị hôn trầm, tán loạn làm chủ. Khi ta tỉnh tấn, phấn chấn, vui vẻ thì hôn trầm, tán loạn ít; ngược lại tu lơ lửng, buồn bực thì hôn trầm, tán loạn nhiều. Vì thế niềm tin là một sức mạnh giúp chúng ta thắng được hai loại kiết sử này. Đây là kinh nghiệm của người xưa để lại.



12. THIỀN SU VÔ LƯỢNG THƯƠNG DẠY

Suốt cả ngày đêm đều ôm câu thoại đầu mà đi, mà đứng, mà ngồi, mà nằm, tâm dường như giẫm lên gai nhọn, không bị tất cả vô minh, ngũ dục, tam độc... nuốt sống. Đi đứng ngồi nằm toàn thân là nghi tình, nghi qua, nghi lại, trọn ngày như ngậy ngốc, thấy sắc, nghe tiếng, chỉ cốt được một tiếng “à” mà thôi.

Ngài Vô Lượng Thương dạy khi tham thiền hoặc dùng câu thoại đầu hoặc một phương pháp nào cũng vậy, chúng ta phải nắm cho chết pháp môn đó không buông. *Tâm dường như giẫm lên gai nhọn*, là giống như người đi trên gai nhọn, vì sợ lủng chân nên phải hết sức dè dặt. Nhờ vậy dần dần vô minh, ngũ dục, tam độc không thể hại đến.

Nghi tình hoặc là những pháp tu hiện tại đã thành một khối cho nên *như ngậy ngốc, thấy sắc, nghe tiếng, chỉ cốt được một tiếng “à” mà thôi*. Chỉ cho tất cả thanh sắc v.v... bên ngoài không làm chúng ta động tâm, như sóng biển bên trên tuy lay động, nhưng mặt trăng hiện bên dưới vẫn không

động cho đến khi giác ngộ. Được như vậy mới xứng đáng là người tu.



13. THIÊN SƯ DỤNG CƯƠNG NHUYỄN ĐÁP THƯ NGƯỜI

Thực tập công phu cần phải khởi đại nghi tình. Ông tập công phu chưa đầy một tháng nửa tháng đã kết thành khối. Nếu chân nghi hiện tiền thì dù khuấy cũng không động, tự nhiên không sợ, chỉ cần dũng mãnh tiến tới, trọn ngày như kẻ ngầy khờ, khi thời tiết đến, không còn sợ con ba ba trong vò chạy mất.

Có người hỏi thiên sư Dụng Cương Nhuyễn, như tôi thực tập công phu, nghi tình luôn luôn như vậy thì sao? Ngài trả lời ông mới tập chưa đầy một tháng nghi tình đã thành khối. Nếu đó là cái nghi thật hiện tiền, dù có khuấy động cũng không mất như rùa để trong hũ đầy lại không thể chạy mất. Cho nên cứ dũng mãnh tiến tới khi nhân duyên đến sẽ tự ngộ.



14. THIÊN SƯ TUYẾT NHAM KHÂM DẠY

Thời giờ không đợi người, một chớp mắt đã qua đời khác, lúc thân thể còn tráng kiện sao không dốc chí học hỏi cho thấu nguồn tốt đáy. Chúng ta có cái diễm phúc gì mà ngày nay được ở trong Tăng đường ấm

cúng, tại pháp hội của Tổ sư trên ngọn danh sơn Đại trạch thế giới thân long này.

Thiền sư Tuyết Nham Khâm cảnh tỉnh rằng: *Thời giờ không đợi người, một chớp mắt đã qua đời khác*, tức là thở ra mà không hít vô thì đã qua đời khác. Vậy trong lúc thân thể còn khỏe mạnh tráng kiện phải *dốc chí học hỏi cho thấu nguồn tốt đấy*. Đó là chuyện người xưa. Còn chính chúng ta sống ngay hiện tại đây được êm ấm tu hành, trong khi người đời gặp bao nhiêu chuyện khổ sở điều đứng, mình không thấy, không nỗ lực tu thì thật đáng trách biết chừng nào.

Ăn thì cơm cháo ngon lành, uống thì nước nôi ấm áp. Nếu không dốc chí học hỏi giáo lý cho tận cùng, triệt để, là các ông tự thả trôi đời mình cam chịu trôi lăn, thật là kẻ hạ liệt ngu si!

Ăn thì cơm cháo ngon lành, cần nước sôi có nước sôi, cần nước lạnh có nước lạnh. Nếu không nỗ lực tu hành, nỗ lực tìm hiểu, buông xuôi một đời quả thật là kẻ hạ liệt ngu si.

Nếu thật là mờ mịt không biết, sao không thưa hỏi các bậc tiên tri? Phàm những khi có người hỏi đạo, các bậc trưởng lão chỉ dạy, hoặc nói ngang nói dọc, sao không ghi nhớ xét nghĩ rốt ráo xem cái đó là cái gì?

Sơn tăng xuất gia lúc năm tuổi, làm thị giả Thượng nhân, mỗi khi ngài cùng khách luận đạo đều lặng tâm lóng nghe, liền biết có việc này, lòng tin chắc chắn khởi sự học tọa thiền. Năm mười sáu tuổi làm tăng, mười tám tuổi đi hành cước.

Thiền sư Tuyết Nham Khâm dạy nếu chưa biết thì phải thưa hỏi người đi trước. Ngài lấy kinh nghiệm bản thân dẫn chứng, xuất gia hồi năm tuổi. Khi làm thị giả để tâm lắng nghe các bậc thượng túc trò chuyện, *liền biết có việc này*, nghĩa là đã được niềm tin mình có Phật tánh không bao giờ mất. Chính do lòng tin chắc chắn đó, ngài bắt đầu khởi sự tu thiền. Năm mười sáu tuổi Sư thọ Sa-di, mười tám tuổi đi hành cước.

Đến chỗ hòa thượng Song Lâm Viễn, thực tập công phu từ sáng đến chiều không ra khỏi ngõ, dù vào liêu của chúng cũng chỉ đi đến giá phía sau. Vòng tay trước ngực, không ngó hai bên, chỉ nhìn trước không hơn ba thước. Ban đầu khán chữ Không, chợt niệm đầu phát khởi, liền phản quán trở lại, bỗng được một niệm như băng lạnh, tâm lóng lạng trong trẻo không diêu động, qua một ngày như khoảng búng tay không nghe tiếng chuông trống.

Sư thực tập công phu ở chỗ hòa thượng Song Lâm Viễn từ sáng đến chiều không ra khỏi ngõ. *Dù vào liêu của chúng cũng chỉ đi đến giá phía sau*, tức là chỗ máng áo phía sau. *Không ngó hai bên, chỉ nhìn trước không hơn ba thước*, nghĩa là chỉ một bề lo tu, không màng đến việc thị phi, phải trái chung quanh.

Không nghe tiếng chuông trống tức là không nghe chuông trống hay bất cứ tiếng gì. Tu cả ngày tâm được lặng lẽ, trong trẻo như vậy tưởng mình đắc đạo rồi, nhưng đó mới là công ban đầu.

Năm tôi mười chín tuổi dừng tại Linh Ẩn, được thư Xử Châu gửi đến. Trong thư nói: “Nghe ông thực tập công phu như nước chết, việc ấy không hay, hai tướng động và tịnh phải đoạn dứt. Phàm tham thiền phải khởi nghi tình, nghi ít ngộ ít, nghi nhiều ngộ nhiều...”

Năm mười chín tuổi, Sư tới Linh Ẩn, được thư của người bạn đạo Xử Châu: *Nghe ông thực tập công phu như nước chết, việc ấy không hay, hai tướng động và tịnh phải đoạn dứt.* Người tu bỏ cái động cũng đừng chấp cái tịnh, cả hai đều đoạn trừ. Nên nhớ chấp tịnh cũng là bệnh.

Được Xử Châu chỉ bảo, tôi liền đổi thoại đầu khán “càn thi quyết”³. Một bề nghi đông nghi tây, khán ngang khán dọc, lại bị hôn trầm, tán loạn giao công, không được một khắc yên tịnh.

Nghe lời khuyên của bạn, Sư quán câu thoại đầu “càn thi quyết” của tổ Vân Môn. Khi ấy *hôn trầm, tán loạn giao công* tức là hai cái qua lại tấn công ngài liên tục, không một chút yên tịnh.

Tôi bèn dời sang Tịnh Từ, được bảy huynh đệ kết bạn tọa thiền, giao ước không đắp mền và không kê lưng xuống chiếu. Ngoài ra, có Tu thượng tọa mỗi ngày ngồi trên bồ đoàn in tuồng “thiết quyết tử”, khi bước xuống đi mở đôi mắt, xuôi hai tay cũng tợ “thiết quyết

3. Càn thi quyết: Có người hỏi tổ Vân Môn: “Thế nào là Phật?” Tổ đáp: “Càn thi quyết” (đồ chùi phân).

tử”. Muốn gần gũi ngài để hỏi thoại đầu, mà không được.

Sau ngài Tuyết Nham Khâm dời qua Tịnh Từ gặp bảy huynh đệ kết làm bạn tọa thiền, *giao ước không đắp mền, không kê lưng xuống chiếu* tức là không nằm, không sợ lạnh. Lại có vị Tu thượng tọa lên bồ đoàn là y như “thiết quyết tử”, *khi bước xuống đi mở đôi mắt, xuôi hai tay cũng tựa “thiết quyết tử”*. Thiết quyết tử là cái giá sắt máng áo. Thượng tọa Tu ngồi trên bồ đoàn thẳng bằng như giá máng áo, đi cũng như giá máng áo không nghiêng, không lệch. Sư muốn học hỏi cũng không thể đến gần, vì Thượng tọa chuyên chú vào việc tu, không để ý tới ai.

Nhân hai năm thân không nằm, bị hôn trầm hành rất khổ sở. Bèn một buồng, tất cả đều buồng. Sau hai tháng, mới chinh đốn được sự tu tập trước, lần lần tinh thần hồi phục.

Sư giữ lời giao ước cùng bảy người bạn nên suốt hai năm không nằm. Chúng ta bây giờ nếu không nằm coi bộ đau lưng. Ngài bị hôn trầm hành rất khổ sở, nếu không nằm thì buồn ngủ không thể tưởng tượng. Do hành trì khổ hạnh quá mức nên thân thể nhọc nhằn, khổ sở. Cuối cùng Sư xả hết *bèn một buồng, tất cả đều buồng* trở lại tu như thường thì hai tháng sau tinh thần hồi phục.

Lâu nay cốt mong đạt được bản hoài, nên không nằm quên ngủ; nhưng không ngủ không được, đến giữa đêm ngủ vùi một giấc, thức dậy mới có tinh thần.

Lâu nay cốt mong đạt được bản hoài, ngài Tuyết Nham Khâm muốn đạt ngộ nên không nằm quên ngủ. Sau hai năm khổ hạnh, ngài kết luận đó là sai lầm. Không ngủ không được, đến giữa đêm ngủ vùi một giấc, thức dậy mới có tinh thần. Chúng ta bây giờ mới hơi ngáp vài cái đã đi ngủ rồi, có khi chưa ngáp đã đi ngủ.

Một hôm, bên hành lang gặp Tu thượng tọa, mới một lần được gặp ngài. Tôi liền hỏi: “Năm rồi, muốn nhờ Thầy dạy câu thoại đầu, tại sao Thầy cứ tránh tôi?” Thượng tọa bảo: “Người chân chánh biện đạo không có rảnh mà cắt móng tay, huống là dạy thoại đầu.”

Người chân chánh biện đạo tức là người chân chánh tu hành để giải quyết cho xong việc sanh tử không có rảnh mà cắt móng tay, nghĩa là lo tu quên tất cả, quên ngày, quên tháng, quên năm. Chúng ta bây giờ thật quá rảnh rang có thì giờ đi chơi, nói dóc, người xưa không có thời gian cắt móng tay.

Tôi hỏi: “Hiện giờ tôi bị hôn trầm, tán loạn đuổi không đi, phải làm sao?” Thượng tọa dạy: “Tại ông không mãnh liệt, phải lên bồ đoàn ngồi thẳng xương sống, gom toàn lực vào câu thoại đầu, không màng đến hôn trầm, tán loạn.”

Mặc nó làm gì thì làm, quyết trông vào câu thoại đầu thôi.

Tôi y lời dạy của Thượng tọa thực hành công phu, bỗng nhiên quên cả thân tâm, trong trẻo sáng suốt cả ba ngày đêm, hai con mắt không nhắm.

Suốt ba ngày ba đêm hai con mắt không nhắm, trong trẻo, sáng suốt, tỉnh táo. Đó là giai đoạn thứ hai.

Ngày thứ ba, sau buổi ngộ trai, tôi kinh hành ngoài tam môn, chợt gặp Thượng tọa. Thượng tọa hỏi: “Ông làm gì ở đây?” Tôi thưa: “Biện đạo.” Thượng tọa hỏi: “Ông gọi cái gì là đạo?” Tôi lặng thinh không thể trả lời, lại tăng thêm mê muội.

Sư tưởng như vậy là xong. Thượng tọa hỏi: *Ông gọi cái gì là đạo?* Sư diễn tả không được. Nói biện đạo mà tới đó cũng bí nên hoảng, Sư lặng thinh không trả lời. Như vậy vẫn còn mê muội.

Toan quay vào thiền đường tọa thiền, chợt gặp Thủ tọa. Thủ tọa bảo: “Ông chỉ mở sáng đôi mắt, xem thử cái ấy là cái gì?” Tôi lại bị đề thêm một câu thoại đầu, vội vã vào thiền đường tọa thiền. Vừa lên ngôi bồ đoàn, bỗng nhiên trước mặt mở sáng như tường đất lở. Trạng thái này không thể trình bày cho người hiểu được, không thể lấy các tướng thế gian thí dụ được.

Bây giờ qua giai đoạn thứ ba, *bỗng nhiên trước mặt mở sáng như tường đất lở*, đất lở vỡ tung thấy trước mặt sáng trưng. Cảnh giới này *không thể trình bày cho người hiểu được, không thể lấy các tướng thế gian thí dụ được*.

Tôi bèn bước xuống đơn tìm Tu thượng tọa. Thượng tọa thấy, liền bảo: “Tốt lắm! Tốt lắm!” Rồi nắm tay tôi dẫn đi một vòng trên bờ liêu trước cổng chùa. Ngược nhìn trời đất sum la vạn tượng, những vật mắt

thấy tai nghe xưa nay đáng chán, đáng bỏ, cho đến vô minh phiền não từ trước đến giờ, đều lưu xuất từ chân tánh diệu minh của mình. Hơn nửa tháng không khởi xao động. Rất tiếc! Không gặp bậc tôn túc sáng suốt hướng dẫn nên không tiến lên được, phải dừng ngang đây. Nghĩa là không thể vượt được chỗ thấy biết, làm ngăn ngại chánh tri kiến, mỗi khi ngủ cảnh khác lúc thức. Công án có ý nghĩa thì lý hội, còn những công án như “núi bạc vách sắt” thì không hiểu.

Ngang đây ngài dừng, không tiến lên được nữa. Như vậy cho thấy tới giai đoạn thứ ba vẫn chưa phải cứu cánh.

Sư hiểu được những công án ý nghĩa, nhưng về chỗ *núi bạc vách sắt*, ý nói công án khó hiểu thì chưa thấu được.

Tuy ở trong hội của tiên sư Vô Chuẩn, cũng nhiều năm nhập thất, thăng tòa, mà không có một lời nào giải quyết được sự nghi ngại trong tâm. Trong kinh giáo và những lời ngữ lục cũng không cứu được bệnh này. Ôm ấp cái nghi này trong lòng ngót mười năm.

Ngài ôm ấp nghi tình suốt mười năm. Mặc dầu tâm trong trẻo, sáng suốt nhưng chưa phải đến nơi đến chốn.

Một hôm ở Thiên Mục, tôi kinh hành trên điện Phật, mắt chợt thấy một cội bách cổ, vừa thấy liền phát tỉnh, cảnh giới đã được lâu nay là vật ngăn ngại trong ngực, bỗng nhiên tiêu tán, như trong nhà tối bước ra chỗ sáng. Từ đây không còn nghi sanh, nghi

tử, nghi Phật, nghi tổ, mới thấy được chỗ đứng của lão nhân Kính Sơn, đáng được ăn ba mươi gậy.

Từ đây về sau ngài Tuyết Nham Khâm mới xong việc. Công phu của ngài như thế vẫn phải qua tới giai đoạn thứ tư mới xong. Chúng ta công phu quá sơ sài nên chỗ thứ nhất cũng chưa bước tới, huống nữa là chỗ thứ tư. Vậy phải nỗ lực, cố gắng tiến cho tới viên mãn, không được bê trễ lười mỏi, nửa chừng thối lui.

Phật tổ không phụ người quyết chí tiến tu. Cho nên tới chỗ tốt thì không nghi Phật, nghi tổ, không nghi sanh tử, không nghi tất cả. Lúc đó mới thật vui vẻ an trụ.

Lời tự thuật của thiền sư Tuyết Nham Khâm cho thấy tu hành phải khó khổ, trải qua nhiều giai đoạn

mới đạt đạo. Chúng ta bây giờ tu quá dễ dàng nên tu lâu mà vẫn không ngộ. So với các ngài, đời tu của chúng ta còn quá đơn giản, chưa xứng đáng gì.



15. THIỀN SƯ CAO PHONG DIỆU DẠY CHÚNG

Việc này chỉ cần người có tâm tha thiết, vừa phát tâm tha thiết chân nghi liền khởi. Nghi qua, nghi lại, không nghi tự nghi, từ sáng đến chiều đầu đuôi liên tục làm thành một khối. Khuấy không động, đuổi không đi, sáng suốt linh diệu, thường hiện ở trước, đây là khi đắc lực.

Ngài dạy tu hành trước phải có tâm tha thiết, tham công án phải có nghi tình. Nếu tu những pháp môn khác nhờ tâm

tha thiết sẽ đạt được chỗ an định. Làm sao để từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng, định tâm một chỗ. Thí dụ người tu niệm Phật chỉ niệm một câu hồng danh đức Phật. Người tham thoại đầu thì từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng cứ *đầu đuôi liên tục* đề khởi thoại đầu thành một khối. Nếu chúng ta tu phương pháp dứt vọng thì từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng đều biết vọng, không phút giây nào lơ lửng.

Lại phải xác định chánh niệm, cẩn thận không khởi nhị tâm, cho đến đi mà không biết mình đi, ngồi không biết mình ngồi, lạnh nóng, đói khát tất cả đều không biết, cảnh giới này hiện tiền tức là tin tức đến nhà.

Phải xác định chánh niệm cẩn thận, khi được chánh niệm rồi tâm không khởi nhị niệm, nghĩa là không khởi niệm khác. *Đi mà không biết mình đi, ngồi không biết mình ngồi, lạnh nóng, đói khát tất cả đều không biết, cảnh giới này hiện tiền tức là tin tức đến nhà.*

Chỗ này đa số người đọc sẽ lầm, vì như ở trên có nói xa, đừng dùng tử tâm. Tử tâm và quên thân đều là bệnh. Tất cả đều không biết có phải quên thân không? Ở đây quên thân nhưng theo quán thoại đầu thì còn nghi tình hiện tiền. Đó là *tin tức đến nhà*. Chợt lúc nào đó tâm hoa khai phát, hoàn toàn thanh tịnh tức là xong việc.

Nắm thì tới, bắt thì được, chỉ còn đợi thời khắc mà thôi. Lại không nên nghe nói như thế, rồi khởi tâm tinh tấn cầu nó, cũng không được đem tâm đợi nó, không được buông, không được bỏ, chỉ cần ngưng

động chánh niệm, lay ngọ làm quy tắc. Chính khi ấy, có tám muôn bốn ngàn quân ma rình rập trước cửa sáu căn của ông, tất cả việc kỳ quái, thiện ác... tùy tâm ông mà hiện.

Ngài răn khi nghe nói như vậy đừng có ham, khởi mong cầu, đó là bệnh. Phải dè dặt như *có tám muôn bốn ngàn quân ma rình rập trước cửa sáu căn của ông*, tức là trước mắt tai mũi lưỡi của mình, chúng chực sẵn chờ sơ hở là chui vào liền.

Tất cả việc kỳ quái, thiện ác... tùy tâm ông mà hiện. Nếu khởi tâm mong tưởng điều gì nó sẽ hiện ra thứ ấy. Tâm vừa dấy niệm thiện sẽ hiện cảnh thiện, dấy niệm ác hiện cảnh ác, đều là những cảnh khiến mình phải nhiễm. Nhiều người tu không biết, không hiểu chỗ này nên có chút công phu là mong thấy Phật, thấy hiện ra tướng này tướng nọ sanh vui mừng, không biết đó là bệnh. Vì vậy tu tiến chừng nào càng phải cẩn mật chừng ấy, không khéo dễ bị lạc.

Ông vừa khởi một mảy may tâm nhiễm trước, liền rơi vào rọ của ma, bị chúng làm chủ, chịu chúng chỉ huy, miệng nói lời ma, thân làm việc ma, chánh nhân Bát-nhã từ đây hằng mất, hạt giống Bồ-đề không thể nảy mầm.

Thường thường người tu không khéo sẽ lạc vào ma đạo. Trong khi nỗ lực dụng công, công phu hơi thuần, tức là đi được gần phân nửa đường, lúc đó ma dễ ám ảnh, tâm dấy khởi nhiễm trước liền rơi vào rọ của ma. Vì vậy đừng cho vọng niệm dấy khởi. Vọng niệm ở đây khác với vọng niệm hằng ngày của mình, nó từ công phu dấy lên. Nghĩa là đừng

mong, đừng muốn, đừng tìm, đừng thích một cái gì. Trong lúc đang công phu muốn được cái này cái kia la bệnh. Vừa dấy lên mong muốn liền rơi vào rọ ma. Khi đã rơi vào, tất nhiên bị nó chỉ huy *miệng nói lời ma, thân làm việc ma, chánh nhân Bát-nhã từ đây hằng mất, hạt giống Bồ-đề không thể nảy mầm*. Thế nên phải cẩn thận.

Chỉ đừng khởi tâm như quỷ giữ thầy ma, giữ qua giữ lại, khối nghi bồng nhiên nổ một tiếng kinh thiên động địa.

Quỷ giữ thầy ma tức là cứ bám chặt vào đó không buông, không rời. Nếu người quán thoại đầu thì phải đem hết khả năng của mình vào câu thoại đầu. Người tu biết vọng, tất nhiên lúc nào cũng chăm chăm hể vọng lên liền biết, không vọng cũng biết, trí biết không bao giờ rời.

Đến khi nào *khối nghi bồng nhiên nổ một tiếng kinh thiên động địa*, chừng đó việc mới xong. Như vậy trước là quên thân, bây giờ khối nghi nổ một tiếng, quên cả pháp. Thân, pháp đều mất lúc đó mới thật là về đến nhà. Như vậy thiền sư Cao Phong Diệu đã giải thích công phu tu hành của thoại đầu. Bây giờ ngài kể về đời tu của bản thân.

Tôi mười lăm tuổi xuất gia, hai mươi tuổi được đáp y, đến Tịnh Từ lập nguyện ba năm liêu chết học thiền.

Chúng ta có dám ba năm liêu chết học thiền không? Người tu phải lập nguyện, nếu không sẽ dễ buông lơi. Ở đây, Sư đã phát nguyện ba năm liêu chết học thiền.

Ban đầu học với hòa thượng Đoạn Kiều, dạy tham cứu “sinh từ đâu đến, chết trở về đâu”. Ý phân hai đường, tâm không quy nhất.

Ngài quán thấy ý phân hai đường, một đường chết, một đường sống, cho nên tâm không quy nhất.

Sau yết kiến hòa thượng Tuyết Nham, dạy khán chữ Không. Lại dạy mỗi ngày đến trình một lần, như người đi đường mỗi ngày cần thấy công trình, nhân thấy nói có thứ tự, sau đến ngài không hỏi chỗ công phu nữa. Một hôm toi vào cửa, ngài hỏi: “Ai kéo tử thi này cho ông?” Tiếng chưa dứt, ngài liền đánh đuổi ra.

Trong nhà thiền hay dùng câu: “Ai kéo tử thi này cho ông?” Tương tự với câu Lục Tổ hỏi ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng: “Cái gì đến như thế?” Ngài Hoài Nhượng thưa: “Nói giống một vật thì không đúng.”

Câu này đúng ra không giải thích, nhưng tạm phương tiện nói vì chúng ta không tu thoát đầu. “*Ai kéo tử thi này cho ông?*” Thiền sư coi thân này là tử thi. Hòa thượng Tuyết Nham hỏi Sư, thầy chết này do cái gì lôi kéo đến đây. Chưa dứt lời, Hòa thượng đánh đuổi ra.

Sau đến Kính Sơn, vừa vào thiền đường, tôi như trong mộng chợt nhớ câu “muôn pháp về một, một về chỗ nào”. Từ đây nghi tình chóng phát, không còn phân biệt đông, tây, nam, bắc.

Ngày thứ sáu ở đây, theo chúng lên gác tụng kinh, vừa ngược đầu nhìn lên chợt thấy bài Chân tán của hòa thượng Ngũ Tổ Diễn, hai câu sau:

Trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày, Xét kỹ hóa ra chính gã này.

Câu kéo tử thi... ngày trước, bỗng nhiên thấu triệt, bay hồn vỡ mật, chết đi sống lại, khác nào người buông gánh nặng một trăm hai mươi cân.

Khi đó, tôi được hai mươi bốn tuổi.

Ngũ Tổ Diễn hiệu là Pháp Diễn. Có thuyết nói Ngũ tổ Hoàng Nhẫn khi tịch đã huyền ký sau này nếu người nào sanh ra trên tay có ký hiệu, đó chính là Tổ ra đời. Sau ngài Pháp Diễn có những đặc điểm giống hệt như lời ký nên được xem là tái sanh của Ngũ Tổ, vì vậy thời nhân gọi là Ngũ Tổ Diễn. Chỗ khác nói do vì ngài Pháp Diễn ở núi Ngũ Tổ nên gọi là Ngũ Tổ Diễn.

Trong bài tán, hai câu sau chót nguyên văn chữ Hán là:

Bách niên tam vạn lục thiên triêu, Phản phú nguyên lai thị giá hán.

Sư đọc đến đây liền ngộ câu kéo tử thi, bay hồn vỡ mật, chết đi sống lại, khác nào người buông gánh nặng một trăm hai mươi cân. Như người vác bao xi-măng nặng, đi tới chỗ để xuống thấy khỏe cỡ nào, Sư cũng như vậy, cảm thấy nhẹ nhàng thanh thoát. Khi đó Sư mới hai mươi bốn tuổi.

Mãn nguyện ba năm, sau bị Hòa thượng hỏi: “Những ngày này tu tập đã làm chủ được chưa?” Tôi

thưa: “Đã làm chủ.” Lại hỏi: “Trong khi ngủ nằm mộng có làm chủ được không?” Thưa: “Làm chủ được.”

Thường thường ban ngày đi đứng nằm ngồi chúng ta còn làm chủ được. Trong mộng thì thấy gì, làm gì, mình hoàn toàn không thể làm chủ. Ngài khi mộng vẫn làm chủ được cho thấy công phu tu hành rất sâu.

Lại hỏi: “Khi ngủ mê không mộng chủ ở chỗ nào?” Câu hỏi này không có lời để đáp, không có lý lẽ trình bày.

Hòa thượng dạy: “Từ nay ông không cần học Phật pháp cùng cổ tột kim, chỉ cần đói thì ăn, mệt thì ngủ, ngủ vừa thức dậy chấn chỉnh tinh thần, tự hỏi cái thức giấc này của ta, chủ nhân rốt ráo tại chỗ nào. An thân lập mạng, tự thệ chuyển một đời ngu si, quyết định phải thấy rõ ràng cái ấy.”

Ngài bí ngay tại câu *khi ngủ mê không mộng, chủ ở chỗ nào?* Những bậc thầy như hòa thượng Tuyết Nham nhìn là biết Sư mới phá ngã nhưng chưa phá pháp. Nên Hòa thượng chỉ cho thấy.

Ban đầu thấy như ngài đã vượt qua hai giai đoạn: Trước là quên thân, sau là nhiếp được câu thoại đầu, nhưng chưa thấy ông chủ. Cổ nhân nói: “Đã tới đầu sào trăm trượng mà chưa vượt khỏi đầu sào.” Chính đây là chỗ trong những bài kệ của chư vị thiền sư có nói chỉ mới được tâm không, “tâm không chưa phải là đạo”, cần phải nhận ra ông chủ. Như vậy

tối nhận ông chủ mới là chỗ an thân lập mạng, *tự thệ chuyển một đời ngu si, quyết định phải thấy rõ ràng cái ấy.*

Trải qua năm năm, một hôm đang ngủ chợt thức giấc, vẫn ôm lòng hoài nghi việc này, bỗng một đạo hữu cùng ngủ đẩy rớt cái gối xuống đất, động một tiếng, ngẫu nhiên tan vỡ khối nghi, như thoát khỏi lưới. Bao nhiêu công án của Phật tổ, những nhân duyên sai biệt nay đều thấu đạt. Từ đây, nhà yên nước thịnh, thiên hạ thái bình, nhất niệm vô vi mười phương đều dứt.

Ngài Cao Phong Diệu *trải qua năm năm, một hôm đang ngủ chợt thức giấc, vẫn ôm lòng hoài nghi việc này*, nghĩa là hoài nghi ông chủ không biết ở đâu. Cái gối cây rớt xuống đất, động một tiếng. Ngài nhân tiếng đó ngẫu nhiên tan vỡ khối nghi, như thoát khỏi lưới. Bao nhiêu công án của Phật tổ, những nhân duyên sai biệt từ trước tới nay đều thấu đạt. Từ đây, nhà yên nước thịnh, thiên hạ thái bình, nhất niệm vô vi mười phương đều dứt. Đó là chỗ cứu cánh. Người tu như vậy mới xong việc.

Giai đoạn sau của Sư là phù hợp với đường lối tu của chúng ta. Tức là phải tìm ông chủ ở đâu, là cái gì hay là lúc nào làm chủ. Suốt ngày hoạt động mà vẫn làm chủ được, đó là một bước tiến khá. Cho tới đêm nghỉ chiêm bao mộng mị vẫn làm chủ. Trong mộng làm chủ ra sao? Thí dụ trong khi nằm mộng vẫn nhớ mình là người tu, có ai mời thịt cá cũng không ăn. Đó là một cách làm chủ. Nhiều người ngủ rồi

không nhớ mình là người tu, lại nhớ hồi còn ở thế gian có khi cũng ăn thịt ăn cá. Đó là chưa làm chủ.

Chúng ta phải làm sao ban ngày sống thế nào đến đêm trong mộng cũng sống đúng như vậy, đó gọi là làm chủ. Không bị những nhiễm ô trong giấc mộng sai sử là biết làm chủ. Không chỉ biết làm chủ khi ngủ và khi thức mà con phải biết ông chủ luôn luôn có mặt.

Như vậy mới là cứu cánh.



16. THIỀN SƯ THIẾT SƠN ÁI DẠY

Sơn tăng mười ba tuổi biết được Phật pháp, mười tám tuổi xuất gia, hai mươi hai tuổi làm tăng.

Công phu thiền sư Thiết Sơn Ái thật sâu dày. Ngài biết Phật pháp hồi mười ba tuổi, chỉ nội điểm này chúng ta cũng đã thua xa.

Trước đến Thạch Sương, được Am chủ Tường dạy luôn luôn quán chót mũi trắng, tâm được thanh tịnh. Sau có vị tăng từ Tuyệt Nham đến, trình bày phương pháp tọa thiền do ngài Tuyệt Nham dạy. Xét lại công phu của tôi chưa từng được qua lối ấy. Nhân đó, tôi đến Tuyệt Nham. Ngài dạy thực hành công phu chỉ đề một chữ Không. Tôi y đó tu tập, đến đêm thứ tư toàn thân mồ hôi ra ướt đầm, được mười phần trong sáng. Kế vào tăng đường, tôi không nói chuyện với ai, chỉ chuyên tâm vào sự tọa thiền.

Như vậy ngài đã bước qua cổng số một. Từ đó về sau chỉ chuyên một bề vào câu thoại đầu.

Sau đến yết kiến Cao Phong Diệu. Ngài dạy: “Suốt cả ngày đêm thoại đầu chờ cho gián đoạn. Canh tư thức dậy theo đuổi thoại đầu sẽ được hiện trước mắt. Vừa biết ma ngủ đến, liền đứng dậy đi kinh hành vẫn giữ thoại đầu, khi đi mỗi bước không rời thoại đầu. Dọn cơm, rửa bát, cất muống, dọn dĩa, theo chúng làm việc... đều không rời thoại đầu. Ban ngày, ban đêm cũng đều như vậy, nhào nặn thành một khối, chắc chắn sẽ được phát minh.” Theo lời dạy của ngài Cao Phong, tôi thực hành công phu quả nhiên kết thành một khối.

Về sau ngài đến chỗ thiền sư Cao Phong Diệu, được dạy suốt cả đêm ngày đề câu thoại đầu không cho gián đoạn. Sau khi được chỉ dạy cách tu, Sư áp dụng thấy kết quả tốt đẹp, công phu thành một khối.

Ngày hai mươi tháng ba, ngài Tuyết Nham lên thiên đường bảo: “Chư huynh đệ! Nếu ngôi lâu trên bồ đoàn bị ngủ gật, nên bước xuống đất, đi một vòng, lấy nước lạnh súc miệng, rửa hai con mắt, lại lên bồ đoàn ngồi thẳng xương sống như vách đứng ngàn trượng, đề khởi câu thoại đầu. Dụng công như thế quyết định bảy ngày được ngộ. Lối đó là bốn mươi năm về trước, Sơn tăng đã áp dụng công phu.”

Tôi y lời dạy này thực hành, liền biết có công phu dị thường. Ngày thứ hai, cặp mắt muốn nhắm mà không thể nhắm. Ngày thứ ba, thân này như đi giữa hư không. Ngày thứ tư, không còn biết tới việc thế gian. Đêm ấy, đứng dựa lan can một chút, lặng nhiên không biết, kiểm điểm lại thoại đầu vẫn không mất. Trở vào lên bồ đoàn ngồi, chợt nghe từ đầu đến chân tợ như đầu lâu chẻ vỡ, in tuồng dưới đáy giếng sâu muôn trượng được đưa lên hư không. Khi ấy, vui mừng vô hạn.

Ngài Tuyết Nham lên thiên đường dạy công phu nếu ngủ gật thì phải đi rửa mặt, súc miệng... xong rồi trở lên bồ đoàn ngồi, đề khởi câu thoại đầu. Thực hành như vậy trong khoảng bảy ngày chắc chắn được ngộ.

Sư y theo đó làm, đến ngày thứ tư không còn biết gì việc thế gian. Đêm ấy Sư đứng dựa lan can một chút, *lặng nhiên không biết*, tức là quên thân, *kiểm điểm lại thoại đầu vẫn không mất*. Quên thân mà câu thoại đầu vẫn còn nguyên vẹn.

Khi đó Sư trở lên bồ đoàn ngồi, *chợt nghe từ đầu đến chân tợ như đầu lâu chẻ vỡ*, giống như đập từ đầu đến chân nứt ra hết. *In tuồng dưới đáy giếng sâu muôn trượng được đưa lên hư không*, như người bị đưa bổng lên trên hư không, nhẹ nhàng. *Khi ấy, vui mừng vô hạn*.

Tôi đem việc này thuật lại ngài Tuyết Nham. Ngài bảo: “Chưa phải.” Lại trở về thực hành công phu, mong được pháp ngữ. Chuyển sau, ngài bảo:

*Thiệu long Phật tổ hưởng thượng sự,
Nãi hậu y tiên khiếm nhất chùy.*

Dịch:

**Nói dòng Phật tổ việc hưởng thượng,
Sau ót trước đây thiếu một chùy.**

Trong tâm tự hỏi, tại sao lại “thiếu một chùy”? Không tin việc này, liền khởi nghi, không thể tự giải quyết được. Mỗi ngày chồng chấp tọa thiền sắp được nửa năm. Một hôm, nhân nhức đầu chứng thuốc, gặp tri khách Giác Xích Tử, hỏi: “Thái tử Na Tra lóc thịt trả cho mẹ, cắt xương trả cho cha là sao?” Nghe hiểu mà không thể đáp, bỗng nhiên phá vỡ khối nghi.

Nhưng đem lại thuật cho thiền sư Tuyết Nham nghe, ngài bảo chưa phải. Lại trở về thực hành công phu, mong được pháp ngữ, tức là muốn thiền sư dạy cho một câu. Chuyển sau, ngài Tuyết Nham dạy:

Nói dòng Phật tổ việc hưởng thượng, Sau ót trước đây thiếu một chùy.

Câu *thiếu một chùy* gây ấn tượng mạnh nhất nên từ đó về sau Sư cứ nhớ *thiếu một chùy* còn mấy chữ trước không cần hiểu ý nghĩa. Tại sao lại “*thiếu một chùy*”? Cứ như vậy mà nghi chấp chồng lên. Cho tới một hôm nhân vị tri khách nói chuyện với ngài, ngài nghe hiểu mà đáp không được, bỗng nhiên khối nghi tan vỡ.

Sau đến tham học với ngài Mông Sơn. Mông Sơn hỏi: “Tham thiền công phu đến chỗ nào là cùng tột?” Liên im lặng không biết nói gì. Ngài Mông Sơn dạy: “Lại phải thực hành định lực công phu, gột sạch tập tục thế gian.” Mỗi khi vào thất chỉ nhớ “thiếu một chùy”. Một hôm, từ ban mai tọa thiền đến suốt đêm, dùng định lực dồn ép, liền được thấy u vi. Khi xuất định gặp ngài Mông Sơn, bèn thuật lại cảnh này. Mông Sơn bảo: “Cái ấy là bản lai diện mục của ông.” Vừa muốn nói, ngài Mông Sơn liền đóng cửa. Từ đây, công phu mỗi ngày càng đến chỗ mầu nhiệm. Bởi vì rời ngài Tuyết Nham sớm quá, nên thực hành công phu chưa từng đến chỗ tế mật. Rất may! Lại được gặp bậc thầy xuất cách, mới đạt đến chỗ này. Lâu nay nhờ thực hành công phu khẩn thiết cùng cực, nên hiện tại giờ giờ ngộ nhập, bước bước sạch trong. Một hôm, nhìn trên vách thấy bài Tín Tâm Minh của Tam Tổ ghi:

*Quy căn đắc chỉ,
Tùy chiếu thất tông.*

Dịch:

Về nguồn được ý chỉ,
Tùy chiếu mất chân tông.

Lại gột thêm một lớp nữa. Ngài Mông Sơn bảo: “Việc này in như mài giữa hạt châu, càng giữa thì càng sáng, càng sáng thì càng trong sạch. Giữa một lần, hơn

hiều đời khác thực hành công phu.” Nhưng, tuy nói vậy, chữ “thieu” vẫn còn ở trong tâm.

Đến khi được ngài Mông Sơn hỏi: *Tham thiên công phu đến chỗ nào là cùng tột?* Bởi chưa cùng nên khi hỏi chỗ cùng Sư không thể đáp được. Thiên sư Mông Sơn dạy: *Lại phải thực hành định lực công phu, gột sạch tập tục thế gian.* Từ đó về sau Sư chỉ nhớ *thiếu một chùy*, đi đâu cũng nhớ, cứ như vậy. Một hôm, do sức dồn ép quá, liền được thấy u vi. U vi tức là chỗ mâu nhiệm.

Khi xuất định, Sư thuật lại, ngài Mông Sơn nói: *Cái ấy là bản lai diện mục của ông.* Nói xong, không giải thích gì thêm, Sư muốn hỏi nhưng ngài đóng cửa. Thêm một nghi tình. Sư thấy tiếc vì rời Tuyết Nham quá sớm nên công phu chưa đạt tới chỗ tế mật. Cũng may gặp được hòa thượng Mông Sơn cũng là bậc thầy xuất cách, cho nên tới đây cũng có lợi ích.

Đến khi thấy hai câu trong bài Tín Tâm Minh của Tam Tổ:

Về nguồn được ý chỉ,

Tùy chiếu mất chân tông.

Sư liền như được thêm một lần gọt giữa. Nhân đây thiên sư Mông Sơn dạy người tu tới chỗ tế mật càng gọt giữa càng sáng. Nghĩa là trong chỗ tế mật đó gọt giữa một lần bằng tu cả đời. Điều này rất quan trọng. Sư đạt đến chỗ đó nhưng chữ *thiếu một chùy* cũng vẫn còn trong tâm.

Một hôm trong định, chợt chạm đến chữ “thiếu”, bỗng nhiên thân tâm rỗng rang, triệt xương thấu tủy, như tuyết đọng hốt nhiên chảy tan, siêu việt không còn ngăn ngại. Nhịn không được liền bước xuống đất nắm chặt Mông Sơn thưa: “Tôi thiếu cái gì?” Mông Sơn đánh ba cái, tôi lễ ba lễ. Mông Sơn bảo: “Thiệt Sơn chỉ một cái đó mà mấy năm rồi, đến nay mới liễu ngộ.”

Liền bước xuống đất nắm chặt Mông Sơn thưa: “Tôi thiếu cái gì?” Gan dạ như vậy. Lâu nay Sư cứ nghi tại sao *thiếu một chùy*, bây giờ thấy rõ ràng rồi nên trở lại thưa: *Tôi thiếu cái gì?* Khi đó Mông Sơn đánh cho ba cái, Sư lạy ba lạy. Tức là đã được ấn chứng, tới đó mới thật xong. Khi thiền sư ăn nói mạnh bạo, đó là lúc các ngài đã xong việc, nếu còn thấy thiếu, thấy sợ thì chưa xong.

Chư huynh đệ! Nếu tạm thời câu thoại đầu không còn, có khác gì người chết. Tất cả cảnh giới đến bức bách thân, chỉ lấy câu thoại đầu chống lại.

Luôn luôn kiểm điểm thoại đầu, xét trong động, trong tĩnh và đắc lực hay không đắc lực. Trong định cũng không nên quên thoại đầu, quên thoại đầu thì thành tà định. Không được khởi tâm mong chờ được ngộ. Không nên tìm hiểu trên văn tự. Đừng thấy xúc chạm chút ít cho là đã liễu ngộ.

Thiền sư Thiệt Sơn Ái khuyên tất cả người tu, nếu quán thoại đầu thì phải cố gắng như người chết. Tất cả những cảnh giới đến bức bách, cũng đều phải lấy câu thoại đầu chống đỡ.

Chúng ta không quán thoại đầu thì tất cả cảnh đến phải lấy sức Bát-nhã chống đỡ. Ngài dạy:

1. Không được khởi tâm mong chờ được ngộ.
2. Không nên tìm hiểu trên văn tự.
3. Đừng thấy xúc chạm chút ít cho là đã liễu ngộ.

Ba điều này nên tránh. Nếu cứ tìm hiểu trên văn tự sẽ mệt. Cũng đừng khởi tâm cầu ngộ, càng cầu lại càng không ngộ. Đừng được chút ít rồi cho là đủ, xưng mình là Phật, là tổ.

Chỉ nên như si như ngốc, Phật pháp, thế pháp nhồi thành một khối. Thi vi động tác chỉ là tâm thường, chỉ cần thay đổi đường lối của ngày xưa. Cổ nhân nói:

*Đại đạo từng lai bất thuộc ngôn,
Nghĩ đàm huyền diệu cách thiên uyên.
Trực tu năng sở câu vong khước,
Thủ khả cơ xan khôn tác miên.*

Dịch:

**Đại đạo xưa nay chẳng dụng lời,
Nghĩ bàn huyền diệu cách vực trời.
Chi bằng quên cả năng và sở,
Mới khá đói ăn, mệt nghỉ ngơi.**

Càng nghĩ bàn những chuyện xa xôi chừng nào đối với đạo càng xa như trời vực. Năng sở đều quên, phá cả ngã và pháp. Làm xong hai điều đó mới đói ăn, mệt nghỉ.

Chưa phá ngã, pháp mà đối ăn, mệt nghỉ thì không được. Bây giờ đa số người tu lại bắt chước một cách sai lầm. Nghĩa là ngã, pháp chưa phá nhưng nghe Tổ nói đối ăn, mệt nghỉ nên đòi ăn, rồi đuổi thẳng cẳng ngủ. Không ngờ ý các ngài là khi nào năng sở đều phá, đều quên mới được như thế. Năng sở còn đây lại đòi đối ăn, mệt ngủ thật là lầm lớn. Nói lời người xưa nhưng chưa làm được như người xưa là không đúng. Các ngài đã hằng sống trong cảnh đó nên nói lời đó mới đúng. Chúng ta ở trong cảnh phạm tục, công phu chưa đến đâu lại dùng lời cổ đức làm bia che đậy lỗi lầm, đó là bệnh.



17. THIÊN SƯ ĐOẠN NHAI NGHĨA DẠY CHÚNG

Nếu muốn siêu phàm nhập thánh, thoát khỏi trần lao, phải nên thay xương đối thịt, chết đi sống lại, như trong tro lạnh phát lửa, cây khô nảy chồi, đâu phải là việc dễ dàng. Tôi trước kia hầu hạ Tiên sư đã nhiều năm, mỗi khi bị đánh phạt, tâm không khởi một niệm xa lìa. Cho đến ngày nay khi gặp những việc đau khổ, bất giác nhớ đến thầy mà rơi nước mắt! Đâu phải như các ông hiện giờ, gặp một việc khổ nhỏ là bỏ thầy ra đi không thềm ngó trở lại!

Muốn siêu phàm nhập thánh, thoát khỏi trần lao là chuyện phi thường, đâu phải dễ. Phải nên thay xương đối thịt, chết đi sống lại. Như trong tro lạnh phát lửa, cây khô nảy chồi, đâu phải là việc dễ dàng, làm được việc đó thật không dễ dàng.

Trước Sư hầu thấy nhiều năm, bị đánh phạt nhưng không bao giờ khởi niệm xa lìa, bỏ thầy ra đi. Bây giờ *khi gặp những việc đau khổ bất giác nhớ đến thầy mà rơi nước mắt*. Ngài nghĩ đến người đã bảo bọc, che chở cho mình nên rơi nước mắt. *Đâu phải như các ông hiện giờ, gặp một việc khổ nhỏ là bỏ thầy ra đi không thêm ngó trở lại!* Đi là đi bật, không thêm ngó ngang, để ý gì tới thầy hết.

Ngài chỉ cho chúng ta thấy người tu phải có ý chí mãnh liệt, vì việc chính là *siêu phàm nhập thánh, thoát khỏi trần lao* rất khó khăn. Nếu gặp được bậc thầy sáng suốt chỉ dạy, chúng ta phải nhiệt tình, đặt hết tâm vào việc tu hành. Người lơ là, tu cho có, sau này sẽ hối hận, một đời tu không đi đến đâu.



18. THIÊN SƯ TRUNG PHONG BỒN DẠY CHÚNG

Tiên sư là hòa thượng Cao Phong dạy người, chỉ dạy tham câu thoại đầu, ôm ấp trong lòng, đi tham như thế, ngồi cũng tham như thế. Khi tham đến chỗ dụng lực không tới, lưu ý không được, chợt nhiên thấu đạt, mới biết thành Phật đã tự bao giờ. Một việc ấy, là do Phật, tổ đã kinh nghiệm được cái tam-muội liễu sanh thoát tử vậy. Chỉ quý ở chỗ tin quả quyết và trải thời gian lâu xa không thối chuyển, quyết định sẽ được tương ứng.

Lời Tổ dạy thật là thiết yếu, ứng dụng theo đúng như vậy mà không được thì không còn gì nữa. Thiên sư Trung Phong

là đệ tử của hòa thượng Cao Phong. Sư dẫn lời thầy dạy dụng công: *Khi tham đến chỗ dụng lực không tới, lưu ý không được, chợt nhiên thấu đạt, mới biết thành Phật đã tự bao giờ.* Nghĩa là đến chỗ cuối cùng mới hay mình thành Phật đã lâu mà không biết.

Chư Phật, chư tổ đã nói ra từ kinh nghiệm của các ngài, giúp chúng ta được tam-muội liễu sanh thoát tử. *Chỉ quý ở chỗ tin quả quyết và trải thời gian lâu xa không thối chuyển, quyết định sẽ được tương ứng.* Niềm tin quả quyết không thối chuyển dầu bao lâu cũng được, không nói ba năm, năm năm, bảy năm, mười năm, hay suốt đời vẫn không nhụt chí.

Thực hành công phu khán thoại đầu là chỗ đứng rất ổn đáng, gần gũi bờ giác ngộ. Dù đời này không ngộ, tín tâm vẫn không lui sụt, ắt đời sau hoặc đời sau nữa sẽ được khai ngộ.

Đời này không ngộ thì đời sau hoặc sau nữa cũng sẽ ngộ. Cứ tiến tu hoài không chán, không sợ.

Hoặc hai ba mươi năm mà chưa khai ngộ, không cần tìm phương tiện nào lạ, chỉ giữ tâm không duyên cảnh khác, ý dứt các vọng, chăm chăm không bỏ, một bề chú ý vào câu thoại đầu đang tham làm chỗ đứng, giữ vững sống cùng sống, chết cùng chết. Đâu quán ba đời, năm đời, mười đời, một trăm đời, nếu chưa triệt ngộ, quyết định không thôi. Có cái chánh nhân như thế rồi, lo gì đại sự không có ngày minh liễu.

Có ý chí thì sẽ được. Cứ tu hoài, chăm hằm tiến tới, chắc chắn có ngày thành công. Thế nên học lời dạy của các thiền sư cho chúng ta thêm sức mạnh, không thì lâu dần mình yếu đi từ từ. Thỉnh thoảng cứ nghĩ: “Nghệp chướng gì mà tu lâu quá rồi vẫn chẳng thấy an lạc, gặp cảnh tâm vẫn loạn động như thường. Người thế gian không tu cũng sung sướng, mình tu chi cho cực” nên thối tâm Bồ-đề. Đó là bệnh làm cho nhiều người bỏ cuộc nửa chừng, vì thấy mình dụng công mấy năm mà không đi tới đâu.

Nếu chúng ta làm đúng như lời ngài dạy thì không có gì phải lo. Đời này không được thì đời sau, đời sau không được đời sau nữa, trăm đời, ngàn đời cũng sẽ được. Cứ làm hoài, giống như Ngu Công phá núi, “mình làm không rồi con mình làm, con làm không rồi cháu mình làm, cứ như vậy có ngày cũng xong.”

Trong lúc bệnh thực hành công phu, không cần ông tinh tấn dũng mãnh, cũng không cần mày chau, mắt trợn, chỉ cần tâm ông như cây như đá, ý như đóng tro tàn.

Đoạn này ngài dạy cách tu trong lúc bệnh. *Không cần ông tinh tấn dũng mãnh, cũng không cần mày chau, mắt trợn, không cần nhíu mày, trợn mắt chăm hằm. Chỉ cần tâm như cây như đá* đừng cho động, *ý như đóng tro tàn* không còn gì dấy lên.

Đem thân tứ đại huyễn hóa này gửi tận thế giới bên kia. Dù nó bệnh cũng được, chết cũng được, có người săn sóc cũng được, không ai săn sóc cũng được, thơm

sạch cũng được, lây thối cũng được, có thầy trị lành bệnh sống đến một trăm hai mươi tuổi cũng được, nếu như chết liền bị nghiệp trước lôi vào vac dầu sôi, lò lửa đỏ cũng được.

Dem thân tứ đại huyễn hóa này gửi tận thế giới bên kia. Dù nó bệnh cũng được, chết cũng được. Cứ bệnh, cứ chết đi. Có người săn sóc cũng được, không ai săn sóc cũng được. Thơm sạch cũng được, người ta săn sóc cho mình sạch sẽ thơm tho cũng được, nếu để lây thối cũng được. Có thầy trị lành bệnh sống đến một trăm hai mươi tuổi cũng được, sống bao lâu cũng không nghĩ, không đòi hỏi gì hết. Nếu như chết liền bị nghiệp trước lôi vào vac dầu sôi, lò lửa đỏ cũng được, cũng cứ chết, không sợ.

Mình thấy như vậy thì tu có gì sợ.

Những câu nói này tưởng bình thường nhưng sự thật hay đáo để. Chính như vậy mới là tâm như đồng tro tàn. Nếu mình còn sợ: “Đau như vậy làm sao tu?” Vừa có niệm đó là đã động rồi. Phải xả hết thì tâm mới lặng như đồng tro tàn. Còn khởi niệm: “Mình nằm hơi quá, ai có tới thăm người ta khi” hay “Mình chưa ngộ đạo đến khi chết quỷ sứ dẫn mình xuống dưới địa ngục rồi sao?” cũng không được, nghĩ như vậy là động tâm. Sao cũng được, chấp nhận hết. Quỷ sứ dẫn đi đâu, dọa vào đường nào cũng không sợ. Chỉ cần tâm lặng lẽ. Những lời ngài dạy thật hay, không phải tầm thường.

Đọc đến đây chúng ta phải tự kiểm lại mình. Nhiều khi hơi bệnh liền nghĩ: “Mình đau không biết có ai săn sóc không?” Lo ngược lo xuôi đủ thứ. “Chắc phải kiểm năm bảy

đứa đệ tử, để sau nó lo cho mình, chứ già ai lo.” Chính như vậy thành ra điên đảo cả ngày, cả tháng, cả năm. Tâm không yên. Lo cái này chưa xong tới cái kia. Lúc mạnh thì lo lúc đau, khi đau lo khi chết. Gần chết còn lo làm sao siêu thoát. Lo như vậy làm sao tâm được như đồng tro tàn?

Chúng ta tu hành tâm như đồng tro tàn, sẵn sàng đem thân tứ đại huyễn hóa này gửi tận thế giới bên kia, mặc làm gì thì làm, ưng cho gì thì cho. Chăm sóc cũng tốt, bỏ đi cũng tốt. Nếu có thầy thuốc săn sóc, nuôi tới một trăm hai mươi tuổi cũng chịu, chứ không nói tại sao thầy làm cho tôi sống lâu quá tôi khổ. Không cần, không nói, sao cũng được. Nếu người tu được như vậy thì còn gì hơn nữa?

Trong những cảnh giới như thế, đều không làm lay động được tâm, chỉ thiết tha đem câu thoại đầu vô vị để bên lò thuốc, gối trên đầu nằm, thâm thâm tham chiếu, không nên lơ lửng.

Gặp cảnh nào tâm cũng như như. Người tham thoại đầu cứ khán thoại đầu, người biết vọng cứ nhằm biết vọng thôi. Vọng lên liền biết, thân này bỏ cũng được, lấy cũng được, dơ cũng được, sạch cũng được, không cần lo tới. Một niệm vừa dấy lên lo cho nó là đã loạn. Than trời trách đất, tủi thân, tủi phận chỉ làm tâm loạn, điên đảo. Cho nên coi như chết rồi sao cũng được. Nhờ vậy tâm mới như cây như đá được.

Nếu người tu thoại đầu, niệm Phật, người quán chiếu biết vọng... đều làm như vậy chắc ai cũng ngộ đạo. Bởi tu lơ là nên sợ sau này cô độc không có đệ tử lo, kiếm vài đứa nhỏ nuôi để về già nhờ cậy. Nuôi lo cho nó đi học. Nó lớn lên lo

cho nó tu. Cứ như vậy lo hoài tới già tới chết, rốt cuộc mình tu không ra gì.

Người thật tu không quan tâm đến bản thân. Đừng cần nghĩ tới già chết, cô độc lẻ loi. Cứ lấy pháp tu làm chỗ đứng vững, không bao giờ rung rinh. Thân này mặc kệ, gửi tận thế giới bên kia, ai làm gì thì làm, hồi thối cung được, sạch sẽ cũng được. Làm đúng như vậy chắc chắn sẽ tu tới nơi tới chốn. Đây là những lời dạy vàng ngọc, không phải tầm thường, phải nên trân trọng vâng làm.



19. THIÊN SƯ THIÊN NHƯ TẮC DẠY

Sanh không biết từ đâu đến, gọi là sanh đại. Tử không biết về đâu, gọi là tử đại. Khi tử thân đến chỉ còn biết co tay giật chân. Huống nữa, đường trước mặt mờ theo nghiệp thọ báo, thật là việc rất khẩn cấp vậy. Đó là báo cảnh của sanh tử.

Thiên sư dạy gốc của sự tu hành là sanh tử sự đại. Chúng ta tu cốt để giải thoát sanh tử nhưng nhiều khi tu lâu lại quên. Mới tu một hai năm còn nhớ, tới bốn năm năm là quên từ từ. Đôi khi có người còn không biết tu để làm gì. Đó là bệnh rất nặng.

Tại sao nói sanh tử sự đại? Thiên sư Thiên Như Tắc giải thích: *Sanh không biết từ đâu đến gọi là sanh đại*, tức là ngu si không biết tại sao mình sanh ra. *Tử không biết về đâu gọi là tử đại*, chết rồi mờ mịt không biết mình ra sao, sẽ đi về đâu. Sanh tử không rõ nên không giải quyết được, cứ lòng

vòng qua lại trong đó, nên gọi sanh tử là việc lớn. Nếu biết rành rõ việc sanh tử sẽ giải quyết được sanh tử.

Khi tử thân đến chỉ còn biết co tay giật chân, nghĩa là tử thân tới thì tay chân co giật, miệng méo, thở khí rồi đi. Huống nữa, đường trước mịt mờ theo nghiệp thọ báo, thật là việc rất khẩn cấp vậy. Đó là báo cảnh của sanh tử, khi chết đường trước mịt mờ, theo nghiệp dẫn đi thọ báo, đó là báo cảnh của sanh tử.

Nếu luận về gốc nghiệp sanh tử, tức là ngày nay phóng tâm chạy theo thanh, sắc khiến phải thất điên bát đảo, chính là gốc ở nó.

Gốc của nghiệp dẫn chúng ta phải đi thọ báo là do hiện giờ phóng tâm chạy theo thanh, sắc.

Do đó Phật, tổ vận đại từ bi hoặc dạy ông tham thoại đầu, hoặc dạy niệm Phật, khiến ông quét sạch vọng niệm, nhận ra mặt thật xưa nay, làm cái việc khoáng đạt đại giải thoát.

Tất cả các phương pháp tu đều nhằm quét sạch vọng niệm, nhận ra mặt thật xưa nay, làm cái việc khoáng đạt đại giải thoát. Người tu hành muốn giải thoát sanh tử phải biết mầm gốc sanh tử là do phóng tâm chạy theo thanh, sắc. Bây giờ chúng ta quét sạch vọng niệm thì bản lai diện mục hiện bày. Đó là được khoáng đạt, rộng rãi, thênh thang, đại giải thoát.

Nhưng, người nay tu không linh nghiệm bởi ba thứ bệnh:

1. Không gặp thiện tri thức chỉ dạy.

2. Không thông thiết ghi nhớ việc lớn sanh tử, lừng lơ thong thả không ngờ mình ở trong vô sự.

3. Đối với danh hư, lợi ảo ở thế gian quán không tan buông không rời, lên ngôi trên bồ đoàn mà vọng duyên ác tập đoạn không được, bỏ không khỏi. Chỗ phong ba dấy động, bất giác thân này lăn vào trong biển nghiệp, trôi giạt đông tây.

Người chân chánh học đạo đâu có cam chịu như vậy.

Ngài bảo chúng ta tu hành không có kết quả như người xưa, bởi ba thứ bệnh:

1. Không gặp thầy lành bạn tốt chỉ dạy cách tu hành.

2. Không tha thiết đối với việc tu hành, phóng túng qua ngày, chẳng sợ trôi lăn trong sanh tử. Vô sự ở đây không phải là vô sự của các thiên sư, mà là lơ lơ lửng lửng, ăn chơi qua ngày. Tâm lạng lẽ không còn một niệm mới là vô sự của thiên sư.

3. Danh hư, lợi ảo ở trong đạo cũng tương tự như ngoài đời. Như quý thầy được Phật tử gọi là thượng tọa, nghe riết quen tai, sau này có người gọi bằng thầy hay huynh thì thấy sao? Nghe nhẹ thể, khó chịu. Đó là đã đặt mình trong danh hư lợi ảo rồi. Thượng tọa là cái gì, huynh là cái gì? Nhưng quen nghe kêu thượng tọa, ai đổi lại kêu huynh liền thấy mất cảm tình. Thành ra chúng ta bị nhốt trong danh hư, lợi ảo. Hư danh không có thật nhưng chúng ta bám vào đó sanh ra

buồn, vui. Thật vô lý! Nếu biết đó chỉ là hư danh thì gọi gì cũng được. Rõ ràng chúng ta bị hư danh, lợi ảo làm chướng ngại. Đây là căn bệnh nhiều người mắc phải.

Tôi nhớ chuyện ngài Nam Tuyên ở giữa chúng bảo nói được một câu thì tha, nói không được thì chặt con mèo. Cả chúng không ai nói được nên ngài giờ dao chặt con mèo. Mình thấy đau lòng. Tối chiều Triệu Châu về, Nam Tuyên kể: “Sớm mai giữa chúng, ta giờ dao chặt con mèo, bảo nói một câu thì ta tha mạng con mèo mà không ai nói được. Giờ người thử nói một câu coi.” Triệu Châu lột đôi dép đội lên đầu. Nam Tuyên nói: “Phải chi sớm mai có người thì đã cứu được con mèo rồi.”

Chuyện nghe rất bình thường mà hay thấu xương thấu tủy. Mình còn quan niệm trên là quý, dưới là tiện, đôi dép dưới chân là tiện, cái đầu ở trên là quý. Chỉ ngay thân này mà trên quý dưới tiện, nói gì đến phạm thánh, tốt xấu, cao thấp, sang hèn... những tâm niệm đó dấy khởi liên tục không dứt.

Người đạt đạo rồi thì quý tiện không hai. Ngài Triệu Châu lột đôi dép đội lên đầu là một hành động thay cho câu trả lời vũ trời tan đất. Tất cả tâm phạm thánh, quý tiện, sang hèn đối với ngài không còn nữa. Câu đó cứu sống con mèo nhưng không ai nói được. Phân biệt quý tiện không còn, hướng nữa là hư danh. Đầu với chân quý tiện còn dễ thấy, danh xưng tên hảo không có gì làm chứng, nhưng khi được lại không muốn mất, mất là buồn. Thật là đại mê muội!

Đó là nói về hư danh. Còn thế nào là lợi ảo? Thí dụ như Phật tử cất sẵn chùa, thỉnh tăng ni trụ trì. Quý vị trụ trì một thời gian không hợp với tín đồ, người ta mời đi, quý vị không chịu đi. Nói “Tôi ở đây ba năm bảy năm, công tôi nhiều, tôi không đi.” Như vậy có phải chấp vào lợi ảo hay không? Chùa không phải do mình tạo ra, chẳng qua có mặt một thời gian, lại bám vào đó sanh ra tranh chấp. Nếu biết mình chỉ là người rỗng, không làm ra xu con nào, Phật tử mời thì mình ở dạy họ tu, họ không muốn thì mình xách gói đi. Trời đất mênh mông chỗ nào không dung thân được, đâu có việc gì để thừa kiện.

Sở dĩ thừa kiện là vì chúng ta chưa bỏ được danh hư lợi ảo thế gian. Bởi thế nên *lên ngôi trên bồ đoàn mà vọng duyên ác tập đoạn không được, bỏ không khỏi*. Không buông bỏ nên mất thì buồn. Người bỏ được danh lợi thì sao cũng tốt hết. Cho ở chùa tôi ở trong chùa, không cho ở chùa tôi ra gốc cây. Ở đâu cũng tu được. Như vậy mới không còn vọng duyên, ác tập.

Trị xong căn bệnh thứ ba này thì sự tu hành sẽ dễ dàng. Với người bỏ không được, dứt không sạch *chỗ phong ba dấy động*, tức là khi cơn bức bách đến, thân sắp rã tan, *bất giác thân này lăn vào trong biển nghiệp, trôi giạt đông tây tùy theo nghiệp trôi đi*.

Vì vậy người tu phải vượt qua ba chướng. Một là không gặp thiện tri thức, hai là không thống thiết với việc sanh tử, ba là còn vướng danh hư lợi ảo. Phải làm sao để đừng dính một chút nào, như vậy chắc chắn sự tu không khó.

Người học đạo chân chánh không cam chịu để cho tâm mình dính nhiễm, mắc kẹt như vậy.

Phải tin quyết lời Tổ sư dạy: “Tập niệm lăng xăng làm sao hạ thủ công phu? Chỉ một câu thoại đầu như cầm cây chổi sắt quét dọn, càng quét nó càng nhiều, càng nhiều lại càng quét, quét xuôi không được thì quét ngược, hốt nhiên quét tận thái hư không, muôn sai ngàn biệt một đường suốt thấu.”

Chúng ta ngồi thiền thấy vọng liên buông. Nếu càng muốn cho hết vọng thì vọng càng dấy lên liên miên. Phải làm sao? Phải quét sạch. Quét ngược không được quét xuôi, xuôi không được thì quét ngược, quét hoài, quét cho tột hư không. Muôn sai ngàn biệt đều hết thì lúc đó mình mới thấy một đường thấu suốt.

Chư thiên đức! Nỗ lực đời này cho liễu ngộ, đừng để vĩnh kiếp thọ tai ương.

Có người tự nghi niệm Phật cùng tham thiền không đồng? Đâu biết rằng tham thiền chỉ mong biết được tâm thấy được tánh; niệm Phật ngộ tự tánh Di-đà duy tâm Tịnh độ, làm gì có hai lý. Kinh nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và đời sau quyết định thấy Phật.” Đã nói hiện tiền thấy Phật thì cùng với tham thiền ngộ đạo, đâu có cái gì là khác?

Chỉ đem bốn chữ A-di-đà Phật làm câu thoại đầu, suốt mười hai thời (hai mươi bốn giờ) luôn luôn đề

khởi, đến chỗ một niệm không sanh, không mất trong giai cấp vượt thắng đến cõi Phật.

Ngài chỉ cho chúng ta thấy tham thiền và niệm Phật không khác. Người tham thiền cốt ngộ tâm tánh mình. Người niệm Phật tới vô niệm thì thấy Phật Di-đà, tức là tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ. Như vậy Phật Di-đà chỉ cho Pháp thân. Người tham thiền ngộ đạo cũng thấy được pháp thân, cho nên tham thiền và niệm Phật đâu có khác. Vì chúng ta cố chấp nên thấy sai biệt. Pháp tu nào cũng tốt nhưng phải tu đến nơi đến chốn, nghĩa là hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều công phu miên mật thì mới đến nơi, chỉ làm có chừng thì không thể tiến bộ.



20. THIÊN SƯ TRÍ TRIỆT BÀN VỀ TỊNH ĐỘ HUYỀN MÔN

Niệm Phật một hoặc ba, năm, bảy tiếng, thâm tự hỏi: Tiếng niệm Phật này từ đâu khởi? Hoặc hỏi: Niệm Phật là ai? Có nghi chỉ giữ lấy cái nghi đó. Nếu chỗ hỏi không thiết tha thì nghi tình không tha thiết. Hỏi trở lại câu cứu cánh “Niệm Phật là ai?” Hỏi ít thì nghi ít. Chỉ lấy câu “Niệm Phật là ai?” xét mãi hỏi hoài.

Sau này các vị thiên sư chủ trương Thiên Tịnh đồng tu thường dùng phương pháp này. Thiên là gì? Tức là khán thoại đầu. Muốn khán thoại đầu có sức mạnh hơn, người ta dùng câu “Niệm Phật là gì?” Ngay chữ “Niệm Phật là gì?” tất nhiên đã có Tịnh trong đó. Như vậy Thiên mà Tịnh, Tịnh mà

Thiền. Có lẽ các ngài dùng phương pháp Thiền Tịnh đồng tu là ở ngay chỗ này. “Niệm Phật là gì?” hay “Cái gì niệm Phật?” Chữ “gì” trở thành nghi vấn tức là thoai đầu, nhân đó khán cho tới chỗ triệt ngộ. Như vậy trong Thiền có Tịnh.



21. THIỀN SƯ VÔ VĂN THÔNG DẠY

Sơn tăng ban đầu yết kiến hòa thượng Độc Ông, dạy tham “không phải tâm, không phải vật, không phải Phật”. Sau, cùng với Vân Phong, Nguyệt Sơn v.v... sáu người lập nguyện tương trợ nhau đến cứu cánh. Thứ, yết kiến Hoài Tây, dạy về công năng chữ Không, bảo đề một chữ Không. Kế, đi đến Trường Lô, kết bạn mài luyện. Sau, gặp sư huynh Hoài Thượng Kính. Kính hỏi: “Ông sáu bảy năm rồi có thấy được cái gì?” Tôi đáp: “Mỗi ngày chỉ tâm ấy không một vật.”

Ban đầu ngài Vô Văn Thông khán câu thoại đầu “*không phải tâm, không phải vật, không phải Phật*” sau lại khán chữ “Không” do thiền sư Hoài Tây dạy. Do cố gắng hợp tác nhiều huynh đệ cùng kết bạn tiến tu, ngài đã đạt được tâm thanh tịnh. Nhưng khi bị sư huynh Hoài Thượng Kính hỏi: “Ông sáu bảy năm rồi có thấy được cái gì?” Ngài đáp: “*Mỗi ngày chỉ tâm ấy không một vật*” tức là mỗi ngày thấy tâm không chấp việc gì, chứ không thấy gì lạ.

Kính hỏi: “Một cái ấy của ông lôi từ đâu ra?” Tôi trong tâm in tuồng biết mà không biết, không dám mở miệng. Kính thấy chỗ tôi thực hành chưa phát tỉnh,

bền bảo: “Ông trong định công phu không mất, chỗ động liền mất.”

Một cái ấy của ông lòi từ đâu ra? Ý nói rằng bản lai diện mục của ông từ ở đâu ra? Sư nghe thì biết nhưng lại không mở miệng đáp được nên bị Hoài Thượng Kinh quở: Ông trong định công phu không mất, chỗ động liền mất. Đây cũng là bệnh chung của chúng ta. Ngồi yên tĩnh thấy hơi kha khá, nhưng tới chỗ động thì cũng động theo. Đó là công phu còn kém cỏi.

Bị chỉ trúng bệnh, lòng kinh sợ, tôi hỏi: “Phải làm thế nào thấu đạt được việc lớn ấy?” Kinh bảo: “Ông không nghe ông già Xuyên nói: Cần biết ý rốt ráo, hướng nam xem Bắc đẩu.” Nói xong, liền bỏ đi. Tôi bị câu nói này, lòng nghi ngờ càng tăng, đi không biết mình đi, ngồi không biết mình ngồi, khoảng năm bảy ngày như vậy. Không đề chữ Không nữa, chuyên khán “cần biết ý rốt ráo, hướng nam xem Bắc đẩu”.

Lời Hoài Thượng Kinh tạo cho Sư mỗi nghi. Do nghi tới nghi lui thành ra một nghi tình.

Đến liêu Tịnh đầu cùng chúng ngồi trên một cái cây, chỉ vì nghi tình không giải, độ khoảng bữa ăn, chợt biết trong tâm rỗng rang trong nhẹ, thấy tình tưởng đồ vỡ giống như lột da, người vật tất cả cảnh trước mắt đều không thấy cũng như hư không.

Hồi xưa trong rừng lâm có nhiều chức nghe hơi lạ đối với chúng ta ngày nay như tịnh đầu, trà đầu, khố đầu... Tịnh

đầu tức là trưởng ban vệ sinh, trà đầu là trưởng phòng trà, khố đầu là trưởng tri khố. Chữ “đầu” để chỉ người trưởng trong ban ngành đó. Trung Hoa ngày xưa mỗi chùa có đến năm trăm, một ngàn người như đạo tràng của tổ Quy Sơn một ngàn năm trăm tăng chúng, tổ Hoàng Bá hơn chín trăm vị, thành ra phải tổ chức như vậy.

Sư đến liêu Tịnh đầu tức là phòng của ông trưởng ban vệ sinh. Sư cùng chúng ngồi trên một cái cây, chỉ vì nghi tình không giải, độ khoảng bữa ăn, chợt biết trong tâm rỗng rang trong nhẹ, thấy tình tưởng đồ võ giống như lột da, người vật tất cả cảnh trước mắt đều không thấy, cũng như hư không. Đạt được như vậy là một trình độ đáng kể. Có thể nói Sư đã bước vào công thứ nhất.

Nửa chừng chợt tỉnh, toàn thân đều ra mồ hôi, liền ngộ được câu “hương nam xem Bắc đẩu”. Bèn đến gặp Kính, nói bài tụng:

Đô vô đối ngại,

Thượng hữu hương thượng nhất lộ,

Bất đắc sai lạc.

Dịch:

Đều không ngăn ngại,

Chỉ có một đường hương thượng,

Chẳng được khoáng đạt.

Như vậy ngài Vô Văn Thông đã ngộ được câu thoại đầu, nhưng chỗ rốt ráo chưa giải quyết xong.

Sau, vào trong núi Hương Nham qua một mùa hạ, bị muỗi cắn hai tay nát bấy. Nhân nhớ đến cổ nhân vì pháp quên mình, tại sao ta lại sợ muỗi?

Chúng ta lâu lâu bị muỗi cắn một hai điểm son đỏ đỏ vậy mà còn rên rỉ. Ngài bị muỗi cắn hai tay nát bấy, tự nhắc cổ nhân vì pháp quên mình, tại sao ta lại sợ muỗi?

Chí tâm quên tất cả, ngậm khít hai hàm răng, ấn mạnh hai bàn tay, chỉ đề một chữ Không, nhấn lại càng nhấn. Bất giác thân tâm vắng lặng, như tòa nhà đổ vỡ bốn vách, in tuồng hư không, không có một việc gì phải nghĩ ngợi.

Sư nhấn chịu mặc cho muỗi cắn, chỉ biết một chữ “Không”. Chính do cố gắng, bỗng nhiên một hôm thân tâm vắng lặng như tòa nhà đổ vỡ bốn vách, in tuồng hư không. Cửa thứ nhất Sư ngộ câu thoại đầu, hiểu được ý nghĩa. Qua giai đoạn thứ hai, Sư thấy cái ngã như tan hoại.

Giờ thìn tọa thiền, đến giờ mùi xuất định, tự biết Phật pháp không dối người, tại mình công phu chưa đến.

Giờ thìn là khoảng tám chín giờ sáng, giờ mùi là ba bốn giờ chiều. *Tự biết Phật pháp không dối người, tại mình công phu chưa đến.* Tôi cũng tin chắc điều này. Có vị bảo tại sao Phật, tổ nói tu hành quyết chí thì được, con tu cứ trôi lên sụt xuống? Tại vì không tận lực thực hành, nếu liều chết tiến tu thì chắc chắn sẽ được.

Tuy kiến giải rõ ràng mà còn vọng tưởng ẩn kín chưa dứt. Bèn vào núi Quang Châu tập định sáu năm. Đến núi Lục An trụ sáu năm. Sau lại về núi Quang Châu ở ba năm, mới chứng đến chỗ siêu thoát.

Tuy đã đạt đến kiến giải thấy thân tâm đồ vớ, nhưng còn vọng tưởng ẩn ẩn thâm thâm bên trong chưa hết nên Sư vào núi tu thêm mười lăm năm mới chứng đến chỗ siêu thoát.

Công phu tu phải như vậy. Đừng tưởng lơ mơ năm bảy tháng, một hai năm cho là khá, là nhiều. Muốn giải quyết đường sanh tử phải đi đến chỗ tột cùng. Chúng ta lâu lâu nhập thất bảy bữa, hai mươi một ngày gọi là tinh tấn. Sự thật có thấm vào đâu so với các ngài. Ba năm, năm năm, tám năm, mười năm mới có thể gọi là tu đến nơi đến chốn. Như vậy mới biết tu hành không phải đơn giản, dễ dàng. Nhiều người tu một thời gian thấy được chút gì đó, cho là đã xong. Thật là lầm lớn.

Công phu tu hành của ngài Vô Văn Thông gồm ba giai đoạn rõ ràng. Thứ nhất là ngộ câu thoại đầu. Chúng ta tu nếu ngộ được lời chư tổ cũng chỉ bước vào cửa thứ nhất. Thứ hai là phải thấy thân này tan nát như hư không. Thứ ba, tất cả những niệm tưởng thâm kín bên trong đều lặng hết. Giai đoạn thứ ba cần phải nhiều thời gian bền chí lâu dài.



22. HÒA THƯỢNG ĐỘC PHONG DẠY CHÚNG

**Kẻ học đạo lấy cái gì làm chỗ nắm chắc trong tay?
Chỉ đề một câu thoại đầu là cái nắm chắc trong tay.**

Với người tu thoại đầu thì chỗ nắm chắc phải là câu thoại đầu. Với người tu thiền tri vọng như chúng ta thì không theo vọng tưởng, giữ tâm thanh tịnh là chỗ thiết yếu.



23. HÒA THUỢNG BÁT NHÃ DẠY CHÚNG

Chư huynh đệ! Có người thực hành công phu ba năm, năm năm mà chưa được chỗ vào, liền đem câu thoại đầu ấy ném đi, đâu biết thế là đi được nửa đường vội bỏ. Đáng tiếc bao nhiêu tâm lực từ trước đến giờ!

Hòa thượng Bát Nhã chỉ đúng ngay căn bệnh của đa số người tu chúng ta, đó là bệnh thiếu kiên nhẫn. *Thực hành công phu ba năm, năm năm mà chưa được chỗ vào, liền đem câu thoại đầu ấy ném đi, đâu biết thế là đi được nửa đường vội bỏ.* Pháp tu nào cũng đều cần phải trì chí. Luôn biết rằng công phu chưa thuần thục nên chưa kết quả, khi thời tiết đến tự có kết quả. Chúng ta không chịu đi cho đến cùng, nửa chừng bỏ hoặc là kiếm phương pháp khác, rốt cuộc trở thành không. Cứ như vậy cả đời chạy ngược chạy xuôi, không bao giờ thành. Đó là trường hợp thứ nhất.

Lại kẻ có chí, thấy trong chúng sẵn củi khô, nước đầy, nhà ấm, phát nguyện ba năm không ra khỏi cửa, quyết định được thọ dụng mới chịu. Sau khi được chút ít thọ dụng, lại gắng sức thực hành công phu, tâm địa được thanh tịnh, thấy cảnh vật hiện tiền liền thành tứ cú (pháp kệ) tự cho là đại liễu ngộ. Rồi ngon mồm,

thích ý lắm mất một đời, khi tắt ba tắc hơi lấy gì bảo đảm?

Trường hợp thứ hai là loại người nhân có phương tiện đầy đủ nên gắng sức thực hành công phu, tâm địa được thanh tịnh, thấy cảnh vật hiện tiền liền làm kệ tự cho là đại liễu ngộ. Loại người này thấy cảnh đề thơ, chưa ngộ cho là đã ngộ, chưa xong cho là đã xong, lắm mất một đời. Vì chưa giải thoát nên khi tắt ba tắc hơi không có gì bảo đảm. Đó là hạng lắm thứ hai.

Phật tử! Nếu muốn giải thoát, tham phải bên chí tham, ngộ phải chân thật ngộ.

Ngài khuyên người muốn thật tình cầu giải thoát phải bên chí tiến tu, ngộ phải ngộ đáo để, đừng ngộ nửa chừng cho là xong, đó là bệnh.

Lời dạy của hòa thượng Bát Nhã thật là lợi ích, trên đường tu chúng ta đi tới đâu phải biết tới đó. Nếu không có những tấm gương của chư vị tiên nhân, lại không gặp bậc thầy mẫu mực chỉ chỗ tu chứng cạn sâu, tự cho mình có sở đắc rồi hài lòng ngâm thơ vịnh phú, ngao du vui chơi. Đó là tai họa.

Hoặc thoại đầu thâm thâm liên tục, không gián đoạn, không biết có thân, gọi đó là quên thân chớ pháp chưa quên.

Các thiền sư ngộ đạo trải qua các giai đoạn tu tập đa phần giống nhau. Giai đoạn thứ nhất là khán thoại đầu liên tục làm thành một khối. Qua giai đoạn thứ hai là quên thân.

Có người đến chỗ quên thân, chợt nhớ tìm lại, như trong mộng thấy trượt chân rơi xuống vực sâu muôn trượng, chỉ lo vớt vát cứu mạng, liền mắc bệnh điên cuồng.

Khi tới chỗ quên thân, tự hỏi “ủa, mình ở đâu rồi?” liền hoảng sợ tưởng mất mình, rồi bám cái này chụp cái nọ. Đó là nguyên nhân dẫn đến mắc bệnh điên cuồng.

Chỗ này cần phải cẩn thận. Nếu người nào công phu dày dặn, đạt tới chỗ quên thân, tức là trong giờ ngồi thiền thấy như không có mình nữa thì cũng mặc nó. Khi ấy đừng hoảng sợ, hoảng sợ là bệnh. Nếu như tu quán Bát-nhã, lúc đó dùng trí Bát-nhã quán xét, biết tất cả không thật, không vướng kẹt bất cứ trạng thái nào, tâm hằng tỉnh sáng, rõ ràng thường biết. Nếu tu khán thoại đầu thì đề khởi câu thoại đầu, đừng sợ. Người nào sợ mất mình dễ dẫn đến điên loạn. Bệnh này hay gặp, nhiều người công phu tới chỗ thấy thân đầu mất, hoảng sợ chới với. Có người chạy đi cho thân đừng mất thành ra điên.

Đến đây, phải khẩn thiết đề thoại đầu, bỗng nhiên cả thoại đầu cũng quên, gọi là thân pháp đều quên.

Người tu dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu, đến đây phải quán thấy thân cảnh đều không. Chúng ta xét kỹ thân và cảnh là không, nhưng trí tuệ Bát-nhã không mất thành ra mình còn có trí Bát-nhã. Đến khi thoại đầu hay phương pháp mình đề cũng quên luôn, đó là thân pháp đều quên.

Thình lình trong tro lạnh nghe đậu nổ, mới biết Trương Công uống rượu, Lý Công say.

Thường thường các ngài hay dùng câu: “Hoa sen mọc trong lò lửa” để chỉ những trường hợp này. Tại sao *trong tro lạnh nghe đậu nổ*? Hoặc có người nói lạ lùng hơn “Bước qua khỏi đầu sào trăm trượng”. Tới chỗ đó là chỗ quá sức tưởng tượng, vậy mà vẫn phải bước qua. Hoặc “Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ. Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn”, tức là đến chỗ cùng tột nước non, liền thấy có một làng hoa rực rỡ bên trong. Thành ra đừng lo tới đó là hết, là mất. Nhà thiền thường nói: “Người nào dám chết mới được sống.” Tới chỗ đó coi như mình chết rồi, thân tâm không còn. Chính khi ấy mới thấy một sự thật không ngờ, vượt ra ngoài tâm tình ý thức hiểu biết của con người.

Cho nên *mới biết Trương Công uống rượu, Lý Công say*. Người này uống rượu mà người khác say, tại sao như vậy? Bởi vì khi đã phá hết ngã và pháp mới thấy cảm ứng không thể nghĩ bàn, “cảm ứng đạo giao nan tư nghi”. Chưa tới đó thì chỉ biết theo tình thức, chưa hiểu nổi sự thật ở trong. Tu tới đó rồi mới hay.

Lâu nay ở trong cửa Bát-nhã hoặc nạt, hoặc đánh là tại sao? Vì phải đập phá lớp cửa chót của chư tổ vậy.

Cửa Bát-nhã là cửa thiền, tu thiền là tu trí Bát-nhã. Tới lớp cửa chót còn thâm thâm nhẹ nhẹ, nên các ngài phải dùng những phương tiện làm cho mình hoảng lên. Chính cái hoảng hốt đó làm cho mình bừng tỉnh.

Phải đi khắp tham vấn các bậc thiện tri thức để được biết chỗ cạn sâu, sau sẽ đến bên bờ suối, dưới cội cây bảo dưỡng thánh thai, đợi đến khi nào long thiên

đuổi ra, mới nên đi xiển dương chánh pháp, khắp độ quần sanh.

Đã đến chỗ tốt cùng mà vẫn còn phải tìm nơi vắng lặng để trưởng dưỡng chỗ đó càng ngày càng lớn lên. Giống như người ta nuôi dưỡng bào thai được đủ ngày đủ tháng. Đến khi nhân duyên đầy đủ, long thiên không cho ở nữa cầm gậy đuổi, chừng đó mới ra xiển dương Phật pháp. Đó là ra đi vì lợi ích chúng sanh.

Chúng ta bây giờ tu hành chưa nên trò trống gì vẫn cứ ra hoảng hóa. Giảng đạo chỗ này, làm Phật sự chỗ kia, rốt cuộc bản thân chẳng ra gì. Mình chưa tin mình làm sao cứu được người. Đó là sai lầm lớn của đa số người tu hiện giờ. Họ đặt nặng việc bên ngoài, bỏ quên bản hoài giải thoát của mình cho nên đi lầm đường. Nếu mỗi người nỗ lực tu cho xong việc, chừng đó làm lợi ích cho người thì thật là lợi ích lớn.



24. HÒA THƯỢNG TUYẾT ĐÌNH DẠY CHÚNG

Suốt mười hai thời tẩy sạch mọi việc, chỉ khán câu “**Trước khi cha mẹ chưa sanh, cái gì là mặt thật xưa nay (bản lai diện mục) của ta?**” Không quán đắc lực hay không đắc lực, hôn trầm tán loạn hay không hôn trầm tán loạn, chỉ chuyên đề khởi thoại đầu.

Hòa thượng Tuyết Đình tu khán thoại đầu nên dạy cứ nắm câu thoại đầu, đừng sợ hôn trầm tán loạn. Nếu biết câu thoại đầu thì có hôn trầm không? Tại vì quên nên mới hôn trầm.

Chúng ta tu biết vọng thì phải khởi cái biết. Hôn trầm biết hôn trầm, tán loạn biết tán loạn. Nhưng khi hôn trầm thì đâu còn biết. Tối chừng biết đã gục xuống quá mạnh. Gục thì gục cũng đừng sợ. Gục xuống giặt mình biết để tỉnh dậy.



25. THIỀN SU CỔ MAI HỮU DẠY CHÚNG

Phải cần phát tâm dũng mãnh, lập chí cương quyết, đem những điều đã học, đã hiểu trong thuở bình sanh, tất cả Phật pháp, văn chương, thi phú, tam-muội trên ngũ ngôn, quét sạch, quét ra tận đại dương, không bao giờ nhắc đến.

Bao nhiêu kiến thức học hỏi đem trút sạch ra ngoài biển Thái Bình Dương.

Trong khi tọa thiền đoạn sạch tám muôn bốn ngàn niệm đầu vi tế.

Đoạn sạch những niệm thấy biết vi tế.

Lại đem câu thoại đầu đã tham, một bề đề khởi, nghi qua nghi lại, đề tới ép lui, thân tâm lóng lạng, xét phân đã hiểu lấy liễu ngộ làm quy tắc.

Lấy liễu ngộ làm chỗ cứu cánh. Tu tới liễu ngộ mới thôi, chưa ngộ là chưa bao giờ thôi.

Không nên trên công án xét nét, trên kinh sách tìm kiếm, chỉ phải đoạn dứt mọi việc xao động mới mong đến nhà.

Nghe nói “Bản lai diện mục trước khi cha mẹ chưa sanh thế nào?” Cứ nghĩ ngợi bản lai diện mục có lẽ là cái này, cái kia. Đó là xét nét trên công án. Đọc kinh này sách kia tìm kiếm cho ra lý lẽ. Như thế trọn chẳng được lợi ích, phải đoạn trừ mọi vọng động lăng xăng trong tâm, mới có thể nhận ra bản lai diện mục.

Nếu thoại đầu đề không khởi, liên tiếp đề khởi ba lượt liền thấy có sức mạnh. Nếu thân thể mỗi mệt, tâm thức xao động, nên nhẹ nhẹ bước xuống đi một vòng, lại lên bồ đoàn, đem câu thoại đầu cũ như trước mà nhào nan.

Nếu vừa lên bồ đoàn liền bị ngủ gật, mở được mắt ra thì nghĩ đông tưởng tây, xuống bồ đoàn thì đi cặp đôi, cặp ba, kê tai giao đầu, nói to nói nhỏ, ghi một bụng kinh sách, ngữ lục trên văn tự, thuật hay luận khéo, dụng tâm như thế, đến phút lâm chung đều không thể nương cậy.

Đây là bệnh chung của thiên hạ. Vừa lên bồ đoàn liền ngủ gục, ngả qua ngả lại, ở bên ngoài nhìn thấy rất tức cười. Gục đã đời, mở mắt ra thì nghĩ đông tưởng tây. Đó là hai bệnh khó trị nhất. Thêm bệnh thứ ba là bước xuống bồ đoàn thì đi cặp đôi, cặp ba, kê tai giao đầu, nói to nói nhỏ. Bệnh này gần như chiếm đại đa số.

Người thế gian vui chơi hoặc tạo nghiệp xấu, chúng ta cho đó là dở, người tu xem kinh sách, làm công quả, mình cho đó là thiện. Sự thật đó chỉ mới hành thiện chưa phải giải thoát. Muốn đến chỗ giải thoát thì phải tận lực buông hết tất

cả. Từ những pháp sở hữu bên ngoài cho đến những niệm nhỏ nhít trong tâm cũng phải dẹp sạch. Một bề lóng lạng, như vậy mới nhanh đạt đến chỗ giải thoát.



26. THIÊN SƯ KIỆT PHONG NGU DẠY GIẢNG SƯ NGŨ ĐÀI

Giả sử đức Văn-thù phóng hào quang kim sắc đến xoa trên đỉnh ông, ông được cưỡi trên mình sư tử, đức Quán Âm hiện thiên thủ thiên nhãn, ông nắm được chim Anh ca, đều là chạy theo thanh sắc, nơi ông có lợi ích gì?

Thiên sư Kiệt Phong Ngu muốn dạy giảng sư

Ngũ Đài điều gì? Dù ông có lý luận tới đâu, thông minh cách mấy, từ bi thế nào, làm lợi ích cho người bao nhiêu, đó vẫn chưa phải là “bốn phận sự” của ông. Việc chính yếu của người tu hành là phải tự ngộ, tự đạt. Những thứ kia chỉ là bên ngoài.

Đức Văn-thù xoa đỉnh, đức Quán Âm hiện thân, nắm được chim Anh ca, ngài còn cho là theo thanh sắc. Huống nữa những chuyện lếu lảo bên ngoài cho là đạo, thật quá sai lầm.

Cốt suốt thấu việc lớn nơi bản thân mình, vượt khỏi ngục tù sanh tử, trước phải dứt tất cả những hiểu biết hư vọng thánh phàm, suốt mười hai thời (hai mươi bốn giờ) hồi quang phản chiếu, chỉ khán cái “không phải tâm, không phải vật, không phải Phật”, đó là cái gì?

Được như vậy mới có thể giải quyết vấn đề sanh tử của chính mình.

Cần thiết không chạy ra ngoài bàn luận tìm kiếm. Dù có một mảy thần thông, Phật pháp, thánh giải lớn bằng hạt gạo, hạt lúa, hạt bắp, đều là tự dối mình, thấy đều khinh Phật, chê pháp.

Thần thông thuộc về diệu dụng, Phật pháp, thánh giải, v.v... chỉ là bên ngoài. Ngộ được bản thể bên trong của chính mình mới là thật. Đó mới thật là Phật, là pháp.

Phải tham đến chỗ không còn nương gá, chỗ một mảy nhỏ không lập, liền được thấy trước mắt áo vải Thanh Châu, củ cải Trấn Châu, đều là vật của mình dùng, lại không riêng cầu thần thông thánh giải.

Như vậy ngài Kiệt Phong Ngu dạy chúng ta đừng cho rằng thần thông thánh giải là quan trọng. Dù có được cũng chỉ là bên ngoài, chưa phải cái thật bên trong. Chúng ta phải thấy bản lai diện mục của chính mình, đừng chạy tìm ở bên ngoài.



27. THIÊN SƯ HẠT ĐƯỜNG ĐÁP LỜI VUA HỎI

Hoàng đế Tống Hiếu Tông hỏi:

- Làm sao thoát khỏi vòng sanh tử?

Đáp: - Không ngộ đạo Đại thừa trọn không thể thoát khỏi.

Hỏi: - Làm sao được ngộ?

Đáp: - Tánh bản hữu dùng năm tháng mài nó, sẽ được ngộ.

Làm sao thoát khỏi vòng sanh tử? Thiền sư Hạc Đường bảo phải ngộ đạo Đại thừa, nếu không ngộ đạo thì không thể nào thoát.

Làm sao được ngộ? Câu này ngài trả lời hơi khó hiểu, *tánh bản hữu dùng năm tháng mài nó, sẽ được ngộ.* Làm sao dùng năm tháng mài tánh bản hữu? Mài bằng cách nào? Ý nói nơi chúng ta sẵn có chân tâm nhưng lâu nay bị vọng tưởng che phủ, chẳng khác nào mặt gương bị bụi. Nên bây giờ lau chùi cho tất cả những bụi bặm vọng tưởng hết sạch thì được ngộ. Phải lập chí vững chắc, bao nhiêu năm tháng, mãi mãi không sòn, cứ một bề miệt mài giữa gọt, tiến tu có ngày sẽ ngộ.



28. HÒA THUỢNG ĐOẠN NGẠN DẠY CHÚNG

“Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” Không thể ngồi yên lặng rỗng không, không quán thoại đầu. Không được niệm thoại đầu, ngồi mà không nghỉ. Như có hôn trầm, tán loạn không nên khởi niệm đuổi dẹp, tiện lợi nhất là đề khởi thoại đầu, chấn chỉnh thân tâm, dũng mãnh tinh tiến. Nếu không có hiệu quả, nên bước xuống đi kinh hành, chừng biết hôn, tán hết sẽ lên bồ đoàn. Bỗng nhiên không đề khởi mà tự đề, không nghỉ mà tự nghỉ, đi không biết mình đi, ngồi

không biết mình ngồi, chỉ có nghi tình vọi vọi thăm thăm rõ ràng sáng suốt.

Đó gọi là chỗ đoạn phiền não, cũng gọi là chỗ ngã tiêu tan.

Lối dạy của hòa thượng Đoạn Ngạn cũng giống như các vị trước. Ngài dạy đề khởi thoại đầu, ngồi không biết mình ngồi, đi mà không biết mình đi, chỉ còn có nghi tình vọi vọi thăm thăm rõ ràng sáng suốt. Nghi tình thành một khối gọi là “còn pháp quên thân”, ngã đã tiêu tan. Cũng như người niệm Phật chỉ còn câu niệm Phật, người quán Bát-nhã chỉ còn thấy trí quán không còn thấy thân.

Tuy nhiên như thế chưa phải là cứu cánh, lại thêm cố gắng khán “một về chỗ nào?” Đến chỗ đề khởi thoại đầu không còn thứ tự, duy có nghi tình, nếu quên liền đề khởi, thẳng đến tâm phản chiếu dứt, ấy gọi là quên pháp. Đến chỗ vô tâm, chớ cho là cứu cánh. Cổ nhân nói:

Mạc vị vô tâm vân thị đạo,

Vô tâm du cách nhất trùng quan.

Dịch:

Chớ bảo vô tâm ấy là đạo,

Vô tâm còn cách một lớp rào.

Được vậy vẫn chưa phải cứu cánh. Đến chừng nào tâm quán chiếu không còn nữa, đó là quên pháp. Quên thân, quên pháp là tới chỗ vô tâm. Nhưng đến chỗ đó cũng chưa phải

cứu cánh. Phải còn một phen vượt qua như ở phần trên nói, ở *trong tro lạnh nghe đàu nổ* tức là giai đoạn chuyển mình sau khi được vô tâm.

Chỗ này, chợt gặp thanh gặp sắc đụng nhằm chạm nhằm, cười to một tiếng chuyển mình vượt qua, mới là chỗ nói trâu Hoài Châu ăn lúa, ngựa Ích Châu no bụng.

Phải vượt qua khỏi chỗ lặng lẽ, qua khỏi rồi mới thấy *trâu Hoài Châu ăn lúa, ngựa Ích Châu no bụng*, hay chỗ cảm ứng không thể nghĩ bàn. Chưa tới đó thì chưa được sự cảm ứng bất khả tư nghì.

Mỗi khi lễ Phật chúng ta đọc “Cảm ứng đạo giao nan tư nghì”, nhưng phải tu cho tới nơi mới thấy sự cảm ứng tột cùng đó. Lời Phật, tổ nói luôn luôn chân thật, tại vì chúng ta không nỗ lực tiến tu cho nên không thấy.



29. THIÊN SƯ CỔ CHUYẾT DẠY CHÚNG

Chư đại đức! Sao không khởi đại tinh tấn, ở trước Tam bảo tha thiết phát trọng nguyện: “Nếu không rõ suốt việc sanh tử, không vượt khỏi cửa chư tổ, thế không xuống núi.”

Lời dạy của thiên sư Cổ Chuyết thật chí thiết: *Sao không khởi đại tinh tấn, ở trước Tam bảo tha thiết phát trọng nguyện: “Nếu không rõ suốt việc sanh tử, không vượt khỏi cửa chư tổ, thế không xuống núi.”* Có ai dám nguyện như thế chưa? Chắc nguyện mãi ba năm đi thăm bà con, chứ chưa

nguyện rõ suốt việc sanh tử. Chưa ai dám mãnh liệt phát thệ như vậy. Chúng ta thật quá yếu.

Đến trước cái đơn bảy thước, trên liên sàng dài, treo cao đầy bát, ngồi thẳng như vách cao ngàn trượng, trọn một đời này thực hành cho thấu triệt giáo pháp.

Nguyện xong, treo hết đầy bát lên cao, ngồi tu hoài không thèm đi đâu. Quyết một đời thực hành cho thấu triệt giáo pháp.

Nếu đạt được tâm này, quyết không dối nhau. Bằng người phát tâm không chân, chí không mãnh liệt, bên này ở mùa đông, bên kia ở mùa hạ, ngày nay tiến tới, ngày mai thối lui, nhớ một bụng, sao một bộ, hôi như hèm đựng trong hũ, người nghe đâu khởi chán ghét ủa mưa, dù đến đức Phật Di-lặc ra đời cũng không can thiệp gì. Khổ thay!

Người phát tâm không chân thành tha thiết, mùa đông ở chỗ này, mùa hạ ở bên kia, nay xách gói qua chùa này, mốt xách bị qua xóm kia, lang thang đầu này góc nọ. Đó là phát tâm không chân, chí không mãnh liệt. Người như vậy nói tu không ai tin.

Ngày nay tiến tới, ngày mai thối lui, bữa thì thấy tiến, bữa thấy lùi. Nhớ một bụng, sao một bộ, nghĩa là cứ học thuộc lòng kinh sách, ghi chép, sao lục, nghiên cứu nhưng không thực hành, không thâm nhập. Những người đó hôi như hèm đựng trong hũ, giở ra không ai chịu nổi, người nghe đâu khởi

chán ghét ủa mưa. Dù đến đức Phật Di-lặc ra đời cũng không can thiệp gì. Khổ thay!

Thiền sư Cổ Chuyết chỉ thật đúng bệnh của chúng ta, cho nên ráng sửa lại. Nếu trước chưa tinh tấn bây giờ tinh tấn, trước chưa có tâm chân chánh bây giờ phải chân chánh, trước chưa có chí mãnh liệt bây giờ phát chí mãnh liệt. Như vậy khả dĩ có thể thoát khỏi sanh tử, cứ lơ mơ sẽ không đi tới đâu.



30. THIỀN SƯ THÁI HƯ DẠY CHÚNG

Nếu chưa liễu ngộ, phải lên bồ đoàn ngồi, tâm như tro lạnh, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm cũng phải khán “mặt thật trước khi cha mẹ chưa sanh”.

Thiền sư Thái Hư dạy ít nhưng thống thiết. Người nào tự thấy chưa liễu ngộ cứ lên bồ đoàn ngồi, đến chừng nào tâm như tro lạnh, không còn dấy khởi. Mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bao lâu cũng được, cứ khán mặt thật trước khi cha mẹ chưa sanh là gì. Được như vậy lo gì đạo lớn không thành. Bằng không như thế, đạo lớn thật là xa.

Các ngài tu mười năm, hai mươi, ba mươi năm cũng không chán, còn chúng ta ba năm thấy dài đằng đẳng. Có khi ba năm cũng không trọn, thật quá xa chư tổ.



31. THIỀN SƯ SỞ THẠCH KỲ DẠY CHÚNG

Huynh đệ! Mở miệng liền nói ta là người tham thiền, đến khi bị hỏi thế nào là thiền, thì xem đông ngó tây, miệng như tuồng vác tấm biển.

Ở đây ngài chỉ ra những người tham thiền ngoài môi: Mở miệng liền nói ta là người tham thiền, nhưng nếu có người hỏi lại thế nào là thiền? Lúc đó xem đông ngó tây, miệng như tuồng vác tấm biển, nghĩa là như những người quảng cáo vác tấm biển đi rêu rao ở ngoài nhưng sự thật bên trong lại rỗng.

Khổ thay! Dốt thay! Ăn cơm của Phật tổ mà không lý hội việc bốn phận, đua học văn chương thế tục, giọng cao nói to, lỗi lầm mà không kiêng sợ, hoàn toàn không biết hổ thẹn.

Ăn cơm Phật tổ mà không biết bốn phận của mình. Tại sao ăn cơm thí chủ cúng, ngài lại nói là ăn cơm của Phật tổ? Vì chúng ta ở chùa, trước thờ Phật, sau thờ Tổ nên đàn-na mới đem cơm gạo cúng cho ăn. Nếu không thờ Phật, thờ Tổ chắc chắn không ai cho. Phật tử cúng chùa tức là cúng Phật. Chúng ta ở chùa tức là ăn nhờ của Phật, vì thế ngài nói ăn cơm của Phật tổ. Vậy mình phải làm gì? Phải lý hội việc bốn phận từ trước đến giờ, hoi được bản lai diện mục của chính mình.

Thế nhưng không chịu hội, lại đua học văn chương thế tục, cứ chạy theo việc học ở ngoài đời. Giọng cao nói to, nghĩa là ăn nói rồn rảng cho mình là hay giỏi, nhiều bằng cấp. Chính mình có lỗi lầm nhưng không biết kiêng sợ, hoàn toàn không cảm thấy hổ thẹn. Đa số người tu bây giờ mắc kẹt lỗi

này. Ăn cơm Phật tổ mà đi học chuyện thế gian, kiếm được một vài bằng cấp rồi ăn to nói lớn, không chút hổ thẹn. Đó thật là một sai lầm lớn.

Có một bọn không chịu đến bồ đoàn tham cứu cho rõ “mặt thật xưa nay trước khi cha mẹ chưa sanh”, chỉ bắt chước theo người làm công quả, mong cầu phước báo, sám trừ nghiệp chướng, thật là cách đạo rất xa.

Cứ lo làm sao cho có phước, tu sơ sơ rồi sám hối trừ nghiệp chướng, thật là cách đạo rất xa. Lạy lục sám hối nhưng mặt thật xưa nay của mình không chịu cố gắng xét tìm cho tỏ ngộ. Như vậy là bỏ cứu cánh tìm phương tiện.

Hoặc một bọn lóng lòng kìm niệm, nhiếp sự về không, niệm tưởng vừa sanh liền đè bẹp, cái thấy biết như vậy tức là đã rơi vào không, là người chết, học theo ngoại đạo.

Ngài kể ra ba hạng người tu: Một hạng ăn cơm Phật tổ lại đi học việc thế gian, một hạng nữa không lo việc cứu cánh của mình mà lo làm các việc công quả bên ngoài. Hạng thứ ba là *bọn lóng lòng kìm niệm, nhiếp sự về không, niệm tưởng vừa sanh liền đè bẹp*. Nghe nói đừng cho vọng niệm dấy khởi, thành ra cứ kìm đè. Thấy nó dấy lên là đè, chăm bảm riết rồi sanh bệnh. Thấy biết như vậy tức là rơi vào không.

Đa số chúng ta đọc trong ngũ lục các thiên sư dạy đừng cho vọng niệm dấy khởi, nên cứ dấy lên là đè thành bệnh. Mình tu phải thấy niệm dấy lên, biết được nó thì nó tự hết, khởi đè. Đè là bệnh.

Lại có một bọn vọng chấp cái hay giận, hay mừng, hay thấy, hay biết nhận được rõ ràng liền cho

là sự tham học một đời đã xong. Ta hỏi ông, khi ngọn lửa vô thường thiêu đốt thành một đồng tro tàn, cái hay giận, hay mừng, hay thấy, hay biết ấy đi đến chỗ nào? Tham như thế, chính là Dục Hống Ngân Thiên (lối tu thiên của Tiên gia), thứ ngân này không phải chân thật, một phen bị nấu liền chảy.

Hạng thứ tư là vọng chấp cái hay giận, hay mừng, hay thấy, hay biết, cho đó là bản lai diện mục của mình, nghĩ vậy là đã xong. Ngài mới đặt câu hỏi: Khi ngọn lửa vô thường thiêu đốt thành một đồng tro tàn, cái hay giận, hay mừng, hay thấy, hay biết ấy đi đến chỗ nào? Nếu chúng ta nhận những vọng tình ở bên ngoài, tưởng đó là mình, nó sẽ dẫn mình đi tới chỗ tan hoại mà thôi.

Tôi hỏi ông bình thường tham cái gì? Đáp rằng: Có thầy dạy tham “muôn pháp về một, một về chỗ nào”, lại dạy chỉ như thế mà hội. Ngày nay mới biết không phải, đến cầu xin Hòa thượng dạy câu thoại đầu. Tôi nói: Công án của cổ nhân có cái nào không phải, mất ông vốn chánh, nhân thầy nên trở thành tà. Cầu thỉnh mãi không thôi. Tôi dạy nên tham “con chó không có Phật tánh”, sẽ có ngày chột đập bể thùng sơn (đại ngộ), lại đến ăn gậy trong tay của Sơn tăng.

Tiếp theo lại có hạng người thứ năm. Những người tới tham bị ngài hỏi: *Ông bình thường tham cái gì?* Người kia

đáp: Có thầy dạy tham “muôn pháp về một, một về chỗ nào”, lại dạy chỉ như thế mà hội. Ngày nay mới biết không phải, đến cầu xin Hòa thượng dạy câu thoại đầu.

Bởi vì tham nhưng không hội, nên nghĩ câu đó chắc không phải nên xin ngài chỉ cho câu khác.

Ngài quở, mất ông vốn chánh, do thầy dạy thành tà. Thôi, hãy lấy câu *con chó không có Phật tánh* mà tham đi.

Như vậy ngài đã chỉ ra năm hạng người để chúng ta thấy những sai lầm của người tu.



32. THIÊN SƯ PHỔ TẾ ĐÁP THƯ LÝ TƯỚNG QUỐC

Đã lâu tham chữ Không, không cần thay đổi thoại đầu khác, huống là lúc đề khởi thoại đầu khác, từng tham chữ Không, ắt nơi chữ Không có chút ít thuần thực, cần thiết chớ dời đổi, chớ tham thoại đầu khác. Chỉ suốt mười hai thời (hai mươi bốn giờ) trong bốn oai nghi luôn luôn đề khởi thoại đầu. Chớ trông đợi bao giờ ngộ hay không ngộ, chớ nghĩ thấm nhuần mùi vị hay không mùi vị, cũng chớ quán đắc lực hay không đắc lực, dồn ép cho đến cho tâm nghĩ không tới, ý bàn không đến, tức là chỗ chư Phật tổ buông thân mạng vậy.

Lý tướng quốc gửi thư hỏi rằng khi tham câu thoại đầu một lúc thấy thuần thực rồi phải làm sao. Ngài dạy phải tiến tới chỗ *ý bàn không đến, tâm nghĩ không tới*. Tới đó mới là

chỗ buông thân mạng của Phật tử. Tham phải cho đến nơi đến chốn, đừng thấy hơi thuận thực một chút mà dòi dỏi.



33. THIÊN SƯ SỞ SƠN KỲ GIẢI CHẾ

Chư đại đức! Trong chín mươi ngày qua đã được chứng ngộ hay chưa? Nếu như chưa ngộ thì mùa đông này lại luống uổng rồi vậy. Nếu là bậc đồng lương Phật pháp, lấy mười phương pháp giới làm hạn kỳ hoàn toàn giác ngộ, không kể thời gian dài hay ngắn. Một trăm ngày, một ngàn ngày, kiết chế, giải chế chỉ lấy đề khởi thoát đầu làm gốc. Nếu một năm chưa ngộ tham thêm một năm, mười năm chưa ngộ tham thêm mười năm, hai chục năm chưa ngộ tham thêm hai chục năm, trọn đời chưa ngộ, quyết định không đổi chí; cần phải thấy được chỗ chân thật cứu cánh mới là ngày nghỉ tham.

Nếu như không thể trên lời nói thấu đạt ý chỉ, nên đem một câu A-di-đà Phật ôm ấp trong lòng thâm thâm thể cứu, thường thường đề khởi nghi tình “niệm Phật là ai”. Mỗi niệm tiếp nối, tâm tâm không gián đoạn, như người đi đường đến chỗ sơn cùng thủy tận, tự nhiên có cái việc chuyển thân, “à” một tiếng liền khế nhập tâm thể.

Ngài dạy nếu trong chín mươi ngày, tức ba tháng kiết đông, thấy chưa ngộ thì phí phạm thời gian. *Nếu là bậc đồng lương Phật pháp, lấy mười phương pháp giới làm hạn kỳ*

hoàn toàn giác ngộ, tức là lấy mười phương pháp giới làm kỳ hạn hoàn toàn giác ngộ của mình chứ không định một nơi nào, hay thời gian nào.

Một trăm ngày, một ngàn ngày, kiết chế, giải chế chỉ lấy đề khởi thoại đầu làm gốc. Nghĩa là chỉ lấy việc tu làm gốc, thời gian không quan trọng. Quan trọng là pháp tu.

Nếu một năm chưa ngộ tham thêm một năm, mười năm chưa ngộ tham thêm mười năm, hai chục năm chưa ngộ tham thêm hai chục năm, trọn đời chưa ngộ, quyết định không đổi chí. Dù trọn đời chưa ngộ cũng cứ vậy mà tu, quyết không đổi chí. Đến chừng nào thấy được chỗ chân thật cứu cánh, chừng đó mới nghỉ tham. Nếu không đạt được thì nên áp dụng câu quán “niệm Phật là ai”. Tham cho tới cùng nguồn tốt đáy, khi đó liền khế nhập.



34. THIÊN SƯ ĐỘC PHONG THIỆN DẠY CHÚNG

Nếu thật muốn liễu thoát sanh tử, trước phải phát tín tâm lớn, lập thệ nguyện rộng. Nguyện: “Nếu không phá vỡ công án đang tham, thấy suốt mặt thật trước khi cha mẹ chưa sanh, đoạn dứt sanh tử hiện hành vi tế, thệ không bỏ thoại đầu đang tham, không xa lìa chân thiện tri thức và không tham mê danh lợi; nếu cố trái nguyện này, sẽ đọa ác đạo.” Phát đại nguyện này rồi để phòng hộ tâm, nhiên hậu mới kham lãnh thọ công án.

Hoặc khán chữ Không, cần yếu vận dụng tâm lực để tại “vì sao con chó không có Phật tánh”. Hoặc khán “muôn pháp về một...”, cần yếu tại “một về chỗ nào”. Hoặc tham cứu niệm Phật, cần yếu tại “niệm Phật là ai”. Xoay lại phản chiếu cho thâm nhập nghi tình. Nếu thoại đầu không đắc lực, trở lại đề trọn câu khiến đầu đuôi nhất quán, mới dễ khởi nghi. Nghi tình không dứt, khản thiết dụng tâm, bất giác giở chân, chuyển thân nhào lộn trên hư không, trở lại đây ăn gậy!

Ngài Độc Phong Thiện cũng dạy chúng ta phải phát nguyện lớn khi muốn liễu thoát sanh tử. *Nếu không phá vỡ công án đang tham, tức là không đạt được cứu cánh của mình, thấy suốt mặt thật trước khi cha mẹ chưa sanh, đoạn dứt sanh tử hiện hành vi tế, thế không bỏ thoại đầu đang tham, không xa lìa chân thiện tri thức và không tham mê danh lợi; nếu cố trái nguyện này, sẽ đọa ác đạo, tức sẽ đọa địa ngục.* Nguyện như vậy rồi nhiên hậu mới thọ lãnh phương pháp tu.

Khi tu tới chỗ *bất giác giở chân, chuyển thân nhào lộn trên hư không, trở lại đây ăn gậy!* Như vậy việc tu của mình mới đạt tới chỗ cứu cánh. Nếu không như thế là tu chưa đến nơi đến chốn.



35. THIỀN SƯ KHÔNG CỐC LONG DẠY CHÚNG

Không nên đại khờ niệm thoại đầu, cũng chớ suy xét thoại đầu, chỉ nên phấn chí mong thấu rõ việc này. Bỗng nhiên vực thẳm buông tay, một phen chuyển

thân liền thấy rõ ràng riêng sáng. Đến đây không nên tham đắm, còn một chùy sau não thật là khó thấu. Ông hãy như thế tham đi!

Không tham mà tự ngộ, thượng cổ còn có thể có, ngoài ra chưa có ai không nỗ lực tham mà được ngộ.

Hòa thượng Ưu Đàm dạy tham “niệm Phật là ai”. Ông nay không cần dùng những pháp này, chỉ cốt bình thường niệm Phật. Nếu niệm mãi không quên, bỗng nhiên chạm duyên xúc cảnh, chỉ do một câu thấu đạt, mới biết Tịch quang tịnh độ không dời chỗ này, Phật A-di-đà không rời tự tâm.

Nói tới phương pháp niệm Phật, thiền sư cho rằng niệm Phật là niệm tâm, cội Phật là Thường tịch quang tịnh độ, tức là pháp thân. Ngài dạy chúng ta cố gắng nơi câu thoại đầu phải đi thẳng tới chỗ cao tột, rõ ràng riêng sáng. Nhưng cũng đừng tưởng đã xong, còn phải cố gắng nữa. Giai đoạn chót thật là khó, cho nên phải cố gắng không bao giờ dừng, mới mong có ngày đến chỗ cứu cánh.



36. HÒA THUỢNG THIÊN KỲ DẠY CHÚNG

Các ông từ nay phải phát tâm quyết định, ngày ba thời, đêm ba thời đề cử an định câu thoại đầu đã tham, xem nó đạo lý thế nào? Cần phải tìm cho rõ, lâu ngày chầy tháng không trị hôn trầm mà hôn trầm tự mất, không trừ tán loạn mà tán loạn tự tiêu, thuần nhất không tạp loạn. Tâm niệm không sanh, bỗng nhiên

được ngộ, như mộng chợt tỉnh, xem lại từ xưa đều là hư huyền, đương thể xưa nay hiện thành, sum la vạn tượng hoàn toàn hiện bày. Như thế, mới không uống làm người sanh trên đất nước này, cũng không uống làm tăng ở trong pháp môn này, từ đây tùy duyên qua ngày, chẳng sướng sao! Chẳng khoái sao!

Chỗ ngài đã liễu ngộ thấy rất thích thú. *Cần phải tìm cho rõ, lâu ngày chầy tháng không trị hôn trầm mà hôn trầm tự mất. Cứ dụng tâm tu hành như vậy, lâu ngày nhiều năm hôn trầm tự mất. Không trừ tán loạn mà tán loạn tự tiêu, đến chỗ tâm thuần nhất không tạp loạn.* Đến khi nào tâm niệm không sanh, bỗng nhiên được ngộ, như trong cơn mộng mà thức tỉnh, xem lại từ xưa đều là hư huyền, đương thể xưa nay hiện thành, sum la vạn tượng hay nói cách khác là vũ trụ nhân sinh toàn thể đều hiện bày. Được như thế chúng ta sẽ thấy tốt cùng cội gốc sanh tử của con người và các pháp.

Tại sao tu tới đó mới không uống làm người sanh trên đất nước này? Bởi vì một người sanh ra lớn lên phải làm bốn phận đứa con trong gia đình, công dân của đất nước. Khi đi tu thì các trách nhiệm đó đều bỏ. Nếu tu không tới nơi tới chốn, mình không làm được gì cho đất nước nhờ, không xứng đáng là người con của quốc gia, dân tộc thì thật đáng trách. Tu được thì mới xứng đáng.

Cũng không uống làm vị tăng ở trong pháp môn. Nếu tu không đến nơi rất uống làm vị tăng trong đạo. Vì làm tăng là cốt cầu giải thoát cho mình, cho người. Mình không giải thoát là đã không làm tròn bốn phận rồi.

Được như vậy rồi mới từ đây tùy duyên qua ngày, chẳng sướng sao! Chẳng khoái sao! Tùy duyên qua ngày, không còn lo sợ, không còn khổ sở. Chúng ta bây giờ chưa được như vậy nên khổ sở đủ thứ.



37. THIÊN SU CỔ ÂM CẦM DẠY CHÚNG

Trong khi tọa thiền thấy những cảnh giới thiện ác, đều do lúc ngồi không khởi quán sát, không suy xét chân chánh, chỉ ngồi nhắm mắt yên lặng, tâm không tinh tấn biện biệt, ý thả trôi theo cảnh, nửa mơ nửa tỉnh, hoặc vì tham trước cảnh tịnh, bởi thích nên mới thấy các thứ cảnh giới.

Trước hết ngài dạy bệnh của người tọa thiền hay thấy nhiều cảnh lạ. Đó là bởi vì ngồi nửa thức nửa ngủ, nửa mộng nửa tỉnh. Bữa nào trong người hơi nhọc nhằn hoặc muốn cảm, vừa có niệm gì khởi lên, nó liền biến thành giấc chiêm bao. Vì lẽ thức lẫn ngủ nên cảnh chiêm bao như ở ngay trước mắt mình.

Người không biết, nói bữa nay tôi thấy cảnh này cảnh kia, không ngờ đó chính là chiêm bao. Khi ngủ khò thì trong chiêm bao thấy đi chỗ này chỗ kia. Còn ngồi thiền nửa tỉnh nửa mê nên niệm dấy lên sẽ biến thành mộng, các cảnh mơ màng trước mắt. Sự thật đó là con ma ngủ hiện lên quấy phá mình, chứ không có gì lạ. Phải biết đây là bệnh do ngủ gật sanh ra. Cho nên tọa thiền thấy cảnh lạ chịu khó mở mắt lớn lên, một hồi sẽ hết. Mở mắt tức là thức thì những cảnh đó không còn.

Nhiều người không biết cho là linh nghiệm rồi cứ ngồi mơ mơ màng màng như vậy. *Hoặc vì tham trước cảnh tịnh, bởi thích nên mới thấy các thứ cảnh giới.* Lối tu xuất hồn đi ngao du cũng thế, đi xứ này xứ kia đều là ảo mộng.

Người chân chánh thực hành công phu, thấy buồn ngủ nhiều thì đi ngủ một giấc, khi thức giấc liền dậy, chấn chỉnh tinh thần xoa tay áp vào mắt, ngậm khít hàm răng, để hai tay chồng lên nhau, thẳng khăn thoa đầu rơi tại cho nào. Cần yếu chớ theo hôn trầm, một mảy may ngoại cảnh không thể dính mắc.

Ngài dạy khi thực hành công phu, buồn ngủ quá thì phải ngủ một giấc, thức dậy lo chấn chỉnh tu. Nhưng khổ nỗi nhiều người ngủ luôn một giấc tới sáng. Tám giờ ngủ một giấc tới sáu giờ sáng thì hết công phu. Thế nên ngủ một giấc là giấc hạn chế, không phải giấc thẳng ót.

Trong lúc đi đứng ngồi nằm, một câu A-di-đà Phật không cho gián đoạn, phải tin nhân sâu thì quả dày, cho đến không niệm mà tự niệm. Nếu chuyên niệm thì niệm chẳng phải không, cần nhào nặn niệm lại thành một khối. Chính khi niệm, nhận được người niệm Phật, đức Phật A-di-đà cùng ta đồng hiện.

Có vị thiền sư Nhật Bản gặp một vị tu Tịnh độ hỏi:

-Đại đức tu pháp môn nào?

-Tu Tịnh độ.

-Đức Phật Di-đà năm nay bao nhiêu tuổi?

-Đức Phật Di-đà năm nay bằng tuổi của tôi.

- Năm nay Thầy bao nhiêu tuổi?

- Tôi bằng tuổi đức Phật Di-đà.

Ngài dạy *chính khi niệm, nhận được người niệm Phật, đức Phật A-di-đà cùng ta đồng hiện*. Phật và mình đồng hiện, đồng là một. Như vậy mới đúng ý chỉ niệm Phật, niệm Phật tức niệm tâm. Nếu niệm Phật mà còn thấy Phật A-di-đà ở bên Tây phương là vẫn còn hơi xa.



38. THIÊN SƯ DỊ NHAM ĐĂNG GIẢI THÍCH NGHI

Học nhân tham cầu thiện tri thức, hoặc vị dạy đề câu thoại đầu, hoặc vị dạy nghi thoại đầu, như vậy là đồng hay khác? Vừa cử thoại đầu, liền đó khởi nghi, đâu có hai lý. Một niệm đề khởi nghi tình liền hiện. Lật tới, trở lui chuyên cần nghiên cứu, công sâu sức mạnh tự nhiên được liễu ngộ.

Thiên sư Dị Nham Đăng dạy, nghi tình và thoại đầu là một, không khác. Ngài dạy thêm người nào *chuyên cần nghiên cứu, công sâu sức mạnh tự nhiên được liễu ngộ*. Nghĩa là công phu sâu thì sức mạnh lên, chừng đó tự nhiên liễu ngộ.



39. HÒA THƯỢNG NGUYỆT TÂM DẠY CHÚNG

Ý chí phấn khởi, tinh thần sáng suốt cử thoại đầu, quan trọng trên chữ sau chót, nghi tình còn mãi, thâm thâm thống thiết. Hoặc ngậm miệng tham thâm, hoặc nói ra tiếng theo đuổi, như mất vật quý, cần phải gấp

trước mắt, nắm được trong tay mới chịu. Hằng ngày dụng công, tất cả giờ tất cả chỗ đều không khởi hai niệm.

Ngài dạy chúng ta phải có ý chí phấn khởi, tinh thần sáng suốt. Đối với người tu thiền hai điều này rất quan trọng. Ngồi tu mà không phấn khởi, không sáng suốt rất dễ rơi vào hôn trầm.

Hoặc ngậm miệng tham thầm, hoặc nói ra tiếng theo đuổi. Như mất vật quý, cần phải gấp trước mắt, nắm được trong tay mới chịu. Hằng ngày dụng công, tất cả giờ, tất cả chỗ đều không khởi hai niệm. Tất cả giờ là thời gian, tất cả chỗ là không gian, nơi nào chỗ nào cũng đều không hai niệm. Tu như vậy mới thật là quý.



SỰ KHỔ CÔNG TU TẬP CỦA CHƯ TỔ

1. MỘT MÌNH NGỒI TRONG TỊNH THẤT

Đại sư Đạo An một mình ngồi trong tịnh thất ngót mười hai năm, chuyên gạn lọc tâm tư, được ngộ đạo.

2. NGỒI TRÊN CÂY DỪA MẾ HỒ

Thiền sư Tịnh Lâm, bỏ việc diễn giảng để tu tập thiền định, thường bị bệnh ngủ làm mê loạn tâm. Gần chỗ ngài ở có một cây đại thụ nghiêng mình ra giữa hố sâu thăm thẳm. Ngài lấy cỏ trải lên ngồi kiết già trên đó, giữ tâm buộc niệm, trải qua mấy ngày đêm tâm sợ chết quá mạnh, nên tinh cần chuyên nhất, nhờ thế ngài được đại ngộ.

Đại sư Đạo An ngồi trong tịnh thất ngót mười hai năm mới được ngộ đạo. Ngài Tịnh Lâm trước là một giảng sư, bỏ việc diễn giảng chuyên tu thiền. Khi tu, ngài bị hôn trầm hành gật tới gật lui, ngài cố hết sức trấn tĩnh, nhưng cứ mỗi lần ngồi được một lúc, lại mơ màng hồi nào không hay. Ngài muốn trị bệnh ngủ gục, bèn lên ngồi thiền trên một nhánh cây cao nghiêng ra vực thẳm. Vì sợ té nhào xuống vực nên cố giữ tỉnh táo, không dám chớp mắt. Nhờ thế mà được ngộ. Chính người không sợ chết là người được sống. Chúng ta bây giờ ngồi phải ở nơi yên ổn, tham thiền phải có phòng kín, máy điều hòa không khí, tưởng ngồi trong đó tu chắc hay, nhưng không ngờ những nơi càng tốt, càng khỏe chừng nào càng dễ buông xuôi chừng nấy.

Ở trong cảnh khó, những nơi đáng sợ như chỗ có cọp sói, rấn rết lại mau ngộ đạo. Chúng ta ở nơi an lành quá rất khó ngộ vì không có tâm sợ chết nên không cố gắng. Ngồi thiền khỏe, bước ra tươi rói, trong người tỉnh táo sung sướng, tu như chơi, không có gì mệt nhọc. Chính vì thế nên tu không tới đâu.

Những vị ngồi bị muỗi mòng cắn khổ sở nên ráng đem hết tinh thần ý chí vượt qua. Chúng ta cứ thả rê năm này qua tháng nọ rồi nói “Tôi tu thiền lâu quá mà sao không thấy gì”. Đó là tại vì mình thả trôi như lục bình dưới sông. Phải nỗ lực, nhờ sức cố gắng sẽ vượt qua. Người xưa tu thấy gần như chết, chính như vậy mới sống. Còn mình chưa từng trải qua cảnh gần chết thành ra cũng chưa từng được sống thật.



3. ĂN RAU NGỬ DƯỚI GỐC CÂY

Thiền sư Thông Đạt vào núi Thái Bạch tu, không mang cơm gạo, đói thì ăn rau, nghỉ thì nằm dưới gốc cây. Ngài tọa thiền tư duy năm năm liền không dừng. Do sự cố gắng đó, nhào nặn tâm tư thành một khối. Một hôm, bỗng nhiên khối ấy tan vỡ, ngài đại ngộ.

Chúng ta so với người xưa thật cách quá xa, miệng thì nói “bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ” nhưng trong tâm yếu đuối khiếp nhược. Người xưa như sư tử, còn mình giống dã can không xứng đáng gì hết.

Thiền sư Thông Đạt vào núi Thái Bạch tu không mang theo cơm gạo, đói thì hái rau ăn, không có nhà ở thì nằm dưới

gốc cây ngủ. Ăn rau rừng, ngủ gốc cây, chịu đựng khó khổ tham thiền năm năm liền không dừng. Do sự cố gắng nhào nặn về sau bỗng nhiên ngài đại ngộ. Thật là một tấm gương đáng quý.



4. KHÔNG GIẢI Y

Thiền sư Kim Quang Chiếu xuất gia hồi mười ba tuổi, mười chín tuổi vào núi Hồng Dương, nương theo hòa thượng Ca-diếp, hầu thầy ngót ba năm chưa bao giờ giải y, ngủ không đặt lưng xuống chiếu. Sau, ngài đến núi Cô Xạ cũng chuyên cần như thế, bỗng nhiên khai ngộ.

Thiền sư Kim Quang Chiếu xuất gia lúc mười ba tuổi, mười chín tuổi vào núi Hồng Dương theo hòa thượng Ca-diếp, hầu thầy chuyên cần ba năm mà không giải y, còn chúng ta mặc đồ dơ một chút là thấy nực nội. Ngủ cũng không đặt lưng xuống chiếu, tức là ngồi gục lên gục xuống gì cũng chịu. Sau ngài đến núi Cô Xạ chuyên cần như thế bỗng nhiên đại ngộ. Chính sức cố gắng phi thường đó giúp các ngài ngộ đạo.



5. LẤY DÙI CHÍCH VÀO MÌNH

Từ Minh, Cốc Tuyên, Lang Da, ba người kết bạn đến tham học với Phần Dương. Bấy giờ ở Hà Đông lạnh tốt độ, mọi người đều kinh sợ, duy có Từ Minh quyết chí cầu đạo, sớm chiều bền chí tinh tấn tu tập. Ban đêm tọa thiền ma ngủ đến, Từ Minh lấy dùi chích vào

mình khiến ma ngủ tan mất. Sau này, Từ Minh nổi pháp Phần Dương, đạo phong phát triển, được hiệu là Sư tử Tây Hà.

Ba ngài Từ Minh, Cốc Tuyên, Lang Da kết bạn, cùng nhau đến tham thiền với ngài Phần Dương. Hà Đông trời lạnh, mọi người đều chịu không nổi chỉ có ngài Từ Minh quyết chí cầu đạo, ban đêm tọa thiền mỗi lần ma ngủ đến, ngài lấy dùi chích vào bắp đùi, đau quá giật mình tỉnh ngủ. Chúng ta bây giờ chỉ bị đánh thôi, còn người xưa lấy dùi châm vào đùi. Cứ như vậy cố gắng tu tới ngộ đạo. Chúng ta thấy ý chí người xưa hết sức mãnh liệt. Sau ngài nổi pháp Phần Dương xiển dương tông phong, được gọi là Sư tử Tây Hà.



6. TRONG THẤT TỐI KHÔNG QUÊN

Thiền sư Hoằng Trí đến tham học nơi tổ Đôn Hà Thuần. Một hôm, nhân cùng bạn đồng tu gạn hỏi nhau về công án, Thiền sư bỗng cười to lên. Tổ nghe, trách: “Một tiếng cười của ông đã mất bao nhiêu việc tốt. Nếu tạm thời tam không định, đồng như người chết!” Thiền sư Hoằng Trí bái tạ, ghi lòng. Từ đấy về sau, dù ở trong thất tối ngài cũng không bao giờ quên.

Đây là tấm gương của thiền sư Hoằng Trí tham học nơi tổ Đôn Hà Tử Thuần. Một hôm hai ba huynh đệ ngồi trong thiền đường hỏi nhau về công án, bỗng nhiên ngài cười to quá, động chúng. Tổ Đôn Hà trách: *Một tiếng cười của ông*

đã mất bao nhiêu việc tốt. Nếu tạm thời tâm không định, đồng như người chết! Tâm lúc nào không định là coi như người chết, như vậy chúng ta là kẻ chết hay sống? Chúng ta tưởng mình sống nhưng thật ra đã chết. Ngài bị quả câu đó liền bái tạ, ghi lòng. Từ đó về sau dù ở trong thất tối một mình cũng không bao giờ dám lớn tiếng. Người xưa một lần được dạy là suốt đời không quên, chúng ta bây giờ nhắc rồi quên liền.



7. CHIỀU VỀ RƠI NƯỚC MẮT

Thiền sư Y Am tu hành rất tinh tấn. Mỗi khi trời ngả bóng về chiều, ngài sa nước mắt, than: “Ngày nay vẫn chưa được gì, ngày mai chưa biết công phu ra sao!” Ở trong tăng chúng, không bao giờ ngài thốt ra một lời vô ích.

Người xưa tinh tấn tu hành, chiều đến, thấy một ngày đã qua công phu vẫn chưa có gì nên rơi nước mắt, than *ngày nay vẫn chưa được gì, ngày mai chưa biết công phu ra sao!* Tâm thiết tha như vậy làm sao không ngộ đạo.

Chúng ta ngày nay ngồi trông thời gian qua nhanh, đủ ba năm mãn hạn, được đi đây đi đó. Nhất là vào ba tháng an cư kiết hạ, cứ mong cho đến rằm tháng bảy mãn hạ tự tứ, để được thêm một tuổi hạ. Hoặc nhập thất mong cho mau tới ngày ra thất. Người nào tu mà mong chờ cho hết ngày, hết tháng, hết năm là những kẻ mong chờ mau chết. Biện đạo như vậy nên rất xa với đạo.

Nhiều người thật mâu thuẫn, mỗi ngày qua là một ngày gần cái chết nhưng lại cứ mong nó qua mau. Chuyện quan trọng của người tu là giải quyết vấn đề sanh tử, giải quyết chưa xong mong hết ngày làm gì? Người có chuyện cần thiết, chỉ muốn làm cho xong việc, sớm chừng nào tốt chừng đó, hết giờ mà không xong thấy rất tiếc. Tu hành cũng phải nuôi tâm niệm khẩn thiết như vậy.

Như những người làm mướn, lui hui cho hết ngày ghi sổ, tới cuối tháng lãnh lương, không đặt vấn đề làm xong việc. Người tu đâu phải như vậy. Chúng ta phải làm cho xong việc giải thoát của mình, chứ đâu phải tính ngày tính giờ. Thói thường chúng ta cứ suy tính thời gian, lại không nghĩ vấn đề then chốt là giải quyết sanh tử. Mỗi ngày mỗi giờ trôi qua là mất đi một phần sự sống, mà vẫn chưa giải quyết xong, thật là đáng buồn.

Các vị trụ trì phải thuộc lòng bài này, lâu lâu nhắc chúng, người tu phải giải quyết vấn đề sanh tử của mình, đâu thể vào chùa ngồi chờ chết như vậy. Làm sao mỗi ngày phải vượt lên một bước, thấy chưa tiến là điều đang đau buồn. Thời nay tìm một người tu hành có ý chí thật là hy hữu.



8. BA NĂM NỖ LỰC TU HÀNH

Thiền sư Hối Đường Tâm tự nói: Lúc mới vào đạo trong tâm thâm nghĩ việc tu rất dễ dàng. Đến khi gặp thiền sư Hoàng Long, nghĩ lại tâm niệm ngày trước rất mâu thuẫn với lý đạo. Tôi bèn nỗ lực tu hành, suốt ba năm, nhiều lúc lạnh như cắt, nóng như thiêu vẫn

không lay chuyển chí nguyện, mới được mọi việc hợp lý đạo. Hiện nay, dù tôi vung tay, tăng háng đều là trúng ý Tổ sư từ Ấn Độ truyền sang.

Ngài nói lúc mới vào đạo tưởng chuyện tu là dễ dàng. Có người ở ngoài đời khổ quá thấy mấy thầy thông thả, tự tại nên muốn vào chùa tu, không ngờ vào chùa tu cũng khổ. Người đời khổ theo kiểu người đời. Người tu cũng có cái khổ của người tu. Chỉ những ai biết tu, siêng tu mới vượt qua các trở ngại chướng duyên trên đường tu của mình.

Đến khi gặp tổ Hoàng Long, ngài mới thấy tâm niệm ngày trước là mâu thuẫn, hiểu sai lý đạo nên nỗ lực tu hành. *Suốt ba năm nhiều lúc lạnh như cắt, nóng như thiêu vẫn không lay chuyển chí nguyện.* Bởi vậy ngài mới được mọi việc hợp lý đạo. Khi đó ngài nói vung tay, tăng háng, mỗi hành động đều là đúng với ý Phật, tổ. Nghĩa là xong việc, tự do tự tại, hoàn toàn yên ổn, không còn khổ sở nữa.



9. ĐÁNH THỨC BẰNG CÁCH KÊ ĐẦU GỐI TRÒN

Thị giả Triết khi ngủ lấy cây tròn làm gối, gối đầu. Ngủ vừa trở mình thì đầu rớt xuống chiếu, ngài giật mình thức dậy tu tập. Ngài lấy đó làm quy tắc nhất định hằng ngày trong việc tu hành. Có người bảo: “Dụng tâm như thế là thái quá.” Ngài đáp: “Tôi đối với Bát-nhã duyên phần rất mỏng manh, nếu không cố gắng như vậy, e bị vọng tập lôi cuốn.”

Thị giả Triết khi ngủ lấy cây tròn làm gối chỉ đủ kê cái đầu. Vừa trở qua là đầu rớt xuống giường, giật mình thức dậy tu. Ngài lấy đó làm nguyên tắc nhất định hằng ngày trong việc tu hành. Giờ chúng thức, ngài đã thức trước. Giờ chúng ngủ, ngài còn tiến tu. Có vị nói dụng công như vậy là thái quá. Câu trả lời của ngài rất đáng kính phục: Tôi đối với Bát-nhã duyên phần rất mỏng manh, nếu không cố gắng như vậy, e bị vọng tập lôi cuốn. Ngài là người tự biết mình, thấy duyên đối với đạo kém nên phải cố gắng gấp đôi. Những người có duyên lành đối với đạo, không bị chướng, tất nhiên ít cố gắng. Người bị chướng duyên phải cố gắng bằng hai. Chúng ta bây giờ trái lại, chướng nhiều, duyên ít lại buông xuôi thì thật quá dở.

Câu nói của ngài thật đáng ghi lòng. Người ta có duyên lớn dễ ngộ dễ chứng, còn duyên của mình yếu mỏng phải cố gắng nhiều mới chứng ngộ. Cho nên ngài nỗ lực không ngừng, không vì nghe nói dụng công thái quá mà buông xuôi.



10. BỊ MƯA KHÔNG HAY

Am chủ Toàn dụng công tu tập rất mãnh liệt, đến bỏ ăn quên ngủ. Một hôm, ngài đứng dựa lan can khán câu “con chó không có Phật tánh”, mưa đến bao giờ không hay, khi ướt cả áo mới biết.

Am chủ Toàn dụng công đứng ngoài lan can trời mưa ướt cả áo mà không hay, quên mình vì đạo như thế. Chúng ta ngày nay đâu thể so sánh với người xưa. Cho nên kết quả tu tập chẳng tới đâu cũng là điều dễ hiểu thôi.



11. THỀ KHÔNG XỎ MÊN

Phật Đăng Tuân thiên sư học đạo với tổ Phật Giám. Tham hỏi mãi mà không khế ngộ, ngài than: “Nếu đời này không tỏ ngộ, ta thề không xỏ mên ra nằm nghỉ.” Phát thệ rồi, ngót bốn mươi chín ngày, thiên sư chỉ đứng dựa cột chuyên tâm tham cứu, trạng thái như ngây dại, không khác nào người mất mẹ. Do đó, ngài được đại ngộ.

Thiên sư Phật Đăng Tuân đời Tống, học đạo với tổ Phật Giám. Ngài thấy học hoài mà không ngộ nên than *Nếu đời này không tỏ ngộ, ta thề không xỏ mên ra nằm nghỉ*. Phát thệ xong suốt bốn mươi chín ngày Sư chỉ đứng, khi mỏi quá dựa cột không chịu nằm. Do nỗ lực dũng mãnh ngài được đại ngộ. Chính nhờ quyết tử mới đạt tới đại ngộ, còn chúng ta thử kiểm điểm xem có lần nào cố gắng như vậy chưa? Chắc chưa từng. Nếu chưa từng cố gắng thì phải phát đại nguyện, khả dĩ mới có thể vượt lên.



12. NÉM THƯ KHÔNG XEM

Thiên sư Thiết Diện Bình đi hành cước, ly hương chưa bao lâu, được thư nhà gửi đến. Ngài ném thư, nói: “Đây là việc làm rối loạn ý người.”

Trong chúng ta có ai gan dạ như vậy chưa? Nhiều khi đi tới nơi nào, liền biên thư cho bà con dòng họ, nói tôi ở địa chỉ này để người nhà tới thăm. Người xưa đi hành cước, được thư

nhà gửi đến quăng đi không xem, sợ làm rối tâm. Tuy đây là việc nhỏ nhưng cũng là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo.



13. DO KIÊN THỆ ĐƯỢC GIÁC NGỘ

Thiền sư Linh Nguyên Thanh ban đầu đến tham học với tổ Hoàng Long Tâm, nhiều lần thưa hỏi mà vẫn mờ mịt không biết manh mối. Đêm lại, ngài đến trước bàn Phật phát thệ: “Con nguyện trọn đời phụng sự chánh pháp, cầu mong sớm được khai ngộ.” Sau này, ngài xem bản ngữ lục của tổ Huyền Sa, mệt mỏi dựa vách rồi đứng dậy đi kinh hành. Ngài vừa bước đi sút chiếc dép, cúi đầu xuống tìm, chợt đại ngộ.

Ngài tham học mà không ngộ nên phát thệ *Con nguyện trọn đời phụng sự chánh pháp, cầu mong sớm được khai ngộ*. Do đại nguyện đó mà sau này Sư được khai ngộ.



14. KHÔNG LÚC NÀO DUYÊN CẢNH KHÁC

Thiền sư Viên Ngộ Cần trở lại tham học với tổ Đông Sơn Diễn. Ngài làm thị giả, ngày đêm chuyên cần gắng sức tham cứu. Thiền sư tự nói: “Sơn tăng ở trong chúng không lúc nào tâm duyên cảnh khác, ngót mười năm mới được thấu đạt.”

Sư làm thị giả cho tổ Đông Sơn Diễn, *ngày đêm chuyên cần gắng sức tham cứu*. Ngài tự nói *Sơn tăng ở trong chúng*

không lúc nào tâm duyên cảnh khác. Tức là tâm lúc nào cũng sống trong thoải mái, trong chánh niệm ngọt ngào mười năm không duyên cảnh khác mới thấu đạt.



15. LÚC VỘI VÀNG VẪN KHÔNG QUÊN

Thiền sư Mục Am Trung lúc đầu học tập Thiền Thai giáo, sau chuyên về Thiền tông. Ngài đến tham học với tổ Long Môn Nhãn. Ở đây, thiền sư không một phút giây quên phản tỉnh. Một hôm, ngài đến chỗ quay nước, thấy trên ngạch đề “pháp luân thường chuyển”, chợt đại ngộ.

Ban đầu Sư tập học theo Thiền Thai giáo, tức theo lối tu thiền Chỉ Quán của ngài Thiền Thai. Sau gặp tổ Long Môn Nhãn, ở đây ngài không một phút giây nào quên phản tỉnh. Phản tỉnh cũng giống như lối tu biết vọng. Chính do không quên tu một giây phút nào, một hôm ngài thấy câu *pháp luân thường chuyển* chợt đại ngộ.



16. QUÊN ĐÒ ĐẾN BẾN

Thiền sư Khánh Thọ Hưởng đến tham học với tổ Bảo Công, chuyên cần quên cả sớm chiều. Một hôm, có duyên sự đến Huy Dương, qua bến đò Triệu, nghỉ tình chưa tan, Thiền sư quên đò đã cập bến. Người đồng hành thấy thế, gọi: “Đò đến bến rồi, sao không lên?” Bỗng nhiên, Thiền sư buồn vui lẫn lộn. Trở về, Thiền

sư đem việc ấy bạch lại Bảo Công. Bảo Công nói: “Đó là kẻ nằm cứng đờ, chưa phải ngộ.” Lại dạy khán “Nhật diện Phật”. Một đêm, cùng chúng họp lên thiền đường tịnh tọa, nghe tiếng bảng cây, Thiền sư đại ngộ.

Ngài tu *quên cả sớm chiều*, đi dò tới bến mà quên lên bờ. Có người nhắc ngài bước lên nhưng vui buồn lẫn lộn. Tại sao vui buồn lẫn lộn? Vì thấy công phu của mình đã sâu nhưng vẫn chưa ngộ. Về thuật lại cho ngài Bảo Công, Bảo Công nói: *Đó là kẻ nằm cứng đờ, chưa phải ngộ*. Lúc quên thân vẫn chưa phải là ngộ còn phải tiến lên nữa. Vì vậy thiền sư Bảo Công dạy khán câu *Nhật diện Phật*. Nhờ công phu chuyên cần quên cả sớm chiều, một hôm nghe tiếng bảng ngài đại ngộ.



17. QUÊN CẢ ĂN NGỦ

Thiền sư Tùng Nguyên Nhạc lúc còn làm cư sĩ đến tham vấn Ung Am Hoa, không khế hội, nhưng vẫn cố gắng tinh tấn. Sau ngài đến học với Mật Am Kiệt. Am Kiệt hỏi đâu, ngài trả lời suốt thông cả. Am Kiệt than: “Thiền như cây Hoàng Dương!” Ngài càng cố gắng tinh tấn hơn, cho đến quên ăn quên ngủ. Một hôm, Mật Am Kiệt vào thất một vị tăng bên cạnh hỏi: “Không phải tâm, không phải vật, không phải Phật?” Ngài nghe lóm liền đại ngộ.

Ngài cố gắng tu không bao giờ dám bê trễ cho tới quên ăn quên ngủ. Nhờ vậy một hôm nghe câu nói vị tăng bên

cạnh hỏi thiền sư Mật Am Kiệt, ngài nghe lóm liền đại ngộ. Các ngài đều là những tấm gương lớn cho chúng ta học tập.

18. THÂN MIỆNG ĐỀU QUÊN

Thiền sư Cao Phong Diệu ở trong chúng lữ không bén chiếu, thân miệng đều quên. Có khi ngài ngậm miệng bùm mũi đi như người trong nhà vệ sinh mới ra; hoặc khi ngài hả hoác miệng như cửa không gài. Sau đến Kính Sơn, ngài vừa vào đến nhà, liền đại ngộ.

Thiền sư Cao Phong Diệu tức tổ Cao Phong, ở trong chúng lữ không bén chiếu, thân miệng đều quên. Xưa trong tông lâm đông người, đi vệ sinh phải đào hầm, khu vực này rất hôi thối. Khi vào nhà vệ sinh phải bùm mũi lại, lúc ra ngài cũng bùm mũi như vậy đi luôn. Tức là ngài quên hết chỉ còn biết có câu thoại đầu. Hay có khi *hả hoác miệng như cửa không gài*, chứng tỏ ngài tu quên cả thân tâm, vì vậy mới có ngày đại ngộ.



19. BỎ HẾT MUÔN VIỆC

Thiền sư Kiệt Phong Ngu trước tiên học đạo với tổ Thạch Môn. Sư vâng giữ pháp ngữ của Tổ, ngày đêm mài miết tham cứu. Về sau, Sư đến tham vấn tổ Chỉ Nham, tham câu “Không phải tâm, không phải vật, không phải Phật”. Lúc ấy lòng nghi càng tăng. Sư bỏ hết muôn việc, quên cả ăn ngủ. Hết mai lại chiều, Sư ngồi sững như tượng gỗ. Một đêm, Sư nghe vị tăng ở

phòng cạnh bên ngâm câu “Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân” trong bài Chứng Đạo Ca, bỗng nhiên thấy tự do như người trút gánh nặng. Sư đặc ý hai câu:

Đêm vắng bỗng quên tay chỉ nguyệt,

Hư không thoát lộ bóng dương hồng.

Thiền sư Kiệt Phong Ngu việc gì cũng bỏ, quên hết cả ăn ngủ. *Hết mai lại chiều, Sư ngồi sống như tượng gỗ*, đêm ngày đều như vậy. Một hôm nghe đọc câu: *Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân*, ngài liền chứng đạo nói hai câu thơ:

Đêm vắng bỗng quên tay chỉ nguyệt,

Hư không thoát lộ bóng dương hồng.

Nguyên văn chữ Hán: *Dạ bán hốt nhiên vong nguyệt chỉ, hư không tịnh xuất nhật luân hồng.*

Hai câu này thật hay. *Đêm vắng bỗng quên tay chỉ nguyệt*, tức là trong đêm lặng lẽ bỗng quên ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay chỉ mặt trăng dụ cho Phật pháp. Lời Phật dạy hay những câu thoại đầu cũng như ngón tay chỉ mặt trăng, đều quên hết. Khi ấy bỗng nhiên *Hư không thoát lộ bóng dương hồng*. Hư không ví dụ cho tâm không. Trong chỗ tâm không, rỗng lặng đó có mặt trời chiếu sáng. Đúng với câu của ngài Vô Ngôn Thông ngộ nơi tổ Bá Trượng “Tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu”. Tức chỉ cho khi tâm không, mặt trời trí tuệ tự chiếu sáng. Tâm không mà phải có ánh sáng trí tuệ hiện ra mới là xong việc. Câu này cho thấy ngài đã đạt đến chỗ cứu cánh.

20. BẾ CỬA NỖ LỰC THAM CỨU

Thừa tướng Di Thích Sở Tài đến tham học với Vạn Tùng lão nhân. Ông bỏ hết việc nhà bế cửa thất không tiếp khách. Dù những khi giá lạnh, nóng bức, không ngày nào ông dừng nghỉ tham cứu. Đêm đến, ông tắt đèn sáng kế tiếp mặt trời để bỏ ngủ. Ban ngày thì ông quên ăn. Như vậy, suốt ba năm, ông mới được ấn chứng.

Đây là một cư sĩ làm thừa tướng sau khi tham học với Vạn Tùng lão nhân về nhà bế cửa không tiếp khách. Dù cho giá lạnh hay nóng bức, ngày hay đêm cũng không dừng nghỉ tham cứu. Ban đêm tắt đèn sáng rực như ban ngày để không ngủ. Quên ăn quên ngủ như vậy suốt ba năm mới được ấn chứng. Dù là cư sĩ nếu nỗ lực tu cũng sẽ ngộ. Cư sĩ còn tu như vậy huống là người xuất gia. Cạo đầu xuất gia cầu giải thoát sanh tử mà tu lơ mơ thì thật là đáng tui!



21. ĐỤNG ĐẦU VÀO CỘT

Thiền sư Trung Phong Bồn theo hầu ngài Tử Quan. Ngày đêm chuyên cần tu tập, mỗi khi buồn ngủ lắm, Sư đụng đầu vào cột nhà cho ma ngủ tan biến. Một hôm, Sư tụng kinh Kim Cang đến câu “Hà đảm Như Lai sứ” (Gánh vác việc Như Lai) bỗng nhiên thấu đạt. Sư tự cho rằng chỗ chứng chưa cùng tột, càng cố gắng tinh tấn, thưa hỏi không dám bê trễ.

Một lúc nọ, Sư nhìn dòng nước chảy, chợt đại ngộ.

Ngài Trung Phong Bồn theo hầu thiền sư Tử Quan, còn nhỏ mà hầu thầy, ngày đêm chuyên cần tu tập. Mỗi khi buồn ngủ quá, dùng đầu vào cột cho ma ngủ tan biến. Nhờ vậy, một hôm tụng kinh Kim Cang đến câu *Hà đảm Như Lai* sứ liên thấu đạt, nhưng vẫn cho rằng chưa cùng tột, ngài cố gắng mãi miết đến một hôm nhìn thấy dòng nước chảy chợt đại ngộ. Lúc đó mới thật là ngộ cứu cánh.

Gương hạnh của người xưa, có vị buồn ngủ quá lấy dùi chích, có vị dùng đầu vào cột. Chúng ta bây giờ vừa buồn ngủ đã lo ngủ, rất dở.



22. TRONG THẤT KHẮC KHỔ

Thiền sư Độc Phong Thiện bố quan ở Dục Khê. Trong thất, ngài không kê giường, chỉ để một cái ghế ngồi. Ngài tự nguyện: “Nếu chẳng tỏ ngộ, ta không rời khỏi chỗ này.” Một đêm, hành đạo quá mỗi mệt, ngài vừa lại ghế ngồi, bất giác ngủ quên đến canh ba. Tự trách mình, ngài chỉ đi đứng chứ không ngồi nữa. Nhưng một hôm, ngài lại dựa vách ngủ quên. Sau khi thức giấc, rất hối hận, Thiền sư lập thệ: “Không nường tựa vách.” Chừng ấy, thân thể nặng nề mỗi mệt, mí mắt chỉ muốn sụp xuống, ngài khóc lóc lễ Phật sám hối, tìm đủ cách để đánh đuổi ma ngủ đi. Nhờ thế, công phu của ngài càng lúc càng tăng tiến thêm.

Ngài thật là khắc khổ, đóng cửa ở trong thất, không kê giường, chỉ để một cái ghế ngồi, nguyện chết sống tại chỗ đó:

Nếu chẳng tỏ ngộ, ta không rời khỏi chỗ này. Một đêm hành đạo mỗi mệt quá vừa lại ghé ngời, ngủ quên đến canh ba. Khi giật mình dậy, ngài tự trách, từ đó chỉ đi đứng chứ không ngời. Vì ngời dễ buồn ngủ nên ngài không ngời để xem có ngủ hay không.

Nhưng một hôm lại dựa vách ngủ, tỉnh giấc hối hận nên lập thệ: *Không nương tựa vách*. Như vậy tức là luôn luôn đi đứng ở ngoài chứ không dựa vách. Người ta không nằm là quá rồi, ngài không ngời. Không ngời là quá rồi lại cũng không dựa vách luôn. Tới chỗ này là tốt.

Chừng ấy, thân thể nặng nề mỗi mệt, mí mắt chỉ muốn sụp xuống. Dụng công tới như vậy mà chưa tỏ ngộ nên ngài khóc, lễ Phật sám hối, tìm đủ cách đuổi ma ngủ đi. Nhờ thế công phu càng lúc càng tăng tiến. Chính lời nguyện này giúp ngài thành công.

Một đêm, nghe tiếng chuông, ngài bỗng cảm thấy thân tâm vắng lặng không còn chỗ nương tựa, liền đặc ý làm kệ:

Trầm trầm tịch tịch tuyệt thi vi,

Xúc trước vô đoan, hầu tợ lời!

Động địa nhất thanh tiêu tức tận,

Độc lâu phấn túy mộng sơ hồi.

Dịch:

Thâm thâm lặng lặng bất duyên ngàn,

Một tiếng chày kinh tợ sấm vang!

Manh mối khôn tìm, tin tức vắng,

Đầu xương sọ nát, mộng vừa tan.

Nghe tiếng chuông thì bao nhiêu tin tức, tâm nguyện đều vắng lặng. Lúc đó giống như đầu xương sọ nát ra, tỉnh giấc tan cơn mộng. Tu tới đây mới thỏa chí nguyện. Nếu không ngộ chắc ngài đã chết trong thất. Cho nên Phật, tổ không bao giờ cô phụ người có chí. Có nỗ lực tất nhiên có ngày tỏ ngộ.

Chỉ vì chúng ta không nỗ lực nên không ngộ đạo. Nếu cứ cố gắng mãi, chừng nào chết thì thôi tất nhiên sẽ ngộ. Nên nói Phật, tổ không bao giờ cô phụ mình tại mình cô phụ Phật, tổ.



23. QUÊN NÀM

Thiền sư Bích Phong Kim tham học với ngài Phổ Vân Hải. Phổ Vân dạy khán công án “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” Ngài nghĩ đến ba năm. Một hôm, nhân đi hái rau với Phổ Vân, ngài chột im lặng rất lâu. Phổ Vân hỏi: “Ông định sao?” Ngài thưa: “Định và động không quan hệ.” Phổ Vân hỏi: “Định động không quan hệ, ấy là người gì?” Ngài lấy cái sọt đựng rau đưa lên. Phổ Vân không chịu. Ngài ném cái sọt xuống đất. Phổ Vân cũng không chịu. Từ đó về sau, ngài càng thiết tha công phu, đến lưng không bén chiếu, một lần tọa thiền đến bảy ngày mới xuất. Một hôm, nghe tiếng chặt cây ngài đại ngộ.

Nghi tình của ngài kéo dài tới ba năm. Nhân một hôm đi hái rau, ngài chợt im lặng. Phổ Vân thấy hỏi: *Ông định sao?* Ngài thưa: *Định và động không quan hệ.*

Phổ Vân lại hỏi: *Định động không quan hệ, ấy là người gì?* Ngài đưa sọt rau lên Phổ Vân không chịu, ném sọt rau xuống cũng không được. Nếu người nào tới đó cho rằng đã xong, không cố gắng nữa thì công phu sẽ bị dừng lại. Ngài Phổ Vân biết vậy nên không chấp nhận. Từ đó về sau ngài càng cố gắng tu thiết tha tới *lưng không bén chiếu*, một lần tọa thiền đến bảy ngày. Một hôm, nghe tiếng chặt cây ngài đại ngộ.



24. GIỮ ĐỘN CÔNG PHU

Thiền sư Vô Tế lúc mới thực hành công phu không đọc đến bốn quyển kinh Lăng-già, và những bản ngữ lục cũng không xem. Ngài cam chịu mù tối chuyên ròng thực hành độn công phu. Thế mà sau này, ngài vẫn được đại ngộ.

Thiền sư Vô Tế tu bằng cách chịu dốt, không coi kinh sách, chỉ nghe lời thầy dạy lấy đó làm pháp tu hành. Cứ chuyên ròng thực hành công phu, sau cùng cũng được đại ngộ. Như vậy rõ ràng tu là cốt phải đem hết nhiệt tình, nhiệt huyết mà tu, nhất định sẽ được đại ngộ.

Phần trên là dẫn gương các vị thiền sư ngày xưa khổ hạnh được đạo. Sau đây là phần trích dẫn trong các kinh.



DẪN CÁC KINH

(Phần này chỉ dịch bốn đoạn)

1. IM LẶNG CHUYÊN CẦN TU TẬP

Tôn giả A-na-luật-đà, tôn giả Nan-đề, tôn giả Kim-tỳ-la ở chung trong rừng chuyên tu thiền định. Sáng các ngài trước sau đi khất thực, trở về thọ trai xong, mỗi vị đều tọa thiền đến chiều mới xả. Vị nào xả trước, thấy trong hũ hết nước, nếu mạnh thì một mình đi xách, nếu yếu lấy tay ra dấu gọi một vị nữa cùng xách, mọi người không nói chuyện với nhau. Đến năm ngày mới họp một lần, hoặc hai người thuyết pháp, hoặc như thánh im lặng.

(Kinh Trung A-hàm)

2. KHÔNG THẤY ĐẠO THÈ KHÔNG NẪM NGHỈ

Một vị xuất gia ở nước Ba-la-nại, tự thệ: “Không khế hội chân lý, thệ không nằm nghỉ.” Ngày đêm đều đi kinh hành, trải ba năm như vậy, liền đắc đạo. Một vị Sa-môn ở nước La-duyet-kỳ, trải cỏ làm nệm ngồi, ngài tự thệ: “Không đắc đạo, quyết không rời chỗ này.” Những khi buồn ngủ quá, ngài lấy dùi chích vào vế cho mất buồn ngủ. Trong vòng một năm như vậy, ngài ngộ đạo.

(Kinh Tạp Thí Dụ)

Những vị sau này cũng giống như các vị trước quyết chết tu hành mới được ngộ.



3. VÌ CHUYÊN CẦN CAM CHỊU MỌI KHÓ KHỔ

Giả sử thân ta máu thịt khô kiệt, chỉ còn da bọc xương, nếu chưa đạt được thắng pháp, quyết không dừng nghỉ. Vì tinh tấn cam chịu những việc nóng lạnh, đói khát, gió mưa... lại cam chịu người khác hành hạ thân thể đau đớn, cam chịu mọi sự mắng nhiếc, hủy nhục của người.

(A-tỳ-đàm Tập Di Môn Túc)

Người tu hành phải phát thệ nguyện như vậy. Thân này dù cho còn da bọc xương, nếu không đạt được thắng pháp của Phật quyết không dừng nghỉ. Cam chịu hết tất cả, không sợ, không ngại bất cứ điều gì, chỉ một bề tinh tấn tu hành.



4. HỒNG KHÔNG BÉN CHIẾU

Ngài Hiếp Tôn Giả tám mươi tuổi mới xuất gia. Những vị tăng thiếu niên hỏi ngài: “Việc của người xuất gia, một là tập tu thiền định, hai là học tụng kinh điển, mà ông nay tuổi già yếu làm sao tu tiến được?” Tôn giả nghe rồi, liền phát thệ: “Tôi nếu không thông ba tạng kinh, không đoạn được ái dục trong ba cõi và chứng được sáu pháp thần thông, đầy đủ tám món giải

thoát, thệ không để hông bén chiếu.” Từ đây, Tôn giả ban ngày thì nghiên cứu giáo lý, ban đêm thì tọa thiền an định, suốt ba năm như vậy, liền chứng đầy đủ như sở nguyện. Người thời bấy giờ kính trọng hạnh tinh tấn của ngài, nên đặt hiệu là “Hiếp Tôn Giả” (Tôn giả hông không bén chiếu).

(Tây Vực Ký)

Chúng ta thấy vị nào khi đã phát đại nguyện đều được như nguyện. Còn mình bây giờ tại chưa phát đại nguyện nên không cố gắng. Bởi không cố gắng nên sống như lục bình trôi chờ tới ngày mục rã, không được gì hết, thật uổng phí! Chúng ta phải nỗ lực, phải thệ nguyện làm sao trong một đời giải quyết cho xong, đừng lơ mơ.

Đọc xong quyển Thiên Quan Sách Tấn này tôi cũng rất hổ thẹn thấy mình chưa xứng đáng. Người tu phải đi cho tới tột cùng, tức là cùng sông tột núi mới là chỗ an thân lập mạng. Chưa tới tột cùng mà dừng lại, đó là bệnh. Chính vì thế chúng ta phải nỗ lực.

Khi nhập thất, tôi nghĩ: Nếu sống thì phải biết Phật pháp cho thấu đáo, còn không thì chết, chứ không chấp nhận sống lừng chừng, nói đạo lý ngoài miệng mà trong ruột không có tu. Chính tâm nguyện đó giúp cho tôi cố gắng tu tiến lên.

Khi tiến được, tôi mừng rằng lâu nay mình bế tắc, cũng như đoàn người cùng lạc đường trong rừng, bây giờ tìm thấy rõ lối ra. Nhớ lại còn bao nhiêu người đang lẫn lộn trong đó, không lẽ một mình mình thoát ra, nên vội vàng nhắc

người này, kêu người kia, chỉ đây là đường ra, đường về nhà. Tuy có lòng tha thiết muốn chỉ cho mọi người biết đường về nhà nhưng lúc đó chính mình cũng chưa phải là kẻ tới nhà. Thành ra thấy dường như sốt sắng nhưng thật tình mình cũng chưa xong việc, cần phải nỗ lực hơn nữa.

Hồi trước có lúc tôi rất buồn vì tuy đã dạy học, mà tự biết mình còn bế tắc trong công phu. Khi đó tôi có làm bài thơ về người mù. Đại ý tả nỗi đau khổ của người mù, quờ quạng tìm kiếm đường đi. Đó là tâm trạng lúc tôi ham tu thiền nhưng không có người hướng dẫn, thấy mình như kẻ mù. Vì vậy sau khi tìm được pháp tu, tôi không cam chịu hưởng một mình.

Ai nỗ lực tu thì một ngày nào đó chắc chắn sẽ được ngộ. Người nào quyết chí dám chết để hiểu đạo thì người đó sẽ được sống và hiểu đạo. Nếu ai cứ lừng chừng thì suốt đời cũng chỉ là kẻ chờ chết, không có ý nghĩa gì.

Người tu đâu phải chỉ lo an thân mà phải giải quyết vấn đề sanh tử. Vì giải quyết vấn đề sanh tử mới đi tu. Cho nên chúng ta phải nỗ lực hơn. Còn sống ngày nào thì ngày đó phải tu, không được chần chừ. Nhiều người hơi bệnh một chút là dừng công phu, hoặc hơi khó chịu liền sợ. Cứ như vậy công phu sẽ không tới đâu. Nếu ham sống thì chính mình là người chết. Ngài Đôn Hà nói: “Tâm niệm lăng xăng, sống mà gọi là kẻ chết.” Trong tâm cứ hết niệm này tới niệm kia, lăng xăng không dừng, đó gọi là kẻ chết.

Học Thiền Quan Sát Tấn thúc đẩy chúng ta phải mạnh mẽ, không được yếu đuối, phải có một sức mạnh quyết tiến không ngừng. Làm sao người xưa mười, mình cũng được bảy,

tám. Chẳng lẽ người xưa mười, mình chỉ có một thì thật đáng xấu hổ.

